

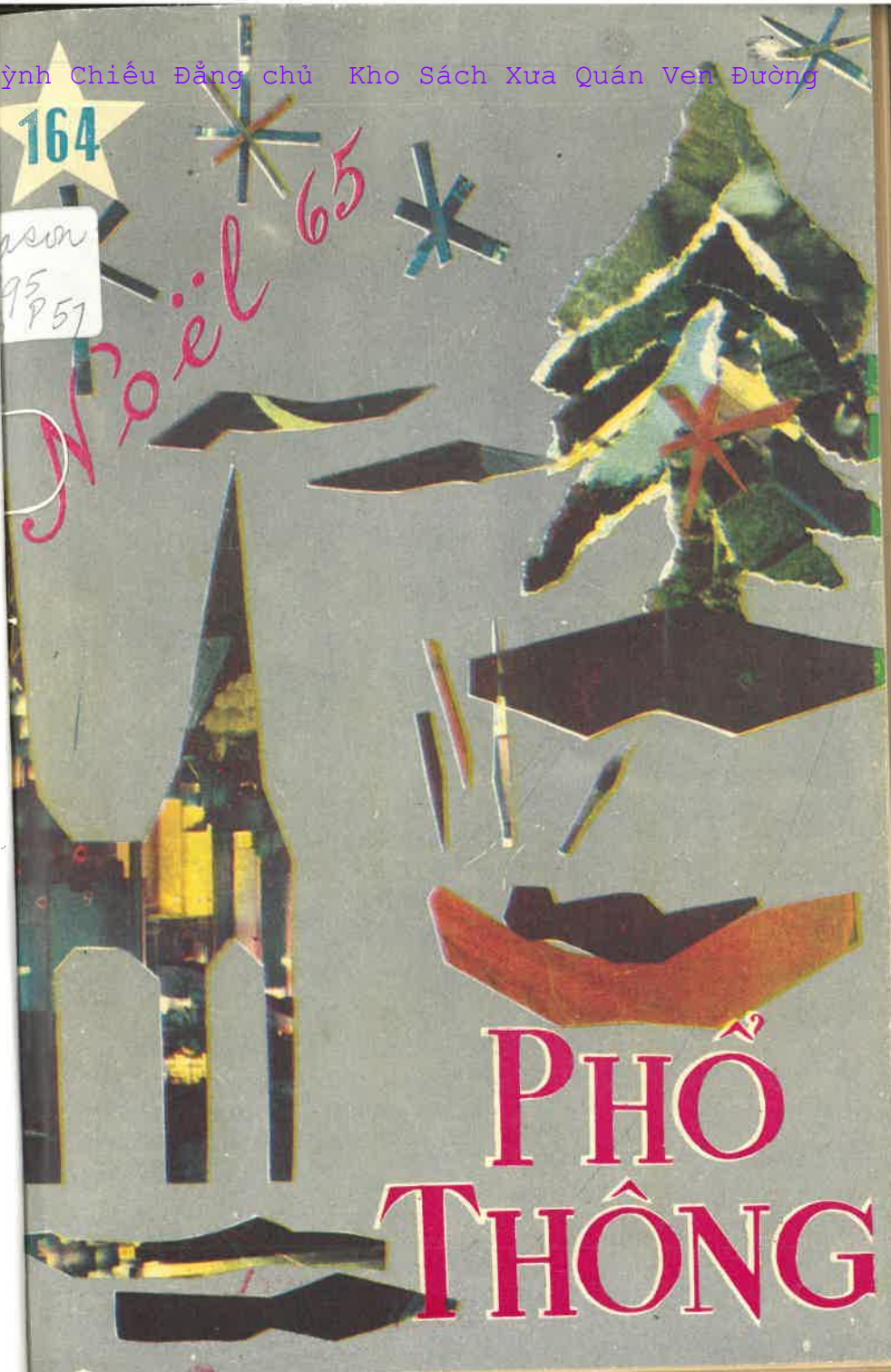
Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Văn Đường

164

ason  
95  
P51

Noël 65

PHỔ  
THÔNG



P  
H  
Ồ  
T



NƠI GẶP GỠ  
NHỮNG NHÀ VĂN  
NHÀ THƠ TÊN TUỔI CỦA  
HAI THẾ HỆ :

H  
Ồ  
N  
G

• THIẾU SƠN • THÂM THỆ HÀ • TRẦN DẠ TỬ  
• NGUYỄN VĂN CỒN (Paris) • PHẠM VĂN SƠN  
• TRỌNG TẤU • HỒ NAM • NGUYỄN THU MINH  
TRẦN TUẤN KIẾT • GIANG TÀN • TỬ TRÂM LỆ  
• VÕ QUANG YẾN (Paris) • TRẦN ĐỨC UYÊN •  
NHẤT TUẤN

• NGUYỄN KHAI • SONG THU • THÁI BẠCH •  
NGUYỄN TỬ QUANG • DUYÊN ANH • THANH  
TƯỜNG HOÀNG • HOÀI KHANH \* LÊ TRĂNG  
KIỀU • LAN ĐÌNH • HOÀNG THẮNG • TƯƠNG (H) •  
THUY DƯƠNG TỬ • NGUYỄN VĂN HỒNG • PHƯƠNG

DUYÊN \* VŨ MINH THIỀU \* TÍN KHANH  
HOÀNG HẢI THỦY • THANH NAM \* MAI  
THẢO • HUY SƠN \* TUẤN HUY • NGỌC  
DŨNG • VƯƠNG TÀN

X  
U  
ÂN  
B  
I  
N  
H  
O  
G



● THANH VIỆT THANH ★ MẶC TƯỜNG ●  
PHAN MINH HỒNG ★ NGỌC HÂN ● TỔNG  
MINH PHỤNG ★ NGUYỄN VƯƠNG ● DUY  
THỨC ★ HIỀN VI ● THANH PHONG ★  
ĐÀM QUANG THIÊN ● NGUYỄN QUANG  
★ HOÀNG NGỌC LIÊN ★ DUY SINH ● TA  
QUANG PHÁT ★ JAYA PANRANG ● LƯU  
BẢNG ★ LÂM TÙNG SINH ● NINH CHỮ  
★ ĐÔNG XUYỀN ● TẾ XUYỀN v. v...

● DIỆU HUYỀN ★ TÂN PHONG ● NGUYỄN VỸ

### Phổ Thông Xuân Bính-Ngọ

SẼ ĐƯA CÁC BẠN VÀO THĂM NHỮNG  
CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ CỦA VƯỜN HOA  
VĂN NGHỆ VIỆT NAM ĐẦY VUI — BUỒN  
— VINH — NHỤC...

TỪ TIỀN CHIẾN ĐẾN  
HÔM NAY

### PHỔ-THÔNG TẬP-CHÍ

Là một tập báo chuyên về Văn-hóa Dân-tộc và Văn-hóa quốc-  
tế, có uy-tín nhất ở Quốc-Nội và Quốc-Ngoại, mà mỗi gia đình  
Việt-Nam đều nên có thường xuyên.

# PHỔ-THÔNG

TẬP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-sở: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 164 ★ 1-1-1966

1. — Đặc biệt Noel . . . . .	Nguyễn Vỹ	7 — 9
2. — Nguồn gốc và sự phát triển của ngày lễ Giáng-Sinh . . . . .	Lê Võ	10 — 15
3. — Đi tìm sự thật về Nữ Giáo hoàng Jeanne VIII . . . . .	Phạm Danh Quang	16 — 23
4. — Những vụ đảo chính dưới đời Tự Đức.	Phạm Văn Sơn	24 — 28
5. — Tàu khúc của giòng sông (thơ)	Mặc Tường	29
6. — Tiếp tục (truyện)	Mẫn Hùng	30 — 34
7. — Thần thoại Hy Lạp La mã . . . . .	Đàm Quang Thiện	35 — 40
8. — Vọng, hoa nở (thơ)	Nguyễn Vương	41
9. — Fatma, sứ giả hòa bình (thơ)	Thanh Quảng	42
10. — Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . .	Nguyễn Vỹ	43 — 46
11. — Gió lốc (truyện).	Hữu Châu	47 — 55
12. — Bia mộ của ông ngoại Vua Tự Đức, hay của Đại úy Barbé ? . . . . .	Tân Hiến	56 — 61

13. — Nước vàng, cây hát, chim ca (truyện)	Thanh-việt	Thanh	62	—	68
14. — Chuyện cờ tướng . . . . .	Đạt Đức Thích	Thông Bửu	69	—	73
15. — Nhận diện (thơ) . . . . .	Sogan	Liên			74
16. — Minh ơi! Tại sao có lục xám mình? . . . . .	Diệu	Huyền	75	—	85
17. — Ai (thơ) . . . . .	Yên	Bàng			86
18. — 10 năm chung sống với Picasso. . . . .	Tân	Phong	87	—	91
19. — Hoàng thị Lộc Hà (truyện) . . . . .	Ngọc	Hân	92	—	104
20. — Tri thức tri ngã . . . . .	Hiền	Vi	105	—	108
21. — Một cái tang cho Văn nghệ. . . . .	Tân	Phong	109	—	110
22. — Rudyard Kipling (thơ) . . . . .	Diệu	Huyền			111
23. — Phở Thông vòng quanh thế giới . . . . .	Tín	Khanh	112	—	113
24. — Lửa tình . . . . .	Trần-tuấn-Kiệt		114	—	130



- \* Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
  - \* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
  - \* Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỞ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.
  - \* Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
  - \* Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỞ THÔNG, printed in Việt-Nam.

• Tổng phát hành PHỞ - THÔNG toàn quốc:  
ĐÔNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

• Tổng-phát-hành PHỞ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa

**LONG.HIỆP**

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS 7<sup>e</sup>  
(vente — abonnements — Publicité)

W 227595  
101 \*

Đặc  
Biệt

**Noel**



**N**HƯ mọi năm,  
ngoài số Kỷ-niệm  
chu-niên và số Xuân  
Phở-Thông còn ra hai số  
đặc-biệt Phật-Đản và Noël.

Chúng tôi muốn nhắc lại để bạn đọc thân-mến thông cảm với lập-trường Văn-hóa của Phở-Thông tạp-chí: không phân-biệt tôn-giáo. Trong số trên 30.000 bạn đọc thường-xuyên của chúng tôi, ở trong nước và Hải-ngoại, có đủ các thành-phần tôn-giáo,

đủ các khuynh-hướng văn-nghệ và chính-trị. Đứng ngoài mọi kỳ-thị, và đảng-phái, chúng tôi vẫn chủ trương một Văn-hóa tự-do, độc-lập, tiến-bộ, một Văn-hóa hoàn-toàn dân-tộc.

● Chúng tôi không chịu gò-bó trong một khuôn khổ nào cả, không để ràng-buộc bởi một ảnh-hưởng nào cả, không chạy đua theo đám ăn tàn, hay quy-lụy dưới một thế-lực nào cả.

● Chúng tôi không thuộc vào hạng « Văn-hóa Dollar », « Văn-nghệ xoi-thịt ». Chúng tôi xa-lánh họ, không bao giờ chấp-nhận sự hợp-tác của họ, và không bao giờ hợp-tác với họ.

● Bọn Văn-hóa nô-lệ đó cũng tai hại như Văn-hóa nô-bộc của Cộng-sản. Cả hai đều phản dân-tộc. Cả hai đều phi văn-hóa.

● Những kẻ mệnh danh là « tri-thức », « học-giả », khi Thiên-chúa mạnh chạy theo cầu-cạnh các vị Linh-mục, khi Phật-giáo mạnh chạy theo lay các vị Thượng-tọa, đều là những kẻ vô-thận, cũng như Cộng-sản mà thôi,

● Chúng còn tệ hơn Cộng-sản, vì chúng giả-dối, hèn-nhát, trước theo Tây, sau theo Nhật, giờ theo Mỹ, biết đâu đang lên-lút theo Trung-cộng, theo Nga. Vậy mà dám vênh-váo mở miệng ra là « văn-hóa Việt-Nam », là « Văn-nghệ tự-do ».

● Thà chúng cứ là giáo sư đại-học với vài món trí thức vụn, thi-sĩ với mấy vần thơ cóc nhái, học giả với vài món triết ba-rơi, lý luận văn-chương con tâu, để lừa bịp đời nhưng không làm nhục được Văn-Hóa, không dám xuyên tạc đạo Chúa, đạo Phật, không làm ô-uế nổi thanh danh của V.N.

● Khổ nỗi, chúng tưởng rằng Văn-hóa Việt-nam là chúng. Văn-nghệ tự do là chúng, Thi-văn lành mạnh cao-siêu là chúng, tinh-thần dân-tộc, là chúng !

● Những bạn trẻ của Việt-nam tự-do được diễm phúc khỏi bị đầu-độc bởi Văn-hóa mác-xít phản tự-do, giết linh hồn, chà-đáp nhân-phẩm.

Nhưng một số bạn trẻ tìm tòi học-hỏi, say-mê chân-lý, đang bị đầu-độc bởi bọn đầu-cơ Văn-hóa, bồi-bút xoi-thịt, lợi-dụng tình-trạng chiến-tranh và loạn-lạc, múa rối trước Đền đài Văn-nghệ; dưới mặt nạ tin-đồ các tôn-giáo, học-giả, văn-sĩ, thi-nhân.

Chúng tôi cầu nguyện chiến tranh chóng hết, Hòa bình mau trở về, để cho một thế hệ mới của Thanh niên Văn nghệ quét sạch các đơ bẩn, căn bã của loạn ly, và tiếp tục nhiệm vụ thiêng liêng xây dựng Văn-hóa vinh quang của Dân tộc.

Tên lĩnh vực Văn hóa thuần túy, và nhằm mục phiêu vừa trình bày như trên, chúng tôi nhận thấy ý nghĩa của ngày lễ Giáng Sinh của Đấng Christ năm nay đối với các bạn Thiên Chúa giáo cũng như với toàn thể Dân tộc, là cầu nguyện cho Hòa Bình, Hòa Bình Xây dựng, Hòa Bình trong sáng, Hòa Bình với tất cả « những người có thiện chí.»

Riêng với các bạn đọc Thiên Chúa giáo, tạp chí Phổ Thông thân chúc quý bạn một lễ Noel vui mừng và hy vọng.

**PHỔ THÔNG TẠP CHÍ**

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC VÀ  
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀY

## LỄ GIÁNG-SINH

● Thời trung cổ, Lễ Giáng Sinh là ngày lễ phổ thông nhất cho mọi người ở Anh.

Từ nhà vua cho đến người hành khất, đều góp phần tham dự cuộc lễ thiêng liêng, trọng đại này.

□ LÊ-VŨ

**K**HI các thiên thần xuất hiện che chở giấc ngủ của người chăn cừu kỳ diệu trên cánh đồng gần Bethlehem, thì những bài hát vang dội — « Vinh quang cho Chúa trên trời, bình an cho người dưới thế. » — Vậy là bắt đầu cuộc lễ tôn giáo thân yêu nhất của chúng ta — lễ Giáng Sinh, hoặc *Christes Mass*. Hiện nay, khắp nơi trên thế giới, lễ này được kỷ niệm trong nhiều cách, dưới những tên như: *Kerst Misse* ở Hòa Lan, *Noël* ở Pháp, *Il Natal* ở Ý; *Wethnachten* ở Đức và *El Natal* ở Tây Ban Nha.

Cuộc lễ như chúng ta được biết, cử hành vào ngày cuối mùa đông, khoảng 25-12, khi tất cả mọi người đang chờ đợi một mùa xuân đến, không phải là một quan niệm nguồn gốc của đạo Thiên chúa. Bởi vì nhiều năm trước Chúa Giáng sinh, các nhóm tôn giáo khác đã cử hành lễ (liên quan với

## LỄ GIÁNG SINH

sự phong phú của mặt đất) đồng thời với mùa này. Người La Mã chẳng hạn, hằng năm cử hành cuộc lễ vị thần canh nông của họ vào giữa tháng chạp cho đến bắt đầu vào năm mới. Họ trao đổi quà tặng và chiêu đãi trong việc ăn uống nhiều hơn và bày ra nhiều trò chơi cùng đi thăm viếng lẫn nhau.

Ở Bắc Âu-châu bộ lạc theo Tà giáo Teutonic (mà năm mới bắt đầu vào ngày cuối mùa đông, khoảng 21-12) đề tụng hô « Cha Chung » của họ. Sau khi gặt hái xong, những tháng sau đó họ hạ súc vật làm thịt. Đây là tục lệ tự nhiên dành cho những bữa tiệc và cuộc vui công cộng. Bằng ánh lửa trại, họ ăn uống tất cả thực phẩm dự trữ trong khoảng tuần thứ tư của tháng mùa đông cuối năm (Yuletide), mùa mặt trời hồi sinh.

Khi Đại Đế Constantine thiết lập đạo Thiên chúa như một tôn giáo của đế quốc La Mã, sự ngược đãi Thiên Chúa giáo đã chấm dứt. Đầu tiên, ngày Giáng sinh của Chúa không được tổ chức bởi các môn đệ của Ngài, vì những cha sở của Giáo hội không muốn ngày thiêng

liêng này khoá vào một phần với cuộc hội hè, vui chơi của những người theo tà giáo.

Sau cùng—theo thánh Chrysostom — theo lời yêu cầu của thánh Cyril ở Jerusalem, Julius I (Đức Giáo hoàng, hoặc Giám Mục của La Mã từ năm 337 tới 352 sau Đức Chúa Giáng sinh) mới làm một cuộc điều tra về ngày tháng này. Ngày 25 tháng 12, năm 350 sau Chúa Giáng sinh đã được coi như là thời-gian có lẽ đúng. Cho nên dường như ngày lễ Sinh Nhật của Chúa được cử hành lần đầu tiên tại La Mã ngày 25 tháng 12 trong năm 353, và từ đó đến nay cuộc lễ này đã phát triển rộng rãi ở Tây Phương.

Vào khoảng một thế kỷ sau (năm 440) Đức Giáo hoàng ở Jerusalem cũng đã chấp nhận ngày 25-12 như phần lớn các người theo đạo Thiên Chúa đã thực hành, chỉ trừ người A-t-mê-ni ở Tây Á họ vẫn còn cử hành lễ Giáng sinh của Chúa vào ngày 6 tháng giêng. Nhiều học giả muốn cử hành vào những ngày 1 tháng giêng, 21 tháng ba, 29 tháng ba, 9 tháng tư hoặc 29 tháng chín. Dù thế, nhà cầm quyền Giáo hội không đồng ý

— Vì các ngày này không thể đúng được — do đó cho nên thế giới không nghi ngờ gì nữa và tiếp tục cử hành thánh lễ này vào ngày 25 tháng Chạp cho đến nay.

Và khi Giáo hội trong lúc sơ khai nhận thấy không đủ sức ngăn cản họ (những người theo tà giáo) từ bỏ hết thảy những tục lệ xưa, đã bày ra một việc làm tốt nhất để « Công giáo hóa » họ sau khi cải hóa những cuộc lễ xấu xa nhất của họ, và đã du nhập họ vào sự tuân phụng lễ Giáng sinh của Công giáo.

Những truyền thống như dùng cây lá xanh và đèn sáp hoặc những ánh sáng khác để trang hoàng nhà cửa và nhà thờ, bài hát, tặng quà, hội họp vui vẻ với nhau — tất cả những việc này đã trở thành một phần chính thức trong cuộc lễ Giáng sinh của người Công giáo.

Ở Anh quốc — lễ Giáng sinh lần đầu tiên được cử hành như một ngày lễ nghi chính thức vào năm 521. Vào thế kỷ thứ 9, bảy tiểu vương ở Anh đã thống nhất dưới quyền Đại đế Alfred, hằng năm họ tổ chức lễ

Giáng sinh suốt cả 12 ngày.

Thời Trung cổ, lễ Giáng sinh là ngày lễ phổ thông nhất cho mọi người ở Anh, từ nhà vua cho đến người hành khất, đều góp phần tham dự cuộc lễ (thiên liêng, trọng đại này).

Nói đến lễ Giáng Sinh mà không nói đến « Ông già Noël » là một thiếu sót. Truyền rằng nhiều thế kỷ trước đây xuất xứ của ông già Noël mang niềm vui đến cho các em nhi đồng khắp nơi trên thế giới được biết như sau. Nguồn gốc của tên ông do ở tiếng la-tinh *Sanctus Nicolaus*, tiếng Đức gọi là *Sankt Nikolaus*, Hòa Lan gọi là *Sinter Klaas*, Mỹ gọi là *Santa Claus*, Pháp gọi là *Père Noel*... Mặc dù tục lệ tặng quà trẻ em của Ông Già Nô-En được coi như là một thần thoại, nhưng hiện nay ông là một người có thực, tức là thánh St. Nicholas, một vị giám mục Công giáo đầu tiên sống vào thế kỷ thứ tư.

Nicholas, là con một của một gia đình giàu có theo Thiên chúa giáo, sanh vào cuối thế kỷ thứ ba, có lẽ vào khoảng năm 280 ở Patara, một hải cảng của tỉnh Lycia ở Tiểu Á. Sau khi cha mẹ chết, ông dâng hiến đời ông cho công việc

của Chúa và đi đến ở tại Myra. Sau khi viên Giám mục tại đây chết, các giáo chức cố chọn lựa vị giám mục khác để thay thế nhưng không thành. Cuối cùng vị trưởng lão trong Hội đồng giáo khu này năm mộng thấy rằng ngày hôm sau đến đời chủ cửa nhà thờ và hãy thấy người đầu tiên bước vào nhà thờ tên là Nicholas thì chọn người này làm Giám mục. Vì còn quá trẻ nên Nicholas từ chối vĩnh viễn này nhưng Hội đồng Giáo khu bắt ông phải nhận chức Giám mục địa phận này.

Năm 325 khi những đứa con của một phú hộ ở Tiểu Á trên đường đi đến Athens để học, đêm ngụ lại một quán trọ đã bị tên chủ quán ác độc giết chết để cướp tiền bạc, rồi bỏ xác vào trong thùng. Nicholas trên đường đi đến họp Hội đồng ở Nicaca, dừng lại nghỉ trọ trong quán này và đêm đến được các nạn nhân báo mộng. Nicholas liền tra vấn và tên chủ quán thú nhận tội lỗi này, rồi Nicholas liền làm dấu thánh giá nơi cái thùng đựng xác chết 3 đứa bé và cầu nguyện khẩn thiết với Chúa, và lập tức 3 đứa bé sống lại. Vì lẽ ấy, chúng ta không ngạc nhiên

gì vị thánh hiền đức đã trở thành người đỡ đầu của các em bé.

Một đặc tính quan trọng nhất của Nicholas là hào hiệp. Lúc còn trẻ ông thường đi thăm viếng những người ở lân cận, viếng thăm, an ủi và tặng quà cho họ, đặc biệt là ông thường tặng quà cho những trẻ em, do đó, ngày nay hình ảnh Ông Già Nô-En cứ mỗi lần Giáng Sinh lại xuất hiện để tặng quà trẻ em (dù chỉ là tượng trưng) cũng đã đem lại một niềm vui vô biên cho các trẻ em khắp nơi trên thế giới.

« Không có ngọn đèn nền ở đó... » một bài hát Giáng Sinh nói với ta như thế, ở trong hang Bethlehem. Nhưng từ thời xa xưa, đèn nền đã được dùng ở các cuộc lễ mùa đông. Ở La Mã, cuộc lễ thần canh nông họ cũng đã buộc các ngọn đèn nền trên các cây để chỉ rằng mặt trời sẽ chiếu xuống trái đất; người Do Thái thì kỷ niệm « Lễ Ánh Sáng » với những ngọn nến đốt trong suốt 8 ngày để tưởng niệm cuộc chiến thắng cho tôn giáo tự do. Những người Công giáo cũng thắp đèn nền ở Catacombes trong những ngày xa xưa; và

ngày nay đèn sáp là một vật phổ thông đề trang hoàng trong cuộc lễ Giáng Sinh.

Vào khoảng năm 492 sau Chúa Giáng Sinh, Đức Giáo Hoàng Gelasius đã cử hành ngày đốt đèn sáp cũng như ban phép cho những ngọn đèn ở nhà Thờ.

Bây giờ ta hãy lắng nghe tiếng chuông Giáng Sinh. Khắp thế giới vào ngày Giáng Sinh chuông đã reo lên một cách rất rộn ràng, hoan hỉ đề chào mừng đức Chúa ra đời.

Về nguồn gốc cái chuông được biết rằng đã du nhập vào nước Pháp khoảng năm 550 sau Chúa Giáng Sinh và vào khoảng năm 680, đạo sĩ Benedict đã mang một cái chuông từ Ý đến Anh lần đầu tiên và sau đó các nhà tỷ phú đã cho đúc chuông đề dùng tại các nhà Thờ ở Anh.

Và khi tiếng Chuông của đêm Giáng Sinh mang thông điệp thanh bình đến nhân loại một thi sĩ đã viết:

*Đêm nay hãy đánh thức con,  
mẹ thân yêu của con*

*Đề con có thể nghe*

*Tiếng chuông Giáng Sinh, ôi  
thanh thoát dịu dàng*

*Trầm bổng như niềm vui dâng  
lên*

Cứ mỗi tháng Mười Hai, trong hơn 40 quốc gia trên thế giới có hằng triệu người mua con tem Giáng Sinh đề gửi thư hoặc Thiệp Giáng Sinh chúc tụng lẫn nhau và dùng số tiền bán tem đề sung vào quỹ xã hội.

Người bày ra con tem Giáng Sinh này là Einar Holboell, một công chức Bưu điện, sinh ở Đan Mạch trong năm 1865. Trong khi đóng dấu tem những bức thư và Thiệp Giáng Sinh vào năm 1903 ở một sở Bưu điện tại Copenhagen, ông ta nhớ đến những đứa bé thõng khổ bởi bệnh lao phổi ở quê hương ông đang cần nhiều sự giúp đỡ. Ông thấy rằng các bệnh nhân trẻ này cần được săn sóc ở bệnh viện nhưng ông cũng biết rằng không có đủ chỗ đề săn sóc chúng.

Bỗng nhiên, một kế hoạch tuyệt diệu nảy ra trong đầu óc ông. Einar Holboell tự hỏi tại sao không thể sản xuất một loại tem đặc biệt Giáng Sinh đề

bán với giá hạ. Con tem này có thể dán trên những bức thư thêm với tem thường và số tiền bán con tem này sẽ dùng vào việc xây dựng một bệnh viện cho trẻ em ở Copenhagen. Thế là kể từ năm 1904, con tem Giáng Sinh được phát hành lần đầu tiên tại thủ đô Đan Mạch và được các nước trên thế giới hưởng ứng cho đến ngày nay.

Khi Einar Holboell chết vào năm 1927, Đan Mạch đã dùng chân dung nhà phát minh con tem đặc biệt cho lễ Giáng Sinh này in vào con tem Giáng Sinh trong năm đó. Trên mộ chí của Holboell người ta thấy những dòng này: « Người Cha của tem Giáng Sinh ». Chúng ta phải biết ơn ông và mỗi lần cơn gió lạnh báo hiệu tháng Chạp đến thì khắp nơi trên thế giới người ta lại đua nhau mua tem Giáng Sinh. Làm công việc này chúng ta có thể diễn tả tinh thần của lễ Giáng Sinh và giúp những « Tiếng nói Giáng Sinh » mang thông điệp chúc lành đến với thế giới.

Và khi đêm Giáng Sinh đến với những ngọn nến trình bạch lung linh sáng giữa những đóa hoa bùng ngát hương thơm,

giữa những lồng đèn ngôi sao muôn màu, những con chiên đến quì bên máng cỏ, chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời giữa một mùa lạnh căm như đê sương lại cuộc đời lạnh lùng của kiếp người đau khổ. Trong khi đó tiếng hát vang lên:

« O Tannenbaum ! O Tannenbaum ! » Ô ! Cây Giáng Sinh ! Ô ! Cây Giáng Sinh, một bài hát nổi tiếng và phổ thông của Đức, diễn tả sự yêu mến cực độ của họ đối với những cành cây xanh biếc này. Có lẽ vì những cây thông này mang đến cho họ một màu xanh hi vọng giữa « đêm lạnh lẽo Chúa Sinh ra đời ».

Và tự bao giờ cho đến nay, lễ Giáng Sinh không khác chi những cành thông xanh biếc đó, dù đã có lần cành khô lá úa rơi rụng theo nhịp tuần hoàn của vũ trụ, nhưng khi cơn gió đông mang cái lạnh hiu hắt đến với chúng ta thì *Giáng Sinh* lại trở về với cái vẻ biếc xanh của cành thông phơ phất và cứ thế dòng thời gian mãi mãi luân lưu.

« O Tannenbaum ! O Tannenbaum ! »



ĐI TÌM SỰ THẬT

VỀ ƠN

ƠAI

HOÀNG

# JEANNE VIII

PHẠM DANH QUANG

*Nữ Giáo hoàng Jeanne VIII  
có thật không ?*

*Ai dựng nên câu chuyện hoang  
đường, không tưởng này ?*

**K**HÔNG có một vấn đề nào đã làm tổn nhiều giấy mực bằng câu chuyện Giáo hoàng Jean VIII (hay l'Anglais) là một người đàn bà.

Thật thế, ngót mười thế kỷ qua, ngoài số người hồ đồ, còn có 150 văn nhân trí giả đã tin tưởng rằng thật đã có một nữ nhân lên làm Giáo hoàng, kế nghiệp ngôi vị cao cả của thánh Phê-rô (Saint Pierre) trong giáo hội Thiên Chúa giáo.

Họ đã ghi chép như sau :

— Sự kiện đó đã xảy ra trong năm 857 (Tây Lịch) tại La Mã,

thành phố bất diệt. Đó là năm đức Giáo hoàng Léon đệ tứ, sau tám năm điều khiển giáo hội, vĩnh viễn về nước Chúa.

Người được kế vị Thánh Cha Léon IV là một người ngoại quốc, gọi Jean Anh-Cát-lợi. Người này mới tới La Mã được có vài năm và vào tu trong tu viện dòng Saint Martin.

Tuy mới gia nhập giáo hội có vài năm, Jean Anh-Cát-Lợi tỏ ra là một người có tài hùng biện, thông bác về thần học, và sau nhiều cuộc tranh luận với các đại môn đồ của Giáo hội, Jean đã được xưng tụng là thông thái.

Thêm vào đức hạnh gương mẫu, nên sau khi cố Giáo hoàng băng hà, Jean được toàn thể giáo sĩ và các vị Hồng y bầu lên làm giáo hoàng, lấy thánh hiệu là Jean đệ bát.

JEANNE VIII

Ngay sau khi nhậm chức, Jean đệ bát đã tỏ ra là một vị Thánh Cha sùng suốt, mẫn cán, tận tâm phục vụ cho Giáo hội.

Song có một điều làm cho các giáo đồ thắc mắc là từ hai năm nay, sau ngày được thụ phong, họ không thấy đức Giáo hoàng Jean đệ bát xuất hiện trước công chúng và cũng rất ít người được trực tiếp diện kiến Ngài. (Tâm lý của quần chúng là muốn được trực tiếp nghe tiếng nói, chiêm ngưỡng dung nhan của vị Giáo hoàng trẻ trung thông thái mà họ hết lòng sùng kính).

Sự thắc mắc của các giáo đồ lại càng to tát hơn bởi sự không có mặt của Đức Thánh Cha Jean VIII trong ngày lễ Thăng Thiên long trọng năm vừa qua.

Năm đó lại là năm thiên tai dồn dập giáng xuống La Mã :

1) Nước sông Tibre chưa bao giờ dâng cao, gây nạn ngập lụt như hiện tại. 2) Nạn động đất khủng khiếp chưa hề có từ xưa. 3) Nạn cào cào (có sáu cánh sáu chân) phá hại mùa màng trên sức tưởng tượng.

Tin tưởng đó là sự trừng phạt của Thượng Đế vì một trọng tội mà họ không thể ý thức được, dân

chúng La Mã đều kính hoàng sơ sệt, nên tất cả đồng ý thỉnh cầu Giáo hoàng Jean VIII hãy ra công trường Saint Pierre trong ngày lễ thăng thiên sắp tới để cầu xin thượng đế bớt giận dữ, chấm dứt thiên tai.

Ngày lễ Thăng Thiên đến. Ngay từ tờ mờ sáng, khi tiếng chuông giáo đường vừa rung xong hồi đầu, tất cả dân chúng La Mã đã vận xong lễ phục, kéo đến công trường Saint-Pierre để dự đám rước trọng thể. Suốt lộ trình từ Tòa Thánh đến nơi hành lễ, dân chúng lũ lượt kéo nhau đi, đông đúc đến không có đối tượng để so sánh. Tất cả đều nôn nao chờ đợi.

Khi thấy đoàn Thánh giá từ trong Tòa Thánh đi ra, dẫn đầu là các vị Giáo sĩ, Linh mục vv... tất cả các cặp mắt đều đổ dồn vào hướng Đức Thánh Cha. Và tiếng lay mừng « đức Giáo Hoàng mười năm » vang lên như sấm rền.

Tất cả mọi gương mặt đều lộ nét hân hoan vui mừng khi chiêm ngưỡng dung nhan của đấng họ hằng kính mến.

Đoàn Thánh giá tiếp tục lộ trình, giữa biển người sùng kính, tới công trường Saint Pierre.

Cuộc hành lễ long trọng bắt đầu dưới ánh nắng ban mai của mặt trời nóng gắt. Tất cả các giáo đồ đều hân hoan tin tưởng vào sự diu dặt của Đức Thánh Cha. Sự sợ hãi lo âu các thiên tai hầu như biến hẳn trên nét mặt họ và thay thế bằng sự hy vọng.

Giữa giờ phút nghiêm trọng đó... thì các tín đồ xôn xao bắt đầu từ hàng Giáo sĩ đứng gần Jean VIII, chú ý trước nhất, khi thấy nét mặt xinh đẹp của Đức Giáo hoàng bỗng đổi màu xám ngắt, và hình như sau nhiều phút quá chịu đựng về thể xác. Jean VIII từ từ ngã ngời xuống đất. Các giáo sĩ đồ xô tới nâng đỡ thánh thể. Hai vị Hồng y đứng gần nhất vội rước Đức Thánh Cha vào nhà thờ Saint-Clément để săn sóc, vì họ ngỡ là Jean VIII thành linh bị trúng phong.

Ngay lúc đó, một sự phát giác ghê tởm, truyền qua các cửa miêng, như một tiếng sét làm choáng váng tất cả Giáo đồ: «Giáo hoàng Jean đệ bát là một người đàn bà!»

Mặc dầu các vị Hồng y đã ngăn cản, cũng không tránh tình nổi sự giận dữ của các Giáo đồ.

Tất cả cử tọa la hét nguyên rủa «quý sư» đã làm ô uế Giáo hội.

Chưa hết, sự ghê tởm còn đi xa hơn nữa khi họ được biết trạng thái đau đớn thể xác của người đàn bà giả trai đó là do sự chuyễn bụng lâm bồn, hạ sinh một đứa bé gái.

Sự giận giữ của các Giáo đồ lên tới độ. Người ta phải cố gắng lắm mới cứu thoát được hai mẹ con hai người đàn bà ghê tởm khỏi sự sát hại của các tín đồ. Nhưng từ thần cũng đến ngay lúc đó, đem nữ Giáo Hoàng Jeanne và đứa hài nhi trốn khỏi sự phán quyết của loài người, song làm sao có thể trốn khỏi sự phán quyết của Đức Chúa Trời.

Vậy người đàn bà đã làm ô uế Tòa thánh, xâm phạm tới tín ngưỡng tôn giáo ấy là ai?

Họ còn ghi chép như sau.

— Người đàn bà tên Jeanne ấy sinh tại Mayenne, trong một gia đình Anh Cát Lợi.

Ngay từ thuở nhỏ, Jeanne đã tỏ ra có một trí thông minh phi thường. Lúc bắt đầu trưởng thành, Jeanne biểu lộ sự ham mê đạo lý, thích chu du đây đó, và năm 18 tuổi, nàng quyết định mặc giả

trai để dễ dàng cho sự xuất ngoại.

Đúng ra, cuộc hành trình của Jeanne Anh Cát Lợi là đầu tiên sang Athènes, kinh đô Hy-Lạp để học tiếng nước này, môn triết học và nhiều môn học khác nữa. Cùng đi với Jeanne, có một người bạn trai đồng môn.

Sau đó Jeanne mới sang Lamã. Lúc này người bạn đồng hành của nàng đã chết. Nhờ trí thông minh siêu việt, tài biện bác phi thường, và sự giả trang không bị phát giác, Jeanne chiếm được lòng quý mến của tất cả giáo hội, nên ngay sau khi Đức Giáo Hoàng Léon đệ tứ băng hà, nàng được bầu cử kế vị.

Trong những năm đầu tiên giữ ngôi vị Đức Thánh Cha, điều khiến Giáo hội Jeanne đã tỏ ra là một người sáng suốt hẳn hoi. Về sau, Jeanne trở nên trẻ biếng, và vì không giữ gìn được đức hạnh, nàng bị dục vọng cám dỗ, thăm lén ái ân với Lambert de Saxe, đại sứ Anh ở La Mã, rồi thọ thai và chuyễn bụng vào giữa cái giờ phút nghiêm trọng nhất của ngày lễ Thăng Thiên...

Câu chuyện người đàn bà lên làm nữ Giáo Hoàng chỉ vồn vện có thế. Nhưng chỉ có bấy nhiêu thôi,

cũng đã làm tổn biết bao nhiêu giấy mực từ ngót mười thế kỷ qua.

Thế mà cũng đã có 150 vạn nhân, trí giả — theo tài liệu thống kê của Lenfant — tin tưởng rằng câu chuyện đó có thật.

Vậy sự thật ra sao? Phải chăng là một câu chuyện hoang đường không tưởng? Nhưng, nếu là hoang đường, sao vẫn để lại có thể ghi vào sử sách, làm sôi động từ bao thế kỷ?

### Đó chỉ là một câu chuyện hoang đường không tưởng

Không cần phải phê bình phân tích tí mĩ từng tiêu tiết câu chuyện, những dẫn chứng hợp lý và chính xác dưới đây cũng đủ cho chúng ta thấy rằng đó là một câu chuyện hoang đường không tưởng.

*Dẫn chứng thứ nhất:* Riêng cái khoảng cách thời gian giữa lúc sinh thời của nữ Giáo hoàng và tài liệu đầu tiên nói đến Jeanne Anh Cát Lợi, cũng đã cách nhau tới 4 thế kỷ (Đúng ra, từ năm 886 đến 1279, đã có tất cả 11 bài đề cập đến câu chuyện này, song không thể dùng chúng để căn cứ, vì hầu hết đều diễn tả

một cách hồ đồ và dựa theo một nòng cốt chính).

Chỉ có 4 tài liệu được kể là chính xác. Đó là những tập Biên Niên Sử Phổ thông của Metz, Estienne de Bourbons, Erfurt và một cuốn sách của Martin Polonus, một trong những tác phẩm được đọc nhiều nhất dưới thời Trung cổ, nhưng tất cả 4 tài liệu này đều xuất hiện vào giữa thế kỷ 13.

Cứ suy luận theo khoảng cách 4 thế kỷ, và những chi tiết tương tự như nhau — nếu không muốn gọi là rập khuôn — của những bài tường thuật đó, người ta cũng có thể quả quyết rằng những tài liệu đó là mơ hồ, không đáng tin cậy.

*Dẫn chứng thứ hai:* Trên thực tế, người ta không thể nào nhét cái triều đại nữ giáo hoàng vào tập niên đại ký của các Giáo hoàng Thiên Chúa giáo.

Căn cứ theo tập Liber Pontificalis của Giáo sĩ Anastase, quản lý thư viện của Tòa Thánh hồi cuối thế kỷ thứ 9 thì tác giả ghi chép là Đức Giáo Hoàng Léon đệ tứ băng hà ngày 17-7, và tuy Giáo sĩ Anastase không nói rõ niên kỷ, song dựa theo một chỉ dụ của Giáo hoàng, người

ta có thể kết luận đó là năm 855. Và căn cứ theo một đồng tiền cổ của Đức Hồng Y Garampi đưa ra làm bằng chứng thì người ta không thể phủ nhận hoặc xuyên tạc rằng đức Giáo hoàng Benoit III không nhậm chức trước ngày quốc vương Lothaire tạ thế. Mà ngày vị quốc vương Ý này băng hà là ngày 28-9-855.

Cứ theo đó mà suy luận, chúng ta cũng đã thấy rõ ràng rằng cái triều đại nữ Giáo hoàng Jeanne dài 2 năm 7 tháng 4 ngày (theo lời Martin Polonus) không thể nhét vào một khoảng thời gian bỏ trống giữa Đức thánh Cha Léon đệ tứ và người kế vị là Benoit đệ tam (cách nhau 73 ngày).

Cái điểm phi lý đó cũng đủ cho chúng ta thấy rằng bốn nhà chép «biên niên sử phổ thông» kể trên đã quá dễ dãi trong việc làm sử.

*Dẫn chứng thứ ba:* Là một dẫn chứng thông thường nhất. Làm sao lại có thể có thật được cái sự kiện một người ngoại quốc lên làm Giáo Hoàng, mà kẻ đó lại là một người đàn bà già trang nam nhân, điều khiển Giáo hội trong nhiều năm tháng mà vẫn giấu kín chân tướng và sự thọ thai của mình, bởi vì

ngoài sự xét đoán kỹ càng của các vị Hồng y trong công cuộc bầu chọn một Đức Thánh Cha tài đức, nghi lễ thường xuyên và liên tục của Giáo hội còn bắt buộc cao cấp phải thay phiên túc trực bên Đức Giáo hoàng mỗi giờ, mỗi phút để phục dịch và phụ tá Người trong việc điều khiển Giáo hội.

### Nhưng ai dựng nên câu chuyện hoang đường này?

Không phải mãi đến bây giờ, mà ngay từ lúc mới phát sinh, cũng đã có nhiều nhà thông thái, học giả đưa ra những dẫn chứng kể trên để bác bỏ câu chuyện hoang đường không tưởng nọ.

Nhưng, sở dĩ cái truyền tích quái dị vẫn còn thu hút được một số người dễ tin là vì những kẻ lảm chuyện vẫn cứ vin vào một bức tượng đề bảo vệ lập luận của họ. Bức tượng đó là một tác phẩm tưởng tượng nặc danh của phái tà giáo tạc nên để làm giảm uy tín của Giáo hội Thiên chúa.

Nhưng tại sao những người của phái tà giáo lại nảy sinh ra ý nghĩ tạc nên một pho tượng nữ Giáo hoàng, rồi đem đặt tại La Mã?

Đó mới là vấn đề cần tìm hiểu.

Các sử gia chân chính thời Trung cổ đã nhiều công tìm hiểu và sau cùng đồng nhìn nhận hai giả thuyết dưới đây:

*Giả thuyết thứ nhất:* Năm 1054, trong một bức thư gửi cho vị tộc trưởng Michel Cérulain ở Constantinople Đức Giáo Hoàng Léon IX (đệ cửu) có đề cập tới một bản văn vô căn cứ của một kẻ vô danh viết từ thế kỷ trước (thế kỷ 10) rằng: đã có một người đàn bà lên làm Nữ Giáo hoàng. (Điều này, chứng tỏ rằng tới năm 1054, chưa mấy người được nghe biết câu chuyện kỳ quái này). Dựa theo đó, người Hy Lạp mới thôi phồng, thêu dệt thêm đề làm giảm uy tín của Thiên Chúa giáo.

*Giả thuyết thứ hai:* Từ năm 929 đến 972, bốn Đức Thánh Cha kế tiếp nhau điều khiển giáo hội cùng lấy thánh hiệu là Jean: Jean X, XI, XII và XIII. Trong những triều đại này, các vị Giáo hoàng có đề cho nữ nhân thân tín tham dự vào công việc giáo hội, chẳng hạn như dưới thời Jean XI thì người đàn bà được hưởng thánh ân đó lại chính là bà từ mẫu của Người.

Sân lòng ganh ghét, phái tà giáo mới xuyên tạc rằng giáo hội bị ảnh hưởng của nữ nhân, và từ chữ giáo hoàng JEAN, họ chỉ thêm chữ NE là thành ra nữ Giáo hoàng Jeanne.

Qua hai giả thuyết kể trên thì chúng ta thấy rằng từ chỗ đã có sẵn đề tài, những kẻ cừu nghịch với giáo hội muốn tạc nên pho tượng quái gở để gây điều sỉ nhục cho đối phương, không phải là một việc không thể làm được, và cũng chẳng khó khăn gì.

Thế rồi có những nhà chép sử hồ đồ, vẽ rất thêm chân làm cho câu chuyện hoang đường có vẻ giống như thật.

Thoạt đầu là tập Biên Niên Sử Phổ thông của Metz, tóm tắt sơ lược trong vài hàng, nhưng không giống với tích truyện của những người sau.

Rồi đến tập « Hoa thời Đại » (Flores Temporum) của Martin Polonus (xuất hiện năm 1279 hay 1290) thêm thắt cho câu chuyện ly kỳ để thu hút người đọc.

Kế đến Pétrarque tạo ra một chỗ đứng cho nữ Giáo hoàng Jeanne trong tác phẩm của ông ta.

Rồi Boccace, tác giả cuốn

Décaméron, xuất bản năm 1375, ghép thêm nhiều chi tiết lõe loét; và sau cùng, năm 1832, một người Bruckbraen lại thêm dệt thêm lần nữa.

Có một điều khôi hài nhất là trong những tác phẩm kể trên, mỗi « sử giả » đều nói một cách khác biệt về những chi tiết. Người thì bảo « nữ Giáo hoàng » bị một chính khách quyến rũ, kẻ thì ghi là một vị Hồng y, một sinh viên, một người bồi phòng v.v...

Riêng chi tiết về cái chết của « nữ Giáo hoàng » của họ cũng đầy sự khác biệt và mâu thuẫn. Tập Biên Niên Sử Phổ-Thông của Metz thì bảo Jeanne bị hành hình bằng cách cột vào đuôi ngựa lôi kéo suốt nửa dặm đường và sau cùng bị các Giáo đồ ném đá cho đến chết. Còn Boccace thì lại bảo Jeanne bị giam cầm và về sau chết ở trong tù.

Lại còn có những văn nhân giàu trí tưởng tượng đặt thêm ngôi thứ cho « nữ giáo hoàng » của họ trong bảng niên sử các triều đại Giáo hoàng. Như Platina xếp Jeanne vào ngôi thứ 106.

Phát sinh từ giữa thế kỷ 13, câu chuyện hoang đường này lan truyền đi khắp Âu châu, đã gây

nên bao nhiêu dư luận không tốt cho Giáo hội.

Mãi tới hơn hai thế kỷ sau, năm 1595, đức Giáo hoàng Sixte Quint mới có hành động quyết liệt, cho đập phá pho tượng « nữ Giáo hoàng », ném xuống lòng sông Tibre và phát hành một cuốn sách dẫn chứng và thanh minh rõ rệt về vấn đề.

### Kết luận

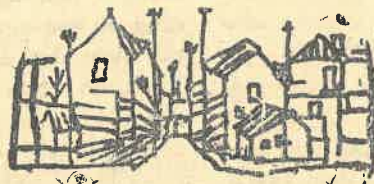
Sự thật bao giờ cũng vẫn là sự thật. Câu chuyện hoang đường không tưởng kể trên không còn được ai tin tưởng nữa. Song không phải vì thế, mà ở bên kia Đại-Tây-Dương cũng như ở bên này Châu Á, không còn có người đã thắc mắc về câu chuyện nữ Giáo

hoàng. Có thể trong số những người thắc mắc đó, có người đã được đọc bản tài liệu này, nhưng họ thích ngờ vực, và cũng có người chỉ được nghe nói một cách mơ hồ và dễ dàng lấy đó làm tin.

Mục đích của chúng tôi viết bài này chỉ là để làm sáng tỏ một vấn đề.

Và để kết luận, chúng tôi xin mượn câu bình luận trích ở trong tập Bách Khoa tự điển Pháp :

— « Ngày nay, câu chuyện hoang đường nọ không còn làm cho ai tin được nữa, và nếu người ta còn đem nó ra bàn cãi, thì cũng không ngoài mục đích tìm cái căn nguyên đã phát sinh ra nó. »



### \* LẠI MỘT PHƯƠNG THUỐC NGOẠI KHOA MỚI: DA HEO

Các bác sĩ vừa tìm thấy da heo trắng ở Yorkshire là một vị thuốc rất hay. Có thể dùng đắp những mụn lở lớn rất chóng lành. Vì tính chất da heo này giống hết da người.

đã gặp không biết bao nhiêu điều bất như ý bởi không bao giờ quốc gia Việt-Nam lại xảy ra quá nhiều nghịch cảnh như vậy. Dĩ nhiên ai cũng thấy nước nhà bẽ bối, dân chúng làm than đau phải riêng nhà vua và triều đình của ngài phải chịu hết trách nhiệm. Hậu quả của một nền chánh trị

## những vụ đảo chánh dưới đời

# TỰ - ĐỨC

□ PHẠM-VĂN-SƠN

**V**UA Tự Đức lên ngôi năm 1847 và từ trần năm 1883. Có thể nói trong các ông vua dòng họ Nguyễn, ngài là ông vua trị vì lâu dài nhất, nhưng cũng nên nhớ rằng Tự Đức là một vị quốc chủ đau khổ nhiều nhất. Suốt từ lúc bước chân lên ngai vàng tới ngày tàn của ngài là Tân Vị (1847) luôn 36 năm ròng ngài

thất nhân tâm đã phát hiện ngay với ông vua đầu tiên đời Nguyễn sơ là Thế tổ Cao Hoàng sau đó với Minh Mạng và Thiệu Trị.

Sĩ dân trong nước cho tới đầu thế kỷ XIX còn nặng lòng hoài Lê vì mặc dầu con cháu vua Lê thái Tổ sau này hư hèn nhưng công ơn của người anh hùng dân tộc mười năm kháng chiến đuổi Minh vẫn chưa phai mờ trong tâm khảm của mọi tầng lớp xã hội trên toàn quốc. Vua Gia Long hạ cái chiếu bài «Phù Lê», bài bỏ niên hiệu Cảnh Hưng, sai sứ sang cầu phong với Thanh đình đã làm cho nhân dân vô cùng bất mãn và lúc đầu người ta đã hết sức sửng sốt. Thứ tới là chế độ Tông trấn đặt ở Nam-

## NIỀNG VỤ ĐẢO CHÁNH

Bắc lương kỳ gần như cả một sự suy hiệp sau sự bất tín với quốc dân. Rồi bàn tay sắt của các đại tướng Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, Đặng-trần-Thường, Lê-Chất càng khơi rộng cái hố chia rẽ giữa chính quyền mới với đại chúng. Thêm vào đó là vụ Lê-văn-Khôi ở Nam-kỳ đã có ảnh hưởng lan rộng tới Bắc-kỳ làm bùng nổ luôn mấy năm nhiều vụ phiến động khiến triều-đình phải tốn rất nhiều binh tướng mới dẹp yên được.

1802 — 1847! Nhiều trang thảm sử đã được mở ra, xương máu đổ ra vô vàn. Đã vậy lại còn bao nhiêu tai trời, ách nước, lụt lội, hạn-hán, sâu hoàng-trùng, giặc cướp như ong mang lại cho nhân dân nhiều sự đau khổ liên miên hầu bất tận.

Giữa tình trạng rối ren và đen tối này, vua Tự-Đức lên nối ngôi. Ngài vấp luôn hai sự việc rất bất lợi:

a) Người ta đồn đại ngài không thuộc dòng họ Nguyễn mà chỉ là một đứa con đánh tráo đẻ vào cướp cái ngai vàng của họ Nguyễn. Thực ra ngài là con của Quốc-trượng Trương-dăng-Quốc cùng sinh một buổi với vợ vua Thiệu-Trị là con gái đại thần họ Trương.

Điều này có đúng hay không, không ai dám đoán quyết nhưng nó đã thành một nghi vấn rất không hay cho vị tân quân.

b) Ngài là con thứ mà lên ngôi. Hồng-bảo là con trưởng bị phế-lập vì lý do hạnh kiểm xấu, học hành kém.

Ngay trong Hoàng gia lúc ấy cũng có sự bất đồng trước việc phế trưởng lập ấu, và dư-luận của nhân dân ngoài kinh thành cũng rất xôn xao về cả hai việc: Nhà vua không thể không khó chịu về những mối dư luận kể trên mà Hồng-Bảo anh ngài đã cay chua về nỗi vừa bị thiệt thòi về quyền thừa kế cổ truyền còn bị chê bai là dốt nát, chơi bời lại bị xâm phạm cả về lòng tự ái nữa. Hoàng phụ và hội đồng hoàng-tộc cho rằng Công là con bà Thứ-Phi mặc dầu mẹ Công (1) là con gái Kinh-môn quận công Nguyễn-văn-Nhân, như vậy Công cũng là một điềm không phù hợp với cái ngai vàng. Rồi một âm mưu đảo chính đã thành tựu giữa Công và

(1) Hồng Bảo được phong tước An-phong-Công và trước khi vua Tự Đức lên ngôi trước của ngài là Phước-tuy-Công.

một số thù tặc từ xưa không tán thành địa vị chỉ tôn của tân quân.

Theo lời trần thuật của một số người ngoại quốc lúc ấy có mặt tại chỗ (Huế) là Giám mục Pellerin và giáo sĩ Galy, những người bất đắc chí này đã uống máu ăn thề theo tục lệ Á Đông mỗi khi tính toán một việc lớn. Lễ tuyên thệ sống chết cùng nhau trong đại sự cử hành một cách rất trang nghiêm xong thì người ta chia tay nhau mỗi người đi lo mỗi việc: một nhóm mặt ra ngoại quốc mở cuộc vận động rồi do con đường Tiêm-la và Cao miên trở về đem theo một đồng-chỉ mới là một nhà sư. Do có sự bất hòa trong lúc đi đường, nhà sư đã tìm đến các nhà đương cục tại kinh thành tố cáo vụ âm mưu đảo chính. Mấy người tay chân của Hồng Bảo bị bắt liền và bị tra tấn rất gắt. Họ phải khai sự thực. Ngay bấy giờ người ta thấy một chiếc tàu Tây (Theo bức thư đề ngày 26-11-1848 in trong Annales de la propagation de la Foi, Giám mục Pellerin đã có nói đến sự uất ức của Hồng Bảo sau khi bị phế truất và lúc đó Công đã có vận động giới công giáo giúp mình để

gây cuộc đảo chính) không rõ quốc tịch nào đã đến đậu ở cửa bể trước kinh thành (cửa Thuận)? Trên tàu có khá đông người, nào là người Xiêm, người Trung quốc, người Nam kỳ, và có cả bóng một số người Âu Châu. Đoàn người này có ý chờ đợi một cái gì rồi không thấy động tĩnh ở trong thành liền nhổ neo chạy ra ngoài khơi và biến dạng. Dân chúng trước hiện tượng này đều hoảng hết hồn bồng bềnh tản cư ra các vùng ngoại Thành. Nhà cầm quyền phải ra lệnh xử tử hình nếu ai gây sự hoang mang.

Liên sau sự việc này Hồng Bảo bị bắt và bị kết án lăng trì, nhưng vua Tự Đức không nỡ dùng tận pháp đối với người anh ruột đã đổi án tử hình xuống chung thân cấm cố. Trong khi người ta tính đưa Công đến một nhà giam mới, Công không chịu và nhân lúc vắng người Công đã dùng mảnh vải trải giường xé ra để thoát cớ...».

Việc âm mưu đảo chính này xảy ra cuối tháng giêng năm 1851. Giám mục Pellerin không quên ghi rằng trong khi vận động người Công giáo ủng hộ mình, Hồng Bảo đã hứa một khi thành công sẽ cho Thiên chúa giáo

được mọi sự tự do truyền bá và nhiều quyền lợi khác. Các tín đồ có đến hỏi ý kiến của Giám mục thì người trả lời rằng Công giáo không làm chánh trị và Giáo-hội triệt để ngăn cấm việc truất bỏ ngôi vua. Nếu Công được lên ngôi báu, người Công-giáo cũng sẽ trung thành với Công... » Thất vọng, Hồng Bảo phải xoay sang hướng khác. Rồi việc đảo chính thất bại, Công đang sửa soạn đi trốn thì bị bắt.

Theo giáo sĩ Galy, chiếc tàu đậu ở cửa biển gần kinh thành là chiếc tàu Tây và một chiếc tàu khác hạ neo gần đấy sẽ chờ ông qua Tân-gia-ba. Người ta nói rằng nếu việc Hồng-Bảo xảy ra dưới đời Minh Mạng thì chắc hẳn An-phong-Công phải bị lăng-trì (tùng xẻo) nhưng nhờ có lòng quảng-đại và bao dung của vua Dục-Tông, Công chỉ bị canh chừng mà thôi.

Tuy nhiên, tại đây có một điều mà dân chúng Thừa-Thiên lấy làm nghi: đó là cái chết của An-phong-Công Hồng-Bảo. Người ta không muốn tin rằng Công đã tự vẫn, nghĩa là có gì bí-mật, ám-muội trong cái chết

của ông Hoàng mặt vận. Xét ra trong các việc xảy ra ở triều đình hay ở trong nội-cung thời nào cũng có nhiều ẩn-khúc khó mà tìm hiểu cho ra. Bên cạnh câu chuyện này người ta còn đặt ra thêm một giả-thuyết nữa là vụ âm-mưu đảo-chính của Hồng-Bảo có thể do sáng-kiến của Cố-mạng lương thần Trương-dăng-Quế. Vì sao? Như trên đã nói, vua Tự-Đức có thể là con của ông Quế và đề hạ địch-thủ của nhà vua họ Trương đã xui ông Hồng-Bảo tìm cách lật đổ vua Tự-đức. Hồng-Bảo sa vào cạm bẫy này và tự mình thủ-tiêu mình vĩnh-viễn. Đây chỉ là một giả-thuyết mà thôi, lòng người nham-hiêm quả là điều vô lượng thừa các bạn, người viết sử đời nay khó mà phanh phui được sự thực.

Còn vua Tự-Đức đối với Hồng-Bảo có thật tàn ác chăng? Một nguồn dư luận (cũng theo giáo-sĩ Galy) hầu như đả-chính những điều xấu xa mà người ta có ý gán cho ngài. Với nguồn dư luận này, giữa lúc cơ mưu bại lộ, Hồng-Bảo đã toan tự vận thì bị ngăn chặn kịp thời. Không chết được, Công đã mặc áo chẽ, xóa tóc rồi âm đưa con nhỏ

## NHỮNG VỤ ĐÀO CHÁNH

Nhất bây giờ mới lên 6 vào Đại nội khóc thảm thiết với vua Dực-Tông nói rằng Công có ý trốn ra khỏi thành nhưng không phải để đi mưu loạn như lời tố cáo. Trái lại vì nghèo khó, vì thấy thế tình bạc bẽo, bạn bè xa lánh, Công không mặt mũi nào sống ở trong nước; Công có nguyện vọng đi Pháp như một kẻ thường dân cho quên hết các niềm tủi nhục. Vua Dực-Tông cảm động nhìn thấy anh quì ở dưới chân mình, nước mắt ràn rụa. Ngài an ủi Công rằng ngài không tin những lời vu khống và cho phép Công tố cáo lại những kẻ xấu bụng, vua sẽ trả thù cho. Ngài còn khuyên anh đừng đi đâu hết, nếu thiếu thốn về sinh kế, ngài sẽ bù đắp cho và ngài sẽ nuôi con Hồng - Bảo



### ★ ĐÀN BÀ

- Nay, chị nghĩ thế nào về anh ấy?
- Tôi nghĩ hẳn là một thằng ngu!
- Sao? Chị có biết là anh ấy sắp cưới tôi không?
- Biết thế nên tôi mới nói vậy!

làm con nuôi. Ngay bây giờ ngài ra lệnh chi cấp cho Hồng Bảo một số vàng bạc...

Giáo-sĩ Galy kể chuyện này ra để khen vua Dực-Tông là người quân tử nhưng cũng không quên ghi rằng việc ưu đãi kẻ trọng tội đã làm cho Trương-dăng-Quế hết sức bất mãn. Galy còn nói Hồng-Bảo đã có lần tiết lộ nỗi uất ức thầm kín của mình rằng Công không buồn vì mất địa vị vào tay em mình nghĩa là lọt sàng xuống nia, có mất mát gì đâu, nhưng ông muốn có cơ hội thuận tiện để moi gan móc mắt ông Quế...

Nếu việc này có thật thì câu chuyện lấy mạn thay đào trong nội cung nhà Nguyễn cũng đáng làm cho người đọc sử thắc mắc lắm thay! (còn nữa)

## TẤU KHÚC CỦA ĐÒNG SÔNG



### ★ MẶC TƯỢNG

đôi xuân biếc bước thu về hoang bóng  
những lá cành rơi rụng xuống dòng xanh  
tràng giang sóng cuốn trôi ngàn hoa trắng  
ta và em mùa xuân cũng xa dần

ta đứng ngó những nghìn năm xa thẳm  
hồn cô đơn nghe rung động vô cùng  
bờ bến đó em không về chung ngắm  
dòng tịch liêu chia ngã chảy rung rung

ôi tấu khúc của giòng sông bất tận  
như tiếng đàn tuyệt diệu của thiên thu  
như tiếng nói của linh hồn xanh ngát  
như tim người hát mãi thú thương đau

rời năm tháng cứ trôi về vô hạn  
bến bờ xưa hiu quạnh đến nghìn đời  
hồn sẽ khép giữa mỗi mòn trong cõi  
mắt chưa quên dấu bề của con người.

TRUYỆN NGẮN

# TIẾP TỤC

★ MÃN-HƯƠNG

**Đ**ÊM mù mịt. Mưa rá rích thật buồn. Trong căn nhà rách nát ở ngoại ô, Tiến ngồi bên bếp lửa bắt đầu một câu chuyện:

— Hiền à, khung cảnh này làm tôi nhớ lại một câu chuyện...  
— Vâng, một câu chuyện có thật

đã xảy ra vào năm 1948 tại vùng bị chiếm: Quế-Sơn Trung-Việt.

Bây giờ tôi kể cho Hiền nghe, vì ngày mai tôi phải lên đường đi trấn đồn. Tôi yên lặng nhưng không giấu được nỗi buồn, ngồi đối diện với chàng bên bếp lửa lắng tai nghe.

Ngày đó tôi với Má tôi một quả phụ, ở gần vùng bị chiếm Quế-Sơn. Định thường lên cướp bóc xóm làng, đồng bào chạy Tây như cơm bữa.

Tôi có người chú làm nghề nông (tuy người đã có Tú Tài Pháp), nhưng suốt ngày ở trần bện một quần cụt đen để đi cấy đi cày.

Trước năm 1948, ông tham gia phong-trào cứu quốc, sống trong lòng địch — Ban ngày ông đi cày, ban đêm làm du kích.

Giặc hay lùng cuội làng đầu xóm giết dân vô kể, nhưng người vẫn hy vọng ngày chiến thắng của toàn dân.

Đến mùa Thu 1948 giặc kéo lên lùng bắt, Chú tôi có một vợ một con — Vợ ông đương đau nặng, tiền chạy thuốc đã hết. Súng địch veo... ầm... khắp nơi, làng xóm bị rung chuyển, người chạy toán loạn.

Vợ chú lên cơn mê, trong lúc

## TIẾP TỤC

Tây vây thành linh ông đành ôm đứa nhỏ chạy trốn để vợ ở lại một mình trong mưa đạn.

Thế là lửa cháy ngút trời, làng xóm thiêu rụi... tiếng gào thét trong đêm đen thật là hãi hùng. Chính đêm đó mọi người còn sống sót phải khóc bụi ngồi đờng thật là bi thiết. Hiền biết không, lúc đó tôi bị lạc, may thay lại gặp Chú tôi. Người dắt tôi về với đứa nhỏ để tìm vợ.

Tôi ngạc nhiên vô cùng cái cảnh mới đó bỗng biến thành hoang địa. Đến đâu cũng chỉ tro thôi và than hồng.

Đêm đã khuya, chú tôi dò lần về nền cũ — đứa bé òa lên vì đói và mệt, nó gọi mẹ ơi, mẹ ơi, trong đêm đen.

Chú tôi ngồi xuống bươi đồng tro tàn. Mùi khét thịt người xông bốn phía làm tôi ngạc thờ, dưới ánh đuốc hiện ra những bộ ngực ửng ửng vàng vì lửa quay. Chú tôi nhủ mày, cần môi tiếp tục bươi tro. Trời ơi, một cảnh tượng bi thiết vô cùng hiện ra trước mặt làm tôi hết hoảng. Xác vợ Chú nằm dưới lớp tro tàn, thân thè cháy thành than — Chú tôi lặng người nhìn mảnh vụn ủa vợ mà nước mắt tuông ra...

Trong lúc ấy đứa bé vô tình gọi: mẹ... mẹ ơi. Đêm bắt đầu lạnh. Đứa bé nhìn chú và hỏi: « mẹ con đâu cha, con nhớ mẹ quá, con đói bụng rồi, con khát sữa », người nghe con nói lòng đau vô kể, nghẹn ngào nuốt lệ. « Cha đang tìm mẹ con đây » — Sao cha khóc? Chú tôi không dám trả lời chỉ im lặng ngồi hốt cứt dưới ánh đuốc lơ mờ, tôi sững sờ đứng bên. Chú tôi bươi trong tro một vật gì rồi đưa lên, ngọn đuốc.

Trời ơi! quả tim — Vâng, quả tim vợ chú đang còn rướm máu !!!

« Mẹ ơi, mẹ ơi! con đây này! mẹ đi đâu? Con đói bụng rồi, cha, mẹ con đâu? »

— « Mẹ con đây này! » Đứa bé khóc òa...

— « Không phải... Mẹ con đâu phải cái này, mẹ con thấy con là ôm liền hà — Sao cái này không ôm con? Sao cái này nhỏ xíu mà lại không biết nói? Mẹ con biết nói mà... Mẹ ơi, mẹ ơi! con đây này — mẹ đi đâu không cho con bú ».

Tôi khóc òa lên... mẹ bé chết rồi... mẹ bé chỉ còn lại quả tim, cha bé đương cầm kia kia. Chú



tôi gục đầu nuốt đầu đón ! Đứa bé ngo ngác « Mợ chết là gì hở cha ? » Chứ tôi ôm con vào lòng giải thích : « Mợ chết là mợ không còn nữa, không còn gặp con, không còn cho con bú, không còn cho con ăn, không còn bông bế hay ru con ngủ như mọi khi và cha không còn nhìn thấy mợ con — mợ con đây, mợ còn là trái tim này, trái tim bất động, con nhìn đi !

Đứa bé trở mắt nhìn rồi khóc òa : « Mợ ơi ! mợ ơi con đói... mợ ơi ! mợ ơi » !!! Tiếng nó tất dần trong đêm vắng.

À, đêm đó giống hệt như đêm này vậy Hiền ạ, chỉ khác là thời gian và khung cảnh.

— Rồi sao nữa anh ? (Hiền hỏi xong nước mắt cứ túa ra).

— Thế rồi chú tôi ôm đứa bé và trái tim chạy trong mưa như một người mất trí. Người bỏ mặt tôi ở lại giữa đám tro tàn. Tôi ré khóc trong đêm đen. Nhưng không, giọng hồn nhiên chứa đầy ấp nảo nùng của đứa trẻ đã cướp lấy sự sợ hãi của tôi — nó vọng lại, đâm vào óc tôi, tim tôi :

« Mợ ơi là mợ... con »

Hiền biết không, những ngày

tiếp nối là những ngày dạn lửa. Tây tiếp tục đi lùng cướp bóc hãm hiếp.

Lệnh đưa ra, chúng tôi phải tản cư. Má tôi dẫn tôi vào ở trong rừng Mọi - Long - Khánh - Bình, sống những ngày trời chết của nước độc rừng thiêng thêm vào đó nạn chạy máy bay như người ta nuốt nước bọt.

— Còn chú anh ?

— À đề kể cho Hiền nghe : Chú tôi biệt luôn từ đêm ấy.

— Sao nữa anh ? Kể đi chứ, em sốt ruột quá, kể đi anh.

Thế rồi chín tháng sau được tin chú tôi cầm đầu đoàn « Cầm tử quân » giết giặc hết đóa tạo dựng nhiều chiến công — người được tưởng thưởng là anh hùng số 1 K, 5.

Và cái chết bi thảm của vợ chú trở thành một đề tài sâu rộng trong dân chúng mà thi sĩ Hoàng Cầm hay Hồ Chiếu gì đó (?) đã chứng cảnh bi thương kia và làm ra bài quả tim.

— Anh còn nhớ không ?

— Còn. Nhưng cảm động lắm, Hiền ạ.

— Anh ngâm cho Hiền nghe đi.

— Đừng khóc nhé.

— Vâng.

Tiến vuốt tóc :

« Chiều chớm vương sương ngày  
nhạt nắng

Gió về trát lá thổi tàn thu

Có chàng nông phu

Hì hà hì hụi

Chôn đờ tản cư

Thân trần trụi trụi

Cứ thế lăm lăm trông quá tội

Từ độ quê hương rền súng thù

Anh lại giết Tây

Sống trong lòng địch

Ban ngày đi cày

Đêm là du kích

Giặc lùng cuối làng về đầu xóm

Hai kỳ lá rụng trăm lần vầy

Dựng lều ở đợ

Nhà đốt đầu còn,

Bên lưng một vợ

Đèo nợ một con

Sương sớm, sương chiều lòng  
ngoan ngoan.

Đợt mùa chiến thắng trời nước  
non

Một hôm lá rụng

Gió góp mây ngàn

Bỗng vang tiếng súng

Rúng động lòng chàng

Vợ đau nằm liệt đang trời chết

Chỉ còn trăm bạc chạy thuốc thang

Veo... ăm... chuyền rung

Vợ anh nhìn anh

Người ta rùng rùng

Nước mắt chảy quanh

Mặt mặt nhìn nhau đau vịnh biệt

Sáu năm duyên thâm nát tan tàn

Tây vầy thỉnh linh

Đoạn tình chồng vợ

Đứa bé một mình

Réo « Mợ ! ơi là mợ ! »

Khóit lửa ngát ngàn, làng xơ xác

Nhìn con con khóc 'hấy bơ vơ

Giặc đi ngạo nghễ

Đề lại tang 'hương

Tốt nay bao kẻ

Khóc bụi ngồi đờng

Anh dất con thờ tìm về vợ

Chỉ thấy tro thôi phủ ngập vườn

Vợ còn nằm đó

Thân thể thành than

Lặng người a h ngó

Lụy nhỏ hai hàng

Mùi khét thịt người xông bốn  
hương

Lửa quay bộ ngực ưng ưng vàng

Anh ngồi hốt cốt

Anh đuốc rung rinh

Bỗng rơi đánh đập

Làm anh hoảng kinh

Nhẹ cầm lên tay rung lầy bầy

Trời ơi ! tim vợ anh, lạnh mình»

.....

— Sao Hiền khóc ?

— Cảm động quá anh ạ.

Mưa đã nặng hạt. Gió

ngoài đêm đen — Hiền cho thêm than hồng, kiên nhẫn đợi chờ...  
Tiến kể tiếp :

Đầu xuân 1950 chú tìm về thăm gia đình tôi ở thung lũng miền sơn cước mang theo nhiều vết sẹo trên thân thể.

Và từ đó mọi việc bắt đầu...

Hè 53 tin chấn động dấy căm hờn và uất hận « Đưa con gái duy nhất của chú tôi bị tụi còm-măn-đô bắt. Chúng gôm năm thằng đánh nhau hiệp đũa bé một cách đã man — đưa bé năm đau nghiêng trên đồng máu thơ ngây của mình và chết lạnh ngắt tự bao giờ. »

Chú tôi như điên dại — người có vẻ lẫn cuối thăm má tôi... « Chị hãy nuôi dưỡng cháu Tiến để nối lại tông đường (giòng họ), hiện tại còn mình nó, tôi sắp ra đi ».

Lời nói đó tôi nghe rõ lắm Hiền ạ. Nhưng tôi đâu có ngờ là lời trần trối cuối cùng của một chiến sĩ hay nói gần hơn là chú tôi.

Tiến thở dài nhìn băng quơ trong mưa bụi.

Nước mắt Hiền tứa ra và đón nghe Tiến kể : « Hiền ạ, đó là bi kịch của chiến tranh. »

Đầu xuân 54 má tôi nhận được tin chú tôi đã tử trận ở Điện-biên-phủ. !!!

Thế là hết. Lời cuối cùng của người : « Chị hãy nuôi dưỡng cháu Tiến... » còn đó. Và cho đến bây giờ — Vâng, cho đến bây giờ... Hiền ạ, tôi đã nhập cuộc. Mai sớm tôi lên đường ra mặt trận. Giòng họ tôi có còn không ? Tính ra giòng họ tôi đã thua lỗ với chiến tranh quá nhiều rồi. Suốt 17 năm Trời ơi ! 17 năm chua chát.

Hiền ạ ! Mai tôi lên đường — và chẳng hiểu có còn không ? Lời cuối cùng của chú tôi bao giờ mới thành tựu ? Trong khi đất nước vẫn tiếp nối bằng máu.

Kìa gà gáy rồi... Tôi lên đường đây em Hiền ạ. Tôi lên đường đây và chẳng hiểu có còn không !!!

Hiền khóc oà lên như trẻ thơ khi nghe lời ấy : Anh Tiến... em yêu anh, em sẽ nhận lãnh... giòng họ... Thôi rồi, Tiến đã lên đường rồi. Chàng đã mang theo sự khó hiểu hay chính mặc-khải đã nằm nơi tôi.

Mưa bắt đầu nhỏ hạt, ngoại-ô mờ mờ, tôi đau thăm trong nước mắt buổi sớm. \* ●

## THẦN THOẠI HY LẠP LA MÃ

Ulysse ở nhà Calypso và nhà Nausicaa

\* Đám-quang-Thiện

VỊ Nymphê Calypso là con gái của Atlas. Nàng nhan sắc xinh đẹp và ở trong một cái động ở giữa đảo. Động ở lưng chừng một cái đồi có cây cối xanh tươi. Nàng có nhiều vị Nymphes khác giúp việc và không mấy khi ra khỏi nhà. Nàng dệt những bức vải rất đẹp và vừa dệt vừa hát. Một đôi khi nàng ra ngồi ở cửa động dưới một đàn nhọ xanh tốt. Ở đó, nàng ngắm phong cảnh chung quanh mình, nghe tiếng suối reo cùng tiếng chim hót và thường thức hương thơm của các đóa hoa mọc ngoài động. Một hôm

đang ngắm ánh bình minh trên sông thì nàng trông thấy một người ngồi trên một mảnh tàu vỡ đang lấy tay bơi về phía đảo của nàng. Động lòng thương, nàng sai một vị Nymphê ra giúp chàng. Lúc chàng vào đến bờ thì quần áo ướt lướt thướt và người vì mệt quá nên lão đảo như sắp ngã. Calypso lập tức sai đốt lửa và dọn cơm. Ulysse — vì đó chính là chàng — Vừa ăn vừa ngắm Calypso, lộng lẫy trong chiếc áo dài thướt tha và quyền rũ với đôi mắt trong như nước mùa thu. Còn nàng, càng nghe chàng kể những chiến

công và những cuộc phiêu lưu của chàng, càng thấy lòng xao xuyến say sưa. Một mối tình nồng nàn nảy nở giữa hai người. Từ đó họ sống cạnh nhau một cuộc đời thần tiên. Trong bảy năm tròn, Calypso giữ Ulysse ở với mình. Nhưng sau chàng chán cuộc đời quá sung sướng ở đảo và chỉ ước mong được trông thấy Ithaque và Pénélope. Nhưng không tàu, không người chèo, chàng làm sao về được? Buồn rầu, chàng ngày ngày ra ngồi trên các tảng đá ở bờ bãi trông ra xa mà chừa chán giột lệ. Sáng đèn năm thứ tám, các thần động lòng thương chàng. Zeus bèn sai Hermès xuống ra lệnh cho Calypso để cho Ulysse về quê hương. Nàng được lệnh bèn đưa cho chàng một cái búa hai lưỡi và dẫn chàng đến một nơi rừng cây lớn mà bảo chàng: «Hỡi chàng Ulysse thân yêu, chàng hãy chặt ngay những cây cần thiết để làm lấy một cái bè nhẹ nhàng nhưng chắc chắn. Tôi sẽ cho chàng đầy đủ bánh nước và rượu, và sẽ cho gió thổi thuận tiện cho chàng đi. Tôi sẽ cầu nguyện các thần giúp chàng

về đền quê hương cho được may mắn.» Ulysse chặt cây và trong bốn ngày làm thành một cái bè chắc chắn. Chính Calypso mang vải làm buồm cho chàng và sai đem những lương thực, nước ngọt và rượu lên bè. Người đi vui mừng bao nhiêu thì kẻ ở bị rợn mèn tiếc bấy nhiêu..

Trong mười bảy ngày Ulysse chèo một cách dễ dàng trên mặt biển. Sáng hôm mười tám, chàng trông thấy cù lao của người Phéaciens. Ulysse đang khập khởi mừng sắp được lên bộ thì Poséidon, vẫn còn oán giận chàng, làm sóng gió dữ dội nổi lên. Trước cơn nguy hiểm, chàng thất vọng và tiếc rằng sao lại không chèo trên đất Troie cho rồi. Chàng đang chán nản thì một làn sóng đánh vào bè làm chàng lăn xuống biển. Gió mỗi lúc mỗi dữ dội thêm làm gãy cột buồm và tan tành chiếc bè. Trong hai ngày liền, Ulysse cõ găng, bơi trên sóng cả. Đến sáng hôm thứ ba, gió dịu và trời trở lại quang đãng. Trông thấy trước mặt một cù lao, chàng thu hết

tàn hơi bơi vào bờ. Lên được trên bãi cát, chàng đến một bụi cây, kiếm lá làm giương và nằm ngủ. Sáng hôm sau, trong khi chàng còn đang ngủ say thì Nausicaa, con gái của Vua Alkinoos cùng với các nữ tỳ đem quần áo của nhà Vua ra giặt và rửa ở suối nước gần đó. Giặt xong họ đem ra bãi cát phơi và trong lúc chờ cho quần áo khô, họ đi tắm, ăn uống rồi ra chơi ban. Những tiếng kêu và tiếng cười đùa của họ làm Ulysse giật mình tỉnh giấc. Chàng vội lấy lá cây làm áo che chung quanh người và ra mắt các nàng. Tất cả thấy chàng ra đều sợ hãi kêu lên và chạy trốn. Một mình Nausicaa có can đảm đứng lại chờ. Ulysse tới gần nàng và nói: « Dù nàng là thần hãy là người, tôi cũng xin nàng thương đến người đứng trước mặt nàng. Tôi đang ở vào cảnh khổ sở vô cùng. Sau hai mươi ngày kinh khủng bị gió bão trên mặt biển, mãi hôm qua tôi mới tròn thoát được mặt biển. Một mình ở bãi cát này, tôi không biết ai cả. Vậy xin nàng hãy chỉ lối cho vào thành và cho tôi vài mảnh vải để che thân..

Nausicaa trả lời: « Hỡi chàng khách lạ, một khi chàng đã đặt chân lên đất này, chàng sẽ không thiếu quần áo và các thứ cần thiết khác. Tôi sẽ chỉ lối cho chàng vào thành và tôi sẽ nói tên của dân tộc này cho chàng nghe. Những người ở đây là Phéaciens. Còn tôi là con gái của vua xứ này là Alkinoos » Nói xong, nàng gọi các bạn và ra lệnh cho họ chọn một bộ quần áo dài rộng đưa cho chàng. Ulysse liền đến một chỗ vắng vẻ tắm rửa mặc quần áo vào. Lúc chàng trở lại thì không phải người khôn khéo nãy nữa, trông chàng bây giờ dường hoàng như một vị thiên thần vậy. Nausicaa lại bảo các bạn đem thức ăn và nước cho chàng dùng. Khi chàng ăn xong, Nausicaa bảo chàng: « Hỡi chàng khách lạ, chàng hãy đứng lên theo tôi về thành. Trong khi còn ở ngoài cánh đồng, chàng cứ việc theo xe này. Nhưng lúc gần đến cổng thành, vì muốn tránh lời dị nghị, chàng hãy tạm dừng lại nơi bụi cây bạch dương gần suối. Chàng sẽ không chờ lâu, một lát sau, đoán chừng chúng tôi đã đến nơi thì chàng sẽ đi vào thành

hỏi thăm nhà của Alkinoos. Một đứa trẻ cũng có thể chỉ lối cho chàng được. Chàng sẽ vào qua những cửa bằng vàng hai bên có những con chó bằng vàng và bạc của Héphaestos đúc. Sau chàng sẽ đi qua phòng mà các Phéaciens đang ăn uống. Chàng đứng dừng lại đó và hãy đi thẳng đến chỗ mẹ tôi, bà Arêté ngồi. Bà ngồi gần lò lửa dệt những tấm len rất đẹp. Cảnh bà là ngai vàng của cha tôi. Chàng hãy đi thẳng đến, ôm chân hoàng hậu mà kêu nài. Mẹ tôi rất tốt và nếu chàng biết cách, chàng sẽ có đủ điều kiện để về quê cha đất tổ».

Ulysse nhát nhát theo lời dặn. Chàng tìm thẳng đến chỗ hoàng hậu, ngồi mà kêu xin : « Tâu hoàng hậu, xin người hãy thương lấy tôi. Kẻ đang quỳ dưới chân bà đây là hiện thân của sự đau khổ. Tôi xin cầu Trời và thần thánh cho tôi và tất cả các quan khách hưởng phúc lâu dài. Còn tôi, tôi kêu xin bà giúp đỡ tôi để có thể về được quê hương bản quán sau khi đã chịu bao nỗi khốn đốn ».

Chàng nói dứt lời thì Vua Alkinoos đứng dậy đỡ tay đỡ chàng ngồi lên một cái ghế có đóng danh bạc. Một nữ tì dọn trước mặt Ulysse một bàn thức ăn và rượu. Sau khi các quan khách ra về cả rồi, Arêté hỏi chàng : « Hỡi chàng khách lạ, chàng hãy nói cho tôi biết chàng là ai, ở đâu lại và muốn gì ? » Ulysse trả lời : « Câu chuyện những bước gian truân của tôi thì, thưa hoàng hậu, rất dài. Tôi hãy xin trả lời qua đề người rõ. Tôi ở cũ lao Ogygie lại đây, sau khi đã sống ở đó bảy năm. Sau mười tám ngày bơi thuyền về phía Inthaque quê hương của tôi, tôi bị một trận bão đánh tan thuyền và làm tôi trôi rạt vào bờ này. Tôi đã ngủ đêm trên bờ đó. Lúc tỉnh giấc tôi thấy Nausicaa và các nữ tỳ đang đùa rỡ ngoài bãi cát. Tôi hỏi thăm thì chính Nausicaa đã cho tôi bộ quần áo này và chỉ đường cho tôi đến đây. »

Alkinoos bèn nói : « Chàng cứ yên tâm. Sáng mai tôi sẽ lo mọi chuyện để đưa chàng về đền quê hương. Chàng sẽ có dịp thưởng thức sự mau lẹ của các tầu của tôi cùng là

tài cheo thuyền của các thủy thủ Phéaciens. Bây giờ chàng chỉ nên nghỉ đêm nghỉ ngơi mà thôi. » Sáng hôm sau, như lời đã hứa, Alkinoos cho sửa soạn một chiếc tầu để đưa Ulysse về. Trong khi các thủy thủ buộc mái chèo, dựng cột và mắc buồm thì những gia nhân khác sắp một bữa tiệc thật linh đình mời đông đủ các tướng tá danh tiếng trong xứ. Vua cho tìm để giúp vui, một thi sĩ hành ngâm mù tên là Démococos. Người ta để ông này ngồi trên một cái ngai bạc cạnh một bàn bánh và rượu. Tiệc xong, Démococos lấy đàn ra gảy và hát ca tụng những chiến công của các vị anh hùng. Lúc nghe kể đến những kỳ công của Achille và của mình, Ulysse lấy tấm áo khoác đỏ che lên đầu mà khóc. Các quan khách không để ý, duy có Alkinoos ngồi cạnh chàng là biết mà thôi. Vua bèn nói : « Hỡi các bạn, sau khi ăn uống và nghe đàn hát rồi, chúng ta hãy nên ra biểu diễn mấy môn vận dụng sở trường của ta để khi nào về nước chàng khách lạ có thể kể lại cho mọi người nghe rằng về những môn

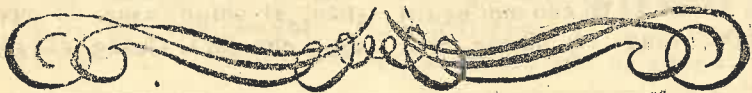
quyển thuật, đánh vật, chạy và nhảy, chúng ta hơn mọi dân tộc là chừng nào. »

Vua đứng lên đầu tiên, mọi người theo sau ra công trường. Chính Ulysse cũng dự vào các cuộc đua đó. Đến chiều, lúc gần chia tay ra về, Alkinoos bảo các vị tướng lĩnh Phéaciens : « Hỡi các bạn, chúng ta nên nghĩ đến biếu chàng khách lạ những quà tỏ lòng trọng khách của chúng ta. Vậy thì mười hai vị tướng lĩnh cai trị dân chúng, mỗi vị cho mang một thứ quà có thể làm hài lòng khách đến lâu dài của tôi và dự tiệc tiễn hành. Các tặng phẩm rất quý giá, và không món nào giống món nào. Gần đến giờ ăn, các quan khách đến, có Nausicaa đứng đón ở cửa. Lúc Ulysse đến nàng nói : « Hỡi chàng khách lạ, tôi xin cầu chúc cho chàng về đền quê hương bản quán. Khi chàng đến nhà xin chàng chớ quên tôi là người đầu tiên đã giúp chàng trên đất này. » Ulysse trả lời : « Hỡi nàng Nausicaa, nếu các thần cho phép tôi về đền xứ sở, tôi sẽ cầu khẩn nàng như cầu khẩn một vị nữ thần, vì chính nàng đã cứu sống cho tôi ». Chàng nói rồi

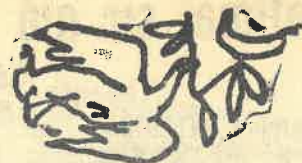
đến ngồi cạnh Vua. Đến cuối bữa, Démodocos lại lấy đàn ra ca hát. Lúc nghe đến đoạn kể sự phá thành Troie, Ulysse lại che mặt đi mà khóc. Vua thấy thế liền nói: «Démodocos hãy ngừng đàn hát lại, vì từ lúc chàng khách lạ nghe ông hát chỉ thở dài, và ta không nên làm buồn lòng một người khách.» Ông ta lại quay về phía Ulysse mà hỏi: «Còn chàng, bây giờ đã sắp sửa đủ mọi thứ để đưa chàng về rồi, thì chàng hãy nói cho chúng tôi biết tên tuổi và quê quán chàng. Chàng hãy kể tỉ mỉ cho chúng tôi nghe chàng đã phiêu lưu đến những đâu, chàng đã gặp những dân tộc nào, và tại sao chàng lại khóc khi nghe tiếng đàn và hát của Démodocos.»

Ulysse trả lời: «Nếu nhà vua muốn nghe thuật cuộc đời phiêu lưu của tôi thì trước hết tôi xin nói tôi là ai đã. Tôi chính là con trai của Laerte tên là Ulysse. Tôi ở Ithaque, và tuy tôi đã đặt chân lên rất nhiều nơi, nhưng tôi chưa thấy nơi nào đó, với tôi đáng quý như

quê hương của tôi. Từ lúc rời khỏi thành Troie, tôi đã gặp rất nhiều tai nạn. Câu chuyện thật dài, nhưng tôi cũng xin kể lại để nhà vua nghe.» Ulysse liền thuật lại mọi gian lao chàng đã gặp từ lúc phá xong thành Troie đến lúc bây giờ. Mọi người đều im lặng chú ý nghe. Khi họ giải tán thì đêm đã khuya. Sáng hôm sau, mọi người đem quà tặng Ulysse ra tân trên tàu. Ulysse từ biệt mọi người và lên tàu. Các thủy thủ cũng tức khắc ra công chèo. Tàu đi vùn vụt như bay. Trong khi đó Ulysse nằm ngủ một giấc say đến nỗi úc đến bờ Ithaque chàng vẫn không biết gì. Bọn thủy thủ bèn nhẹ nhàng khiêng chàng đặt lên bờ rồi đem các tặng phẩm của những người Phéaciens để dưới gốc một cây ô liu. Thi hành xong nhiệm vụ, họ chèo tàu trở về. Than ôi! họ có ngờ đâu là sẽ không được trông thấy quê hương nữa! Thật vậy, tàu của họ trước khi đến bến bị ăn sâu xuống đáy bể và hóa thành núi đá.



## vọng



Con rồng cỡi lạc hùng vương  
 Quê hương một năm trời xương bên bờ  
 Đại dương ngút áng mây mờ  
 Mịt mù cánh nhận, mấy bờ nương dâu

Tim về ánh mắt đêm thâu  
 Sóng xô cánh nhỏ vùng sao lặng chìm  
 Cho nghe lời hát trong tim  
 Trở vào lòng đất im lìm tiếng ca



## hoa nở

gửi Thúy

Đường về, mộng đến người đi  
 Mang vào tình sử, trời tây nã nề  
 Vàng trắng chênh chênh môi kẻ  
 Tình cầu đồ lộn è chề nhân gian

Bước lên cánh bướm nhịp nhàng  
 Đường vào phố thị nghe buồn xa xưa  
 Em về gió lộng trăng hoa  
 Với tình vũ trụ với ta một tình

\* NGUYỄN VƯƠNG

# fatima, sứ giả hòa bình

Kỷ niệm chiêu vi-tuyển 17  
Tượng Mẹ ở bến Bến-Hải

Fatima ! Mẹ Fatima !  
Vị Sứ Giả Hòa-Bình  
Mẹ đã đến từ phương trời xa lạ  
Thăm đàn con buốt giá giữa hòn cảm  
Mấy mươi năm rồi ngọn lửa chiến tranh  
Đốt phá tan tành ! Quê hương đầy dụa  
Xương máu tanh hôi ! Non sông lầy lội  
Fatima ! Mẹ đã đến giữa cảnh  
Tang sầu châu lụy  
Tử biệt sinh-ly  
Fatima ! Mẹ hãy nhìn cảnh tượng tàn cốt nhục  
Ngòi chiến địa ngồn ngàng thây người ngã gục  
Trong gia đình dòn dập cảnh tóc tang  
Bao phân-ly thù oán vẫn gây mầm,  
Bao già trẻ đã diêm vánh khăn trắng  
Mẹ đến khi non sông rền vang bom đạn  
Giải đất U-buồn giới tuyến ngăn đôi.  
Toàn dân đau thương ! Chua xót ngậm ngùi  
Máu lệ pha dòng ! Hận cừu thê thảm  
Mẹ đã đến giữa trời thê lương âm đạm  
Giòng Lạc-Hồng sắp bị họa diệt vong  
Nhìn Bắc Nam bao thảm cảnh đau lòng  
Ôm nhau chết giữa bão bùng giông-tổ.  
Fatima ! Mẹ đã đến với đoàn con  
Khi hận lòng loang lỗ  
Khi điêu tàn, khi thống khổ bơ vơ...  
Bao năm qua toàn dân mong mỗi đợi chờ  
Nhưng mẹ ơi ! Thanh bình chưa trở lại  
Mẹ Fatima ! Vị sứ giả Hòa-Bình  
Mẹ là nguồn tia hy vọng  
Mẹ hãy đem cho đoàn con niềm tin sức sống.  
Đem thanh bình, hòa thuận, thương yêu.  
Cho Giang-sơn khỏi tàn tạ tiêu điều  
Cho Đất Nước khỏi nôi da xáo thịt  
Fatima ! Fatima ! Mẹ hãy đến  
Đem bác ái để lấp bằng vị kỷ  
Đem yêu thương để rửa sạch oán thù.  
Đem muôn người khỏi ngục tối thâm u  
Đề tìm lại « Hòa-bình » và « Chân-ly »

★ THANH-QUẢNG  
(V7 tuyển 17)



★ Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo PT 163)

1933-34, phong trào chính-trị lắng xuống, thì trái lại, phong-trào văn-nghệ đột-ngột, bùng lên. Tiểu-thuyết *Tổ-Tâm* chịu ảnh-hưởng của văn-chương lãng-mạn Pháp, và tiểu-thuyết *Tuyết-Hồng Lê-Sử*, dịch truyện lãng-mạn của Tàu, xuất-bản trước đó mấy năm và đã hấp-dẫn được một phần lớn công-chúng, hay còn dư-âm êm đẹp và hương-vị nồng-nàn trong các lớp người của thế-hệ 1935.

Văn Thơ lãng-mạn kế tiếp ra đời, khắp cả Bắc Trung Nam, nhưng mạnh nhất là ở Bắc. Tuấn được may-mắn sống ở Hà-nội, theo rồi sát phong-trào qua các báo chí, các hoạt-dộng văn-nghệ ở Hà-nội cũng như ở Huế và Saigon. Luôn luôn đứng

trên phương-diện khách-quan, nhận-xét sự kiện và phân-tách biến-cổ theo thực-trạng của nó, Tuấn thấy văn-nghệ lãng-mạn sôi-nổi ở Saigon một lúc đầu, vào khoảng 1932-33, rồi dần dần dịu xuống để trở lại bình-thường, hầu như bị buông trôi theo nhịp sống vật-chất ô-ạt, rộn-rịp hằng ngày.

Có điều Tuấn ngạc nhiên nhất trong lĩnh-vực Văn-nghệ lãng-mạn ấy, là phong trào « thơ mới » ở Saigon được hằng há, khởi xướng bởi hai người không phải là Thi-sĩ: một cụ Tú nhà Nho người Trung Kỳ, ông Phan Khôi, chủ-bút tờ *Phụ nữ Tân-Văn*, có ít nhiều Tây-học, chỉ thỉnh-thoảng, lúc nào cao-hứng, làm chơi một bài thơ thuộc loại

trào-phúng; và một nữ-sinh 18 tuổi, cô Nguyễn-thị-Manh-Manh, người Nam Kỳ, con gái một ông Huyện-hàm về hưu, vừa Thi đỗ «Diplôme» ở trường Áo-Tím, (1) Cô Manh-Manh không làm thơ, cô không hề xuất bản một tập thơ nào cả, nhưng cô lại hằng hái viết báo và diễn-thuyết cổ-xúy Thơ mới. Không những riêng ở Saigon, cô lại còn đi với ông Huyện Trị, thân phụ của cô, ra Hà-nội để diễn-thuyết về «Thơ Mới». Hôm cô diễn thuyết ở Hội-quán AFIMA, Tuấn bị sốt rét nên không đi nghe, nhưng bạn của Tuấn đi khá đông, có về thuật lại cho Tuấn rõ ràng cô nói trôi chảy, giọng Saigon nghe lạ lạ dễ thương. Về nội-dung bài diễn thuyết không có gì đặc-sắc.

Người ta phê-bình nhan sắc của cô nhiều hơn là bài diễn-thuyết. Đối với người Hà-nội, cái tên của cô đã là một sự lạ rồi, Nguyễn-thị-Manh-Manh, sao lại đặt cái tên dị thường như thế? Phải chăng cô muốn lấy tên một giống chim ở Nam-kỳ, con chim manh manh, bé nhỏ, có giọng hót líu lo khá ái? Tại sao cô không thích để tên thật của cô là

Nguyễn-thị-Kiểm, mà đáng là phải viết là Nguyễn-thị-Kim? Người cô thấp và mập, mặt tròn vo, đôi mắt cũng tròn và to, trông con người đen nhánh. Đầu để búi tóc như hầu hết các thiếu nữ Saigon 1935. Cô Manh-Manh xuất hiện trên nền trời Thơ mới Việt-Nam như một ngôi sao chổi, chỉ thoáng qua rồi biến mất. Cô không để lại một bài thơ nào, dù là thơ cũ hay thơ mới.

Phan Khôi, trái lại, là một cụ già đã nổi tiếng từ lâu trong làng văn báo của ba Kỳ. Cụ thuộc về phái Nho học tân tiến, người tỉnh Quảng Nam, đã đậu Tú Tài Hán học, nhưng lại thích mặc âu phục hơn là áo dài khăn đóng, khác hẳn các ông Tú ông Cử độ nho lúc bấy giờ. Cụ cũng thích nói tiếng tây vì cụ có tự học Pháp ngữ, và nổi tiếng về khoa lý-luận. Cụ vẫn thường tuyên bố với bạn bè rằng cụ thích vẽ văn cô Logique Tây-phương. Tuấn được gặp cụ hai ba lần ở Hà-nội, trong tòa báo *Phụ Nữ thời đàm* mà Cụ làm chủ bút. Cụ có cho Tuấn xem

(1) Nay là trường Gia Long. Tên gọi thông thường là «Áo-Tím» vì Nữ-Sinh trường này mặc đồng phục áo tím.

vài ba bài thơ của Cụ, gọi là «Thơ Mới», toàn một giọng trào-phúng. Một lần, cụ bảo với Tuấn: «Người ta cứ đồ rìet cho Tú. Phan Khôi này là đồ xướng ra Thơ-Mới. Thiệt là bá-xàm bá-láp. Tui có ưa làm Thơ bao giờ đâu, thơ cũ cũng không làm hưởng chi là thơ mới. Đề trả lời những anh nói bậy đó, tui tức mình làm vài bài thơ chơi, kêu là «Thơ Mới» mà chính là đề ngao Thơ-Mới đó!» Tuấn có hỏi lại cụ Tú Phan-Khôi:

— Người ta bảo rằng bài «Tình già» của Bác đăng trong «Phụ Nữ Tân Văn», là Thơ-Mới đấy.

Cụ Tú cười oang oang:

— Mới cái mốc-xì! Bài *Tình-Già*, tui làm theo điệu Thơ cổ-phong của Tàu, chứ mới cái gì!

Dù sao, phân-tách kỹ, Tuấn thấy rằng «phong-trào Thơ Mới» cũng đã xuất hiện theo trào-lưu tiến-triển tự-nhiên của Văn-nghệ. Năm 1933-34, một lớp thanh-niên mới được đào-tạo ở các trường Trung-học và Cao-đẳng Pháp, hấp-thụ Văn-chương tư-tưởng Pháp khá nhiều, bắt đầu đem ảnh-hưởng mới ấy vào Văn-chương Việt-nam. Trước đó

đã có Phạm-Quỳnh và Nguyễn-văn-Vĩnh dùng cú pháp của Tây để diễn tả tư tưởng, nhưng hai nhà Văn tiên-phong lão thành ấy đã theo thể-thức hàn-lâm (la forme académique), quá hoàn-toàn, nghĩa là quá cổ điển.

Hoàng-ngọc Phách viết quyển *Tổ-Tâm* đã khoáng-đạt hơn nhiều, nhưng chỉ ở trong phạm-vi tiểu thuyết lãng-mạn mà thôi.

Bộ-môn Thơ vẫn chưa rút ra khỏi khuôn-khổ cũ-kỹ từ nghìn xưa vẫn quanh-quần với mấy điệu thơ Đường luật, bát cú, Tứ tuyệt, hoặc thơ Lục bát, Lục bát giáng thất của mấy cụ Nhà Nho.

Cho nên, đến lớp nhà Văn và nhà Thơ trẻ của thế-hệ 1933-34, lối diễn tả tư tưởng, lối nhận-xét sự vật, đã «mới» hơn nhiều, phóng-đạt hơn và có phần sâu-sắc hơn. Dĩ-nhiên là nó thích-hợp hơn với tinh-thần phát triển mới của các tầng lớp trí-thức và công-chúng.

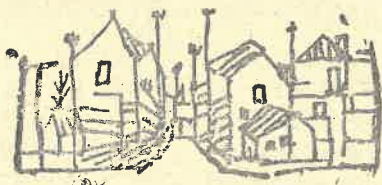
Chính trong hoàn-cảnh thay cũ đổi mới đó mà các loại Thơ gọi là Thơ Mới được xuất-hiện một cách mặc-nhiên, không do ai đề-xướng cả. Đó là hậu quả dĩ-nhiên của lịch-trình tiến-hóa của Văn-chương và tư tưởng loài người, chứ không phải một phát-mình mới lạ như khoa học.

Trong phạm-vi lịch-sử đó, Tuấn nhận thấy rằng đồng thời với sự tiến-triển theo một ý-thức mới của Văn-chương « An-Nam », chỉ sớm hơn hoặc muộn hơn năm sáu năm, ở Nhật-bồn và Trung-Hoa cũng có phong trào Thơ Mới, ở Indonesia cũng có phong trào ấy. Chỉ trừ có Thái-Lan, Cao-Miên, Lào, tình-hình Văn-ngữ vẫn duy-trì như cũ, bị r-động lại vì thiếu điều kiện phát-triển. Duy có Phi Luật Tân ảnh hưởng của Portugal (Đồ-đào Nha) đã in sâu vào tiềm thức dân-tộc từ lâu năm hơn, kể tiếp

lại chịu ảnh-hưởng của Hoa-Kỳ, nên Văn-ngữ Phi-Luật-Tân ở trong tình trạng đặc-biệt hơn.

Có thể nói rằng dưới hấp-lực của các chuyên động Tây-phương, địa-lý Văn-ngữ (la géographie littéraire et artistique) của các xứ ở vùng Đông-Nam-Á đều ghi-nhận một trào lưu cải-tiến (un courant d'évolution) tự-nhiên và không tránh khỏi, trào lưu ấy đã thay đổi ít nhiều bề mặt, đảo-lộn ít nhiều bề sâu, của tư-tưởng Văn-ngữ « An-Nam », mới...

(còn nữa)



★ XEM BÁO

Tại một công viên, ông no đang xem tờ báo. Một chàng ngồi bên cạnh hỏi:

— Xin ông có thể lật sang trang ba tôi xem nhờ tiêu thuyết một tý?

— Vâng. Sẵn lòng.

Chàng ta vội đứng lên:

— Ông chờ cho một chút nhé. Tôi chạy đi gọi 2 thằng bạn của tôi đến luôn.



G  
I  
Ó  
L  
Ó  
C

• HỮU CHÂU

**T**RĂNG vắt mình như giải lụa trên vòm cây, đan bóng dưới cát trắng, phảng phất như những bông hoa rùng, kết tụ từ lòng đất dấy lên.

Biển xanh giát màu ngọc bích. Mây trắng hững hờ trôi trên khung trời thăm thẳm. Gió thổi lộng làm tóc Tuyết rối tung. Sóng biển đập mình trào bọt trắng. Tuyết thấy rõ rệt nàng yêu Giang. Tự nhiên nàng thấy tim đập mạnh. Mắt Tuyết sáng rực như những vì sao trên trời. Nàng chăm chú nhìn Giang đang yên lặng ngồi cạnh nàng. Tuyết chợt nhớ đến hình ảnh mùa trăng năm ngoái. Giang đã lên thăm nàng trên Dalat, những buổi đi bên nhau trên bờ hồ Than Thở hay bên suối Vàng, Giang đã nắm tay nàng đi dưới đời trăng.



Có những lúc Giang nhìn nàng chan chứa tình yêu, nàng phải cúi xuống để tránh cái nhìn sáng sủa của Giang. Quả thật lúc đó, nàng cảm thấy tia mắt đó đem lại niềm tin yêu vào linh hồn nàng như ngô hẹp thềm ánh sáng. Má nàng đỏ ửng, lúng túng. Nàng thấy có cái gì êm ái trong đôi mắt chàng.

Dưới ánh trăng mờ, hai người đi bên nhau, nàng đọc thấy ánh mắt Giang những chữ yêu đang nhảy múa. Nét chữ ấy đang lồng vào nhau, quấn quýt si mê chạy vòng quanh mắt Giang, vẽ vào tiềm thức nàng màu hoa pháo : màu hạnh phúc yêu đương. Bốn mắt nhìn nhau chẳng nói một câu êm đềm. Đường hoang vắng, chợt Giang nhớ đến những cảnh yêu nhau thắm kín, tâm hồn chàng rạo rức. Nghĩ vậy, chàng nhìn thẳng vào mắt Tuyết, nhưng nàng suy tư nhìn đi nơi khác. Trong cái im lặng, tâm tưởng hai người chạy đuổi theo hai ý nghĩ khác nhau.

Trên con đường ngoằn ngoèo, hai người từng tưng bước quên mệt mỏi. Gió lạnh thổi từ đồi thông phía mặt lam cho tà áo Tuyết quấn vào tay nàng. Giang khẽ cầm vạt áo, cả một vùng thơm phảng phất. Nàng chớp mắt nhìn Giang bên lên.

Sao trên trời lấp lánh như những hạt ngọc. Trong lúc ấy, Giang có nhiều cảm giác lạ lạ. Giang thấy Tuyết đẹp như bông hoa rừng, cặp mắt nàng buồn như giòng sông đêm. Giang thấy yêu vẻ đẹp rưng rưng của nàng. Lúc ấy, các thớ thịt trong người chàng đã rung chuyển, chàng liên tưởng đến những vần thơ của một thi sỹ mà chàng thường đọc :

*ta muốn cắn những trái mềm thơm ngọt  
xiết vào nhau nghe tê dại gợn tim  
từng mảng tơ dính vào môi miệng  
mớm cho nhau hơi thở điên cuồng*

Nhìn thấy ánh mắt Giang khác thường, nàng sợ hãi trầm nghĩ :

— Sao lúc này, em nhìn anh, em thấy hơi sờ sờ. Giang nhận thấy ngay cử chỉ ấy không đẹp... chàng tần ngần cúi xuống nhặt chiếc lá rơi, bóp nát trong tay mà không biết.



Tình yêu thật là khó hiểu, lúc này nàng thấy sợ yêu, bây giờ nàng lại muốn yêu Giang. Có lúc Giang tiến đến gần tình yêu thì nàng sợ hãi, khi chàng lẩn tránh thì nàng lại kiếm tìm.

Tội nghiệp cho Giang, chàng không hiểu được Tuyết đã yêu Giang đến mức độ nào ? Nếu nàng có chống cự, cũng là phản ứng của người con gái khi mới yêu.

Dù nàng có yêu Giang đến mấy, nàng cũng không thể ngã vào tay Giang một cách quá dễ dàng.

Nàng trầm nghĩ :

— Tình yêu thật dần dị mà cũng vô cùng phức tạp.

Nghĩ vậy, nàng nhìn Giang hơi khó chịu. Nàng bước chầm chậm để cách xa Giang. Tự nhiên óc nàng đột khởi những cảm giác kỳ lạ. Nàng muốn tìm hiểu nỗi ưu tư đó có đúng không, nàng cố tìm lại, tìm mãi... vẫn ở trong vòng luẩn quẩn không lối thoát.

Bỗng nhiên nàng nghĩ đến cử chỉ của Giang hay e thẹn, nàng bật cười thích thú. Thấy nàng cười, Giang cũng cười theo. Tự nhiên chàng bứt rứt, tiếc rằng sao lúc này không tỏ tình yêu với nàng.

chàng lại tự trách đã bỏ lỡ một cơ hội hiếm có. Nhiều lúc chàng muốn nói, song nói không thành lời.

— Gió thổi lạnh, cả hai người chột rùng mình, Giang xích lại gần khẽ nói :

— Xa anh, em có nhớ không ?

Nàng thấy câu hỏi của Giang hơi thừa. Đầu nàng nghiêng về phía Giang mỉm cười :

— Xa em, anh có nhớ em không ?

Câu hỏi hóm hỉnh của nàng làm Giang lúng túng. Thấy vậy, nàng vội an ủi Giang :

— Tại sao, anh lại nghĩ đến chuyện xa nhau. Em thấy không có gì đẹp bằng tình bạn, chỉ có tình bạn mới bền vững lâu dài.

Như vừa ra khỏi cơn mơ, Giang không kịp suy nghĩ vội gật đầu. Thấy chàng quá chất phác, nàng thấy yêu vô cùng. Nàng mãi suy nghĩ quên cả nói chuyện với chàng, cho tới khi có tiếng động xung quanh, nàng mới giật mình ngơ ngác. Giang nhìn nàng mắt như tự lại những cảm tình chan chứa. Và truyền vào đôi mắt nàng những hình ảnh tự bao giờ. Nàng thấy sung sướng, nhưng trong một thoáng nàng thấy sợ hãi. Nàng mừng rỡ trông đến Tùng — Người đã gây nên sóng gió trong tư tưởng nàng. Tại nàng còn văng vẳng tiếng nói của mẹ hiền đã nhiều lần ngăn cấm không cho hai người gặp nhau. Vì mẹ nàng đã hứa gả cho Tùng, một thương gia giàu có. Làm sao nàng có thể cưỡng được, lấy một người mà không bao giờ nàng yêu ? Nhưng gia đình nàng lại chịu ơn Tùng. Nhiều lần nàng cố xa lánh thì hẳn lại cố gần nàng hơn. Nàng quên sao được đôi mắt khiêu khích của hẳn, khiến nàng phát tửm.

Có lần nàng cố nén giận hờn và chua chát hỏi :

— Tôi rất sợ hãi những cái nhìn của ông ? Tôi chưa hiểu nổi, ý định ông muốn gì ?

Hắn trả lời bằng một giọng úp mở :

— Tại sao cô lại có ý nghĩ lạ lùng như vậy ? Tôi không hiểu tại sao cô lại có ác cảm đối với tôi ? Tôi thiết tưởng cô

cũng thừa hiểu rồi, cô cần gì phải hoài nghi cái nhìn của tôi. Cô không nên lán nhẩn đối với tôi như thế ?

Tuyết lắc đầu :

— Rất tiếc rằng làm sao tôi hiểu nổi ông ? Vậy muốn gì, tôi xin ông cứ nói thẳng cho tôi biết. Tôi rất sợ những cái gì mờ ám. Tôi chỉ là một học sinh trong trắng, tôi đâu có hiểu những khía cạnh của đời ; tôi xin ông cứ nói hết những điều ông muốn nói.

Bằng một nụ cười nham nhở, hắn nói :

— Cô thừa biết đời là một sự mua bán không có ai dai mà cũng không có ai khôn cả. Sở dĩ tôi năng tới đây là do tôi đã chú ý đến cô. Vì vậy, tôi muốn đòi lại những cái gì tôi đã mất. Có thể thôi !

Nàng trợn mắt hỏi tiếp :

— Nghĩa là ông muốn đòi lại tiền mà ông đã giúp đỡ mẹ tôi ?

Tùng lắc đầu :

— Không phải thế ! Tôi muốn đòi lại một cái gì hơn thế nữa !

— Thế ông nói thẳng vào vấn đề ngay đi, tôi là người thích nghe sự thật.

Tùng nói bằng một giọng mạnh bạo :

— Cô là người thông minh nên đã thừa hiểu biết tôi định nói gì rồi ? Việc gì cô lại phải hỏi lại tôi nữa !

Thấy vậy, nàng thăm hiểu hẳn là một kẻ cuồng si, hơn nữa nàng không thể ngờ hẳn có thể đề cập một chuyện quá trắng trợn ! Như không biết, nàng vội hỏi :

— Thú thật, tôi không hiểu ông định nói gì ?

Gã nói không cần suy nghĩ :

— Tôi muốn yêu cô.

Tuyết thấy khó chịu về câu nói ấy, hẳn đã ép nàng những điều kiện mà gia đình nàng đã chịu ơn hẳn.

Tuyết thấy tối tăm cả mặt mày, nàng không ngờ hẳn lại có dã tâm ấy. Nghĩ vậy nàng nhìn thẳng vào mắt hẳn, nói lớn :

— Ông là người từng trải việc đời, ông lại giải quyết một câu chuyện quá đản dị như vậy? Tình yêu là cho chứ không phải là đòi. Nếu ông phủ nhận sự thật, ông sẽ gánh chịu những hậu quả do ông gây nên.

— Nghĩa là cô đe dọa tôi?

Nàng mỉm cười chua chát:

— Tôi đâu dám đe dọa ông. Tôi nói bằng sự thật không thêm bớt. Ông đã buộc tôi những điều kiện mà tôi không thể chấp thuận được.

Tiếng nói của nàng dứt quãng... Sự nghẹn uất còn chứa chất trong ánh mắt nàng.

Nàng yên chí những tiếng nói chân thành vừa rồi, ít nhiều sẽ làm hấn xúc động. Ngược lại, hấn vẫn nhìn nàng bằng cặp mắt đăm mê. Hấn làm tưởng phản ứng trên chỉ là sức đề kháng tự nhiên của người trinh nữ. Dĩ nhiên đối với hấn là một chuyện thường.

Vẫn một luận điệu khả ố, hấn mỉm cười nói:

— Cô thơ ngây nên cô không hiểu gì về tình yêu cả. Cô phải nhìn xa trông rộng thì hạnh phúc mới vẹn toàn. Có người lấy nhau vì bần phận, nhưng khi họ gắn gũ nhau thì họ mới tìm thấy tình yêu.

Hấn ngừng một lúc rồi nói tiếp:

— Cô quên tôi là một ân nhân của gia đình cô à! Ngày ấy, mẹ cô bị ra tòa vì đồ nợ. Tôi phải chạy ngược xuôi để thu xếp nên mẹ cô được trắng án. Nếu không vì cô tôi đâu lại đi làm một chuyện đại khờ như vậy? Chính mẹ cô đã hứa với tôi, đến nay tôi mới nói đề cô rõ.

Nàng trợn mắt hỏi lại:

— Mẹ tôi... đã... hứa với ông?

Máu tím như chận lấy cổ họng nàng. Nàng đau khổ nghĩ đến cái chết của cha vào đêm giao thừa, nàng gục đầu bện quan tài, gào thét đòi cha sống lại. Đến nay, nàng tìm đâu thấy

nữa. Nếu cha nàng còn sống thì gia đình nàng đâu có túng quần như ngày nay. Nhìn thấy bộ mặt béo phì của hấn, nàng thấy tức sôi cả ruột gan.

Nàng nói bằng một giọng nghẹn uất:

— Ông về đi... ông về đi...

Hấn tiến lại gần, định ôm lấy nàng để phân trần, nàng hốt hoảng kêu:

— Nếu ông đụng vào người tôi, tôi sẽ la lên cho mà coi!

— Cô Tuyết, tôi xin lỗi cô...

Nàng rưng rưng nói tiếp:

— Tôi là người có học, ông nên có những hành động « trí thức » hơn một chút, ông không thể bắt buộc tôi làm những việc... mà lương tâm tôi không cho phép... nếu ông còn nói nữa, tôi sẽ phải bỏ nhà ra đi để tôi được xa lánh ông. Tôi van ông.. Tôi xin ông... ông đừng làm tôi khổ sở nữa...

Ông là người giàu có, ông lấy ai mà chả được, ông theo đuổi tôi làm gì! Tôi thú thật với ông: Tôi đã có người yêu rồi. Còn tôi với ông, tôi chỉ có thể coi ông là một ân nhân mà tôi kính trọng.

Nàng ngừng một lúc rồi nói tiếp:

— Còn gì khổ hơn khi tình yêu không trọn vẹn. Nếu ông có đứng vào hoàn cảnh của tôi ông mới thấy khó xử.

Hấn im lặng như cây chết đứng. Sắc mặt hấn tái nhợt. Trước khi ra về, hấn nói với lại:

— Tôi không cần nói chuyện với cô, tôi sẽ thừa chuyện với thân mẫu của cô; vì trước đây người có giao ước với tôi.

— Tôi đã nói với ông hết lời, hết ý, ông không chịu tìm hiểu sự thật. Ông là một kẻ táng tận lương tâm, ông đâu biết những hành động của ông là hèn hạ? Ông định dùng tiền để chinh phục tôi, ông nghĩ vậy là làm lắm! Ông có thể dùng tiền để mua một cô gái giang hồ, còn với tôi tuy nghèo, nhưng đồng tiền kia không thể mua chuộc nổi tôi. Ông nên đi ra khỏi nhà này để khỏi bẩn mắt tôi. Tôi ghê tởm những con người chỉ coi tiền trên lương tâm của kẻ khác.

Hắn vùng vằng đi ra với nét mặt giận dữ. Nàng nhìn theo tới khi bóng hắn khuất sau ngõ hẹp. Nàng như trút khỏi gánh nặng. Chốc nữa mẹ nàng về, nàng sẽ ăn nói làm sao bây giờ ! Tim nàng đập mạnh. Nàng hình dung thấy nét mặt buồn thảm của mẹ hiền. Nàng không có can đảm để nói lại câu chuyện vừa xảy ra. Cha nàng mất lúc đó, nàng còn nhỏ. Mẹ nàng vẫn sống đơn côi để nuôi nàng. Cho đến ngày nay nàng đã khôn lớn. Đây là lần đầu tiên nàng đã cưỡng lại lời của mẹ hiền. Nàng biết làm như vậy là bất hiếu. Mẹ nàng sẽ khó, nàng sẽ chịu đựng những hình phạt của nội tâm. Nhưng nàng đành bất lực trước định mệnh. Nàng có cảm tưởng như cuộc sống của nàng là một cuộc sống đen tối. Và chính cuộc sống đen tối đã đến với nàng bắt đầu từ giờ phút này. Nhiều lúc nàng muốn cúi đầu chấp thuận để làm vừa lòng mẹ hiền, nhưng giữa nàng với mẹ như có một bức tường ngăn cách không thể vượt qua nổi. Nàng không đủ sức để vượt qua bức tường đó. Và nàng đã khóc... khóc rất nhiều. Mẹ nàng đâu có biết nàng đã khóc, nàng là một kẻ có tội rồi ! Tội đã cưỡng lại mẹ hiền. Nàng chỉ âm thầm khóc trong đêm vắng.

— Tại sao con khóc ?

— Con có khóc đâu !

Tiếng nói mẹ hiền nghe nhỏ dần rồi tan biến vào đêm.

Đâu đây có tiếng ai ngâm thơ buồn vời vợi:

*hồn hoang mầu bện viện  
mắt đau ánh lửa vòn  
tóc buồn rụng rụng chảy  
hồn chờ sâu mênh mang...*

Thao thức không ngủ, nàng vùng dậy, đứng bên giường mẹ rất lâu, mẹ nàng đang úp mặt xuống gối, hai vai rung lên. Biết là nàng đứng cạnh, mẹ nàng vờ như không biết. Nàng cảm động, chân tay run rẩy. Nàng đã khóc theo. Lúc bấy giờ mẹ nàng trở mình, ngẩng đầu lên và nói thật nhỏ :

— Con chưa ngủ à !

Nàng gục đầu vào tay mẹ khóc rung rức. Mẹ nàng mắng yêu :

— Con gái lớn rồi mà còn nũng nịu mẹ.

Đôi tay gầy guộc vuốt tóc nàng trĩu mền, nàng nhìn mẹ thương cảm.

— Thôi con đi ngủ kẻo khuya rồi !

Nửa đêm nàng nghe thấy tiếng mẹ thét lên, nàng vùng dậy bật đèn gọi :

— Mẹ ơi !

Ánh điện sáng lóe, mẹ nàng bàng hoàng khe khẽ nói :

— Mẹ ngủ mê đấy mà ?

Dưới ánh đèn nàng còn nhận thấy những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán mẹ.

— Thôi con đi ngủ, mẹ không sao cả đâu !

Đèn tắt. Bóng tối bao trùm trong căn nhà u uất, ngoài trời gió thổi mạnh. Mưa đổ ngoài hiên nghe ào ào...

— Em nghĩ gì mà trông thờ thần thế !

Nàng giật mình bàng hoàng không nói lên lời. Thấy nét mặt nàng buồn, Giang nhìn nàng an ủi :

— Tại sao em buồn ?

Nàng gượng cười nói :

— Em có buồn gì đâu ?

Như đoán được tâm trạng nàng, Giang nói bằng một giọng quả quyết :

— Anh sẽ vượt mọi trở ngại để được yêu em đến trọn đời.

Giang nói như bộc lộ tất cả tấm lòng thành đối với người yêu. Nàng băng khuôn nửa lo nửa mừng.

Bóng đêm xuống hẳn ! Nàng chớp mắt, ngón tay lạng lẹ khép tà áo. Yên lặng trở về.

— Khuya rồi đấy anh ạ !

Giang đưa nàng về phía nhà. Dưới lòng đường sỏi đá, sương dục vây quanh.

Bàn tay nàng nắm trong tay Giang. Chàng dắt nàng đi theo bờ đá nhỏ...



BIÀ MỘ CỦA  
ÔNG NGOẠI VUA  
TỰ - ĐỨC

hay của Đại - úy Barbé ?

\* Tân - Hiến

● Trước đã một cái làm

CÁCH đây mấy tháng, trong tạp chí *Phổ Thông*, có người đã hiệu đính một cái làm trong thi ca Việt Nam. Nguyên bài văn tế một Trung Úy, trưởng đồn huyện Quỳnh - lân, bị quân của Đốc Đen giết chết, nhiều người cho là điệu văn của cụ Yên Đỗ khóc Francis Garnier. Với những luận điệu xác đáng, tác

giả bài hiệu đính đã chứng giải rõ rằng văn tế ấy không phải của cụ Tam Nguyên, căn cứ vào thép văn, cũng như tư tưởng. Quả thị, bài văn-văn trào phúng ấy, từ thi tứ đến giọng điệu, khác hẳn thi phẩm của Nguyễn Khuyến tiên sinh. Tuy nhiên, nhà hiệu đính thú nhận rằng không biết ai là tác giả. Hơn nữa, nguyên văn bài ai điệu đã đăng trong *Phổ Thông*. Có mấy bản khác nhau nhiều chỗ - cũng không được đúng lắm.

ĐẠI ÚY BARBÉ

Về điềm này, tôi xin góp chút sở kiến. Hồi nhà thơ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu chủ trương xuất bản *An Nam Tạp Chí*, một đêm nhân theo ông anh, Ngẫu Trí Trịnh đình Rú, đến thăm tòa báo, nơi gác xép phố Cầu-gỗ trông ra, Hồ Hoàn Kiếm, tôi đã được nghe con người « trăm năm thơ túi, rượi vò », trong cơn tửu hứng, cất tiếng sang sảng ngâm bài Văn tế kia theo điệu bình văn rất trầm - hùng của các cụ nhà nho thuở xưa. Theo Tân-Đà, tác giả bài Văn tế khóc quan tây lý thú ấy, là Cụ huyện Móm, chú ruột của Ông.

Cho đến bây giờ, chưa có một dị cáo, một tài liệu cụ thể nào chứng nhận quyền sở hữu chủ bài điệu văn ấy, nhưng cứ khách quan nhận xét, thì lời nói của nhà thơ núi Tản sông Đà rất đáng tin. Vì giọng điệu, thi tứ, hệt như thép văn trào phúng « bạo mồm » của cụ Huyện Móm, đôi khi có vẻ « gậy gạch » và không kiêng kỵ những từ ngữ « thực tế »

một cách rất tục ! Thí dụ : đọc đến câu : « Đ... mẹ cha nó », ta nhớ ngay tới hai câu bắt hủ của cụ, chưởi một viên phó bảng, họ Vũ :

*Nâng d... thăng Tây mà vênh mặt*

*Nhờ l... con đi mới nên thân!*

Còn về nguyên văn bài tế, có lẽ vì tam sao thất bản, nên mỗi bản mỗi khác. Trong khi chờ đợi một sự sưu tầm may mắn hơn, tìm được bằng chứng cụ thể về tác giả, xin chép ra đây theo đúng lời thi sĩ Tân Đà, để các bạn so sánh với các bản đã đăng trong *Phổ Thông* trước đây :

*Ông ở bên Tây ngang tàng*

*Ông sang An Nam bảo hộ,*

*Cái tóc ông quăn,*

*Cái mũi ông lỗ,*

*Cặp mắt ông xanh,*

*Chòm râu ông đỏ.*

*Đit ông cười lèa,*

*Mồm ông huýt chó.*

*Đầu ông đội mũ da,*

*Đing* midol tri các chứng đau nhức  
và cảm cúm.  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

Chân ông đi giày gỗ !  
 Cũng tưởng ông giết thằng Đen,  
 Cho yên con đỏ  
 Nào ngờ một phút sa cơ,  
 Bị nó lấy ngay mất số !  
 Khốn nạn thân ông  
 Đ... mẹ cha nó !

Chúng tôi xót tình,  
 Cũng ông một cố !  
 Gọt là như ngày,  
 Ông khôi mất giố !  
 Lễ bạc lòng thành,  
 Xin ông chiếu cố !  
 Chuốt tiêu một buồng,  
 Trúng gà một ổ !  
 Ông Tây, Ông Tây,  
 Ông về ăn cỗ !

Quả thật là trào phúng hạng bự !  
 Nào biết quê quán, lai lịch quý-  
 quan là gì, chỉ bằng khẩn đại:  
 Ông Tây, Ông Tây, Ông về  
 ăn cỗ ! Thực là chí hoát !

**Giờ mới thực bé  
 cái làm**

Bài văn Tế một ông Trung Úy  
 ở huyện Quỳnh côi, bị ngộ nhận  
 là tế Francis Garnier, chưa đáng  
 tức cười bằng câu chuyện sau  
 đây, có thể nói đúng như câu tục

ngữ : Chặt đầu cá, và đầu tôm !

Hồi mới vô Sài Gòn, một hôm  
 đi qua khu sau dinh Độc Lập,  
 ở một đầu ngã tư, tôi thấy có  
 bảng đề : Avenue Barbé.  
 Nghĩ thầm : đây lại một  
 ông « tướng » trong đạo quân  
 Viễn chinh, vượt muôn dặm  
 trùng dương đem chiến hạm, đại  
 bác, sang khai hóa cho dân Đại  
 Cồ Việt này mở mắt ra mà đón  
 lấy ánh sáng Tây Phương đây !  
 Nhưng, Ông ở bên tây ngang  
 tàng, Ông sang An nam bảo hộ,  
 lập được đại sự nghiệp gì, có bị  
 nó lấy mất số không ! Hồi, không  
 ai biết, hay có người biết lại  
 không được gặp.

Thế rồi, ít lâu sau, một bữa  
 đi ngang con đường P. Blanchy  
 (bây giờ Hai Bà Trưng) tôi thấy  
 một vùng cây cối thanh-u, tường  
 vây bốn mặt, tạo nên bầu không  
 khí tĩnh mịch giữa chốn phồn hoa.  
 Qua cổng rẽ vào thăm, thì thấy,  
 trong bóng râm tịch mịch, một con  
 mã lớn, chỗ năm chỗ ba, chẳng  
 quan thì dân; chẳng trẻ thì già,  
 trước cũng người cả, bây giờ đã  
 ma. (Theo nguyên văn Tân Đà,) nhưng,  
 dưới mấy cây thập tự xi  
 măng, này Henri, kia Marcel, nó  
 Gaspard... à, ra đây là ma tây !

Một ngôi mộ nổi bật lên giữa  
 những mái « hàn gia » ấy, nhờ  
 tấm bia lớn, chạm trổ rất tinh vi,  
 đầu khắc mấy hàng chữ :

Ci-git Barbé, Capitaine  
 d'Infanterie de la Marine, tué  
 dans une embuscade le 7 - 12 -  
 1860 — Souvenir de ses cama-  
 rades.

Đây là nơi yên nghỉ của Barbé,  
 Đại Úy Thủy quân lục chiến, tử  
 trận trong một cuộc phục kích  
 ngày 7 tháng 12 năm 1860. Kỳ  
 niệm của các bạn đồng ngũ.

À, ra Barbé, vị « danh nhân »  
 đã được đặt lên cho một đại lộ  
 giữa kinh thành miền Nam nước  
 Việt này, là một Đại Úy Phú  
 láng sa, đã bị nghĩa quân chém  
 đầu ! Đưa mắt vào tấm bia, dưới  
 hàng chữ Pháp, ờ, sao mà kỳ lạ !  
 Cả một bài đường thi xưng tụng  
 Công đức của vị Đại thần triều  
 Nguyễn, ông Phạm Đăng Hưng,  
 quốc trưởng của Vua Thiệu Trị,  
 ông ngoại của Vua Tự Đức :  
 Thân phụ ra bà Từ Dụ thái hậu

— Thế nà thế lão ?

Nếu có thằng Ngong của nhà  
 văn Nguyễn Vỹ ở đây, giết chết  
 nó cũng bật lên cái câu hỏi bất  
 hủ của nó.

Thế là nghĩa làm sao ? Bia của  
 Quốc Trương Phạm Đăng Hưng  
 lại biến ra mộ chí của Đại Úy  
 Barbé !

Và dưới ba thước đất vàng,  
 nằm yên giấc ngàn thu là Đại Úy  
 Pháp quốc, hay Quốc Trương  
 Nguyễn Triều ! Hồi người trông  
 coi nghĩa địa, thì y cũng ù cạc  
 như nhiều nhà học vấn uyên bác  
 miền Nam.

Mối thắc mắc của tôi kéo dài,  
 cho đến một hôm, sự tình cờ đã  
 đặt trước mắt tôi một cuốn sách,  
 nhan đề : Promenades dans Saigon  
 (Dạo chơi trong thành phố  
 Saigon) của nữ sĩ Hilda Arnold,  
 xuất bản năm 1948.

Đây, cái đỉnh của câu chuyện  
 « Chặt đầu cá, và đầu tôm » kỳ  
 dị ấy :

**Dung midol** Trị các chứng đau nhức  
 va cảm cúm  
 CƠ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
 1520/BX.17/ORDC.

• *Tombe de Barbé, dans le lot No 13, allées 2 et 10 autour de la tombe de Henri des Pallières.*

*C'est tout au fond, à gauche, parallèlement à la rue Legrand de la Liraye et surtout, parallèlement à la rue Paul Blanchy, dans l'allée 6, qu'il faut chercher les premiers morts etc... Parmi eux, on trouve celui du Capitaine Barbé, qui tomba dans une embuscade en 1860. La grande stèle qui marque la tombe du Capitaine Barbé a aussi son histoire : gravée à Hué, elle dut tomber entre les mains des Français à Saigon et, considérée comme prise de guerre, elle servit à honorer la mémoire d'un brave.*

*« Entièrement gravée de caractères Chinois, elle porte maintenant en surcharge ces simples mots :*

*« Ci-git Barbé : souvenir de ses camarades. »*

Dịch nghĩa : Phần mộ của Barbé, trong lô thứ 13, giữa hai

đường số 2 và số 10, quanh mã Henri des Pallières.

« Chính ở phía trong cùng, về góc trái, song song với con đường Legrand de la Liraye, và nhất là song song với đường P. Blanchy, mà ta phải dò tìm để thấy phần mộ những kẻ đã bỏ mình trước tiên ở đây... Trong đó, có ngôi mộ của Đại-Úy Barbé, từ trận trong một cuộc phục kích năm 1860. Tấm bia đồ sộ đánh dấu mộ Đại Úy Barbé, cũng có lại lịch đặc biệt : Khắc ở Hué, bia vốn dĩ để trang bài phần mộ của ông Phạm Đăng Hưng, Quốc vương của Vua Thiệu Trị, tống ở Gò Công. Hẳn là khi thuyền chở đến Sài Gòn, quân lính Pháp đã vớ được, và coi như là một chiến lợi phẩm, họ dùng ngay bia để kỷ công kẻ anh hùng của họ ! »

Thành thử bia khắc đầy những chữ nho, là thơ tuyên dương công đức của Phạm Đăng Hưng. lại đeo thêm bên trên, mấy hàng gọn lỏn : Đây là nơi an-nghỉ của



Trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/B.Y.T./D.R.D.C.

Barbé... kỷ niệm của bạn đồng ngũ ! »

Tôi nhớ lại cái bảng Avenue Barbé, với tất cả nỗi niềm thắc mắc bấy lâu.

Barbé ! Một viên đại-úy thủy quân, do bộ Pháp Quốc Hải ngoại phái sang chinh phục An nam, ý chừng chân ướt chân ráo vừa trình diện với Soái Phủ Sài Gòn, thì đi ló ngó thế nào để lọt vào ổ phục kích của nghĩa quân, rồi mất đầu ! Chỉ có thể thôi, mà danh lưu hậu thế, chêm chệ trên một đại lộ giữa hòn ngọc của Viễn Đông, đề cao muôn đời, trăm họ Việt Nam phải ngửa trông, chiêm ngưỡng như một Trần Hưng Đạo, một Nguyễn Quang Trung ! May mà 1945 đến. Kháng chiến Việt Nam thành công, nhưng Paul Doumer, Mụ Đầm Xòe, bị hạ bệ tuột tuột, thì Barbé, người ta cũng « bê bác » quăng vào một xô, để cho danh nho Lê Quý Đôn phục sinh cùng đất nước, tọa thị trên con đường cây cao bóng dài, mát dịu như khí tiết của vị tiên hiền...

Cũng theo nữ sĩ Hilda Arnold thì sau khi Barbé từ trận, Soái Phủ Saigon xoay xở, bắt đền triều đình Hué, đồ cho là đã thông đồng với quân Cần vương, sát hại tướng Pháp ! Thật chẳng khác Minh Triều đòi nợ Liễu Thăng !

Cũng như cụ Huyện Móm bị quí quan khép tội bất năng phó cứu, để giặc giết mất trung úy đồn trưởng, bèn bày trò cúng lễ, đọc văn tế khóc sướt mướt đến cảm động quan tây, xá tội cho tiên sinh; triều đình Hué cũng lập đàn chay thỉnh giải, siêu độ cho Barbé, lại lập đền thờ y, chẳng khác dân Bắc Hà lập miếu thờ Sấm Nghi Đống !

Ngôi đền ấy, triều đình Hué đặt tên là Khai Tường Khai ; Mở đầu. Tường; triệu chứng. Cứ thế, Tây dịch là Aurore des Présages. Nhưng chữ Hán Việt rất thâm trầm, Khai Tường hiểu theo nghĩa rộng là : Đây là triệu chứng hay, mở đầu một kỷ nguyên đấu tranh dành độc lập, khởi sự bằng việc chêm đầu Barbé Đại úy...

Chẳng hay nếu bài này lọt mắt Ông Phạm Đăng Lâm, đương kim đại sứ Việt Nam ở Phi Luật Tân, Phạm Quân sẽ nghĩ sao ? Có nên can thiệp, vận động, để chở tấm bia về Gò Công, đặt vào chỗ của nó, bên cạnh lăng phần cụ Phạm Đăng Huy, Ông ngoại Vua Tự Đức? Hay cứ để nguyên trạng một sự đã rồi, coi như một giai thoại bất ngờ và lý thú của sự gặp gỡ giữa Tây Phương và Đông Phương ?...



# NƯỚC VÀNG, CÂY HÁT, CHIM CA

\* THANH-VIỆT-THANH

**M**ỘT quốc vương Pháp băng hà, để lại ba người con đã lớn khôn; Hoàng tử Lô Uy, thế tử Lô Niên và công chúa Ma Ry. Cả ba hết lòng phụng dưỡng hoàng hậu, mẹ họ, luôn cả ngày đêm vì bà đang mắc phải một chứng bệnh nan y gần ngót ba năm trời. Từ những bậc danh y ở triều đình, đến các thần sư, dược sĩ trong cùng nước Pháp và cả ngoại quốc nữa, đều không thể nào chữa khỏi bệnh căn của Hoàng-hậu. Cuối cùng người ta đã phải nhờ đến pháp-sư, rồi phù-thủy... Nhưng tất cả đều bó tay.

Ngày kia, vào một chiều Giáng sinh, trong khi Hoàng-hậu đang chờ thần chết rước đi, thì bỗng có một người khách lạ đến xin yết kiến, rồi nói :

— Muôn tâu Hoàng-hậu, với bệnh căn của Hoàng-hậu hiện nay, chỉ còn có một phương cách chữa khỏi là làm sao tìm cho được ba báu vật ở vùng ma thuật Thanh-Phong. Đó là cây biết hát, chim biết ca và nước có chất vàng long lanh ở trong. Cây biết hát là một thứ cây kỳ lạ có lá cành mỗi khi va chạm vào nhau tạo thành một khúc nhạc êm tai huyền diệu; chim biết ca là một giống chim xanh đẹp đẽ, ngày đêm luôn kể

## NƯỚC VÀNG, CÂY HÁT

được chuyện thần tiên kỳ bí; nước vàng là thứ nước đặc biệt có thể trị khỏi được tất cả những chứng bệnh trầm trọng và làm dứt tuyệt hẳn những bùa chú thâm niên nhiều hại con người. Xin Hoàng hậu hãy mau cho người đi tìm ba báu vật ấy. Hoàng hậu sẽ dứt bệnh ngay khi có được « Nước vàng, cây hát, chim ca » trong tay. Nhưng cũng xin mách đề Hoàng hậu biết thêm rằng những vật ấy rất khó tìm thấy được nếu người lấy nó không kiên nhẫn...

Giữa khi nguồn hy vọng đã hồ như khô cạn, bỗng nghe được những lời tâu ấy của người khách lạ, bà Hoàng vô cùng vui sướng, liền truyền bảo cung nữ lấy bạc ban thưởng cho người khách.

Xong, bà gọi ngay những kỹ sĩ tài ba trong triều, bảo họ đi tìm cho bà ba báu vật kỳ lạ, sau bao ngày lặn lội kiếm tìm, đoàn kỹ mã trở về trong tuyệt vọng.

Thấy thế, Hoàng tử Lô-Uy bèn quỳ tâu xin đi một mình để tìm « Nước vàng, cây hát, chim

ca » cho mẹ. Chàng nói : « Ngày mai con sẽ đi. Nếu trong vòng ba tháng mà mẹ chưa thấy con về, thì xin mẹ cho người khác tiếp tục đi tìm ba vật báu ấy, vì con lúc đó chắc đã bị nạn rồi. Xin mẫu hậu nhớ lấy ! ».

Mờ sáng hôm sau, Hoàng tử Lô-Uy lên ngựa, một con ngựa hay và giỏi nhất của nhà vua để lại, mang theo khí giới và tiền bạc, nhắm hướng Thanh-Phong trong tưởng tượng, ra roi cho ngựa phi nhanh, nhanh mãi...

Ngày đi đêm nghỉ, tới chỗ nào Hoàng-tử Lô-Uy cũng để tâm dò hỏi đường trường đưa đến xứ ma quái Thanh-Phong. Nhưng nơi đâu, người ta cũng đều trả lời rằng : « Thừa, không biết ạ ! ».

Sau 8 ngày đêm, chàng lạc đến một vùng sa-mạc bao la, không cây cỏ, không lều trại, không nhà cửa, cái gì cũng không! Xa xa trước mặt, chỉ thấy có một tảng đá gập ghềnh chông chênh nhô lên nhau. Giữa khi chàng còn đang ngỡ ngàng chưa biết phải tiếp tục đi về hướng nào, thì



# NEUROTONIC

**BỔ ỨC**  
Lương cường trí nh

875 BVT 20-11-65



bồng có một giọng nói vắng vắng bên tai như mai mỉa chàng.

— « Tìm gì thế, hỡi Hoàng-tử Lô-Uy ? Ngài sẽ không còn trở về được nữa đâu ? Tìm gì thế ? Tìm gì thế ? Hà hà... »

Sợ hãi, Hoàng-tử Lô-Uy vội giục ngựa phi nhanh về hướng rừng đá trước mặt. Nhưng dù ngựa có chạy nhanh đến đâu, giọng nói bí mật ấy vẫn theo sát bên tai Hoàng-tử : « Tìm gì thế ? Tìm gì thế ? »

Đang chạy, bỗng chàng nghe phía sau có tiếng ngựa đuổi theo. Chàng quay đầu nhìn lại và bắt gặp một cụ già râu tóc bạc phơ như ông già Nô-ên. Chàng bạo dạn hỏi :

— Lão già kia, lão muốn làm gì tôi đây ?

— Ồ không đâu, Hoàng-tử a ! Lão muốn hỏi Hoàng-tử đi đâu vào trong bãi sa mạc này một cách vội-vã như thế ấy ?

Chàng đáp :

— Mẫu-hậu ta bệnh nặng. Ta muốn đến xứ Thanh-Phong tìm 3 báu vật về trị bệnh cho mẫu

hậu. Đó là : « cây biết hát, chim biết ca và nước có chất vàng ».

— Khá lắm ! Nhưng này, Hoàng-tử có biết rằng lòng hiếu kính của Hoàng-tử chỉ là một sự phiêu lưu tai hại không ? Kìa

Hoàng-tử hãy trông, những chòm đá trước mặt kia, khi trước nó chính là những kỳ sĩ cũng như ngài bây giờ, họ cũng vì đi tìm kho tàng quý báu ấy mà phải hóa đá, ngàn năm ở mãi nơi này đây ! Nhưng với Hoàng-tử, cảm lòng hiếu thảo của ngài, lão xin cố giúp và khuyên Hoàng-tử hãy nên nhớ những lời lão dặn : Khi Hoàng-tử đến gần những tảng đá kia nếu có ai gọi đúng tên, Hoàng-tử cũng đừng lên tiếng đáp. Dù có ai đánh đập, sỉ vả, nhử bót vào mặt. Hoàng-tử cũng đừng nên ngoảnh đầu lại, cứ thẳng đường mà giục ngựa đi. Cố chịu đựng qua khỏi rừng đá ấy thì hoàng-tử sẽ thành công. Kho tàng báu vật ủa ma thuật vô hình ở trong đó. Và « nước vàng, cây hát, chim ca » cũng đang chờ Hoàng-tử bên kia rừng đá ấy. Hoàng-tử hãy nhớ lời lão dặn.

Hoàng-tử Lô-Uy nghiêng mình cảm ơn cụ già rồi thúc ngựa phi mau. Chẳng mấy chốc, chàng đã đến gần rừng đá lồi lõm mà lão già đã chỉ. Một giọng nói bí mật bỗng vang lên :

— « Hoàng-tử Lô-Uy ! Hoàng-tử Lô-Uy ! Ngài đi đâu thế hở ? »

Chàng vẫn điềm nhiên thúc chân vào hông ngựa, phi qua. Giọng nói lại nổi lên, hẳn học hơn : « Hoàng-tử Lô-Uy ! Hoàng-tử Lô-Uy ! Ngài đi đâu thế hở ? »

Lần này, Hoàng-tử Lô-Uy bỗng thấy sợ hãi, mất bình tĩnh và giận dữ muốn quay đầu hét lên : « Tại sao lại dám chòng ghẹo ta thế ? Nhưng kịp nghĩ, Hoàng-tử cố dằn cơn giận, rồi tiếp tục đi. Và, cách đó không xa, Hoàng-tử lại bỗng nghe nhiều tiếng cười man rợ nổi lên, tiếp theo là tiếng la, tiếng chưởi rồi có những nắm tay đập mạnh vào mặt chàng, vào đầu chàng... Bấy giờ, không thể nào dẫn được nữa, Hoàng-tử Lô-Uy bỗng quên lời dặn của cụ già, chàng quay đầu lại phía sau, hẳn học hét to : « Quân khốn nạn !... »

Thế là, chỉ trong nháy mắt,

Hoàng-tử Lô-Uy và cả con ngựa nữa, bỗng hóa thành đá đứng sừng bên đường...

Ba tháng trời qua, Hoàng-hậu đợi chờ tin con trong tuyệt vọng. Bệnh bà càng ngày càng trầm trọng hơn... Không thể ngồi im nhìn mẹ quần quai trong đau đớn và chờ đợi tin anh mỗi ngày mỗi bất, thế-tử Lê-Niên bèn từ già mẹ, tạm biệt em, lên ngựa đi tìm anh và ba báu vật mà người khách lạ chiều Giáng-sinh kia đã bảo.

Sau nửa tháng trời rờn rã, cương ngựa rui dong, dặm đường mệt mỏi, thế-tử Lê-Niên lại đến đúng cánh đồng sa-mạc mà ngày trước Hoàng-tử Lô-Uy lâm nạn. Cũng như anh, thế-tử Lê-Niên lại nghe những giọng cười bí mật nói bên tai : « Làm gì thế ? Làm gì thế ? hỡi ngài thế-tử Lê-Niên ? »

Chàng im lặng đi qua khỏi và cũng gặp cụ già giống như cụ già Nô-ên nọ, cụ cũng dặn mấy lời như đã dặn Hoàng-tử Lô-Uy : « Xin ngài đừng quay đầu lại và

**Dũng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BY.I/DPDC

**Dũng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BY.I/DPDC

thốt ra câu gì khi đi qua ngang rặng đá ấy ».

Nhưng Lê-Niên cũng như Lô-Uy, vẫn không dần được cơn tức giận khi bị chưỡi rửa, bị sỉ vả và bị đánh đập, chàng đã quay đầu chưỡi trả lại tiếng chmacher, nên đã phải hóa đá như anh, nằm sóng sượt bên chân ngựa...

Ba tháng nữa trôi qua... Mọi mòn vì quá chờ đợi tin hai anh nên công chúa Ma Ry cũng muốn lên đường tìm báu vật. Nhưng Hoàng hậu đã ngăn, bảo rằng chỉ còn mỗi mình nàng, nếu nàng đi nhớ có bề gì, vương quốc sẽ không có ai trị vì khi bà tạ thế. Lòng hiếu thảo đã dâng lên tột độ trong lòng Ma Ry. Nàng không thể nào xóa bỏ ý định của mình. Cho nên, một sáng kia, nàng bèn lén mẹ, cải trang thành một dân quê rồi lên ngựa ra đi.

Ngày đi, đêm dừng lại nghỉ ngơi trong các lều hoang bên cạnh đường, lúc trong chường ngựa, khi trong vựa thóc... rờng rã như thế suốt 3 tuần, nàng mới tới được vùng sa mạc.

— « Làm gì thế ? Làm gì thế ? Hỡi cô công chúa kia, cô đi đâu thế ? Làm gì thế ? »

Lại những tiếng nói kỳ dị ấy vang lên cọt giều nàng. Và nàng cũng gặp « cụ già Nô Ên » như hai anh nàng đã gặp. Lão khuyên dặn nàng những điều mà lão đã bảo hai anh nàng. Nàng hứa giữ lời khuyên của lão, rồi thúc ngựa vượt qua rặng đá.

Nàng cũng nghe những tiếng chưỡi rửa của muôn ngàn kẻ vô hình chưỡi rửa nàng. Nàng cũng bị họ đánh đập, cũng bị họ ném đá vào người, vào mắt. Ma-Ry cố chịu đựng, kiên nhẫn đi lần, đi lần... Nhưng những hành động vô cùng kinh khiếp của những kẻ vô hình kia vẫn theo bám sát bên nàng. Cũng như hai anh, giòng máu con nhà vương-giả sôi bùng trong huyết quản nàng. Nàng muốn gào lên thật to để đáp lại sự ngạo mạn của họ : « Thật là hèn nhất ! Sao các người lại có thể trêu ghẹo và hà hiếp được một người gái yếu đuối như ta mà không biết hổ thẹn như vậy hử ? ». Song nàng

kịp nghĩ đến mẹ, đến bệnh tình của mẹ. Muốn cho mẹ được khỏi khổ đau, nàng dần dần dịu bớt cơn tức giận lại, cố gắng chịu đựng những điều sỉ nhục ấy và kiên nhẫn phi ngựa vượt qua, sắc mặt nàng không hề lộ một nét bực tức nào. Cuối cùng, nàng qua được rặng đá và nhìn thấy một cánh đồng bằng trước mặt...

Nàng theo đường mòn tiến sâu vào bìa một khu rừng. Tại đây, nàng bỗng gặp lại cụ già lúc này. Bằng một cử chỉ hết sức thân mật, lão già khẽ mỉm cười chỉ cho nàng báu vật :

— « Đây là suối nước vàng : con hãy múc nước đầy bầu đi ! Khi về ngang rặng đá mà con vừa vượt qua, con hãy nhỏ từng giọt một trên mỗi hòn đá, con sẽ thấy được những điều lạ vô cùng tốt đẹp. Đây là con chim xanh biết nói, con hãy bắt lấy nó để vào lồng. Đây là cây biết hát, con hãy chặt lấy một nhánh về trồng trong vườn thượng - uyên của Hoàng-hậu, rồi treo lồng chim lên đây... »

« Nói xong, cụ già bèn từ giã

Ma-Ry, đi thẳng vào khu rừng mất dạng.

Còn lại một mình, công-chúa Ma-Ry vội đeo bầu nước, tay xách lồng chim và nhánh cây vừa lấy được lên ngựa trở về.

Khi qua ngang rặng đá, nhớ lời cụ già dặn, nàng liền lấy bầu nước nhỏ từng giọt một lên những tảng đá. Kỳ diệu thay, những hòn đá kia lần lượt biến thành hình người : nào Kỵ - sĩ, Bá - tước, Hoàng-tử, tuấn-mã v.v...

Riêng Hoàng-tử Lô-Uy, thế tử Lê-Niên hết sức vui mừng khi được trở lại hình người và gặp được công-chúa Ma-Ry. Họ ôm chầm lấy nhau, vui mừng không kể xiết.

Trước khi họ lên đường về vương quốc, một Hoàng-tử đã được Ma-Ry cứu sống, ngờ ý muốn hỏi nàng làm vợ, nàng từ chối không nhận.

Nhờ 3 báu vật tìm được, Hoàng-hậu dứt khỏi bệnh. Những mâu thuẫn thân tiên kỳ thú mà con chim xanh biết nói đã kể, làm Hoàng-hậu vui tươi, ăn ngủ

 **midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/DPDC

 **midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BYT/DPDC

được, khỏe khoắn hơn. Những bản nhạc trầm buồn, êm dịu mà cảnh cây biết phát ra, làm Hoàng hậu êm tai, đắm mình trong giấc điệp. Và bầu nước vàng đã giúp cho sức khỏe bà càng cường tráng thêm mỗi ngày, qua vài giọt giải khát.

Từ khi bệnh Hoàng-hậu khỏi hẳn, danh tiếng hiếu thảo của nàng công chúa Ma-Ry lan đồn khắp xứ. Đâu đâu người ta cũng tán thưởng ca ngợi nàng.

Một năm sau, vào dịp Giáng-sinh, nàng gặp lại lão già ở vùng sa-mạc Thanh-Phong. Nàng chỉ muốn kết bạn với người đã đem lại cho mẹ nàng sự sống và cho hai anh nàng sự an toàn tánh mạng, mặc dù có rất nhiều Hoàng

tử các nước đến cầu hôn. Nàng yêu tha thiết cái nụ cười êm dịu và hiền lành của lão già vùng sa-mạc Thanh-Phong ấy. Thế rồi, do theo lời yêu cầu của nàng, hôn lễ được cử hành ngay sau ngày Chúa Giáng-Sinh. Nhưng kỳ lạ thay, sau khi hôn lễ vừa chấm dứt, tiếng chuông giáo đường còn ngân nga, cụ già kia bỗng biến thành một Hoàng-tử trẻ, rất trẻ và rất đẹp trai. Nàng Ma-Ry và cùng sung sướng, liền tưởng đến những ngày chung sống trăm năm với chàng sau này qua nóc giáo đường cao vòi vọi và bài hát "bằng an" còn dang kéo dài trong lòng nhà thờ Chúa...

(Kê theo « *L'arbre qui chante*  
*L'oiseau qui parle et L'Eau d'or* )



★ ĐI THEO NÓ

Một tên móc túi bị lính bắt và dẫn về bót. Ông cò kêu phạt hắn ta 300 đồng. Thầy lính nói:

— Thưa xếp! Nó không thể đóng tiền phạt nổi đâu! Tôi lục xét trong mình nó, chỉ có 20 đồng thôi.

Ông cò:

— Vậy anh cứ thả nó ra và phải đi theo nom chừng nó. Một hồi là hắn sẽ kiếm đủ để đóng tiền phạt.

CHUYỆN

CỜ TUỞNG

★ Đại Đức THÍCH THỐNG BỪ

ĐANG nghĩ để viết bài cho tác phẩm « An-Lạc », thì phòng bên cạnh có tiếng động mạnh, tiếng quyền sách dẫn lên bàn. Rồi bàn viết, bước sang phòng — Sư chú Chúc Hải đang chống tay vào trán trông có chiều suy nghĩ mông lung và giận dữ.

— Bí đề toán hay...

— Chúc-Hải cướp lời với về hẳn học — Dạ thầy nghĩ xem câu chuyện trong quyền Phi-Long có tức như ngựa đá không chú?

— Chuyện gì mà giận tức dữ vậy? Diệt trừ tham sân si là

câu nhật tụng của chú hằng ngày, thế mà chú không chịu áp dụng, gặp chuyện trong sách cứ chỉ của chú như vậy, giá như chú được gặp nhân vật ấy, thì chú hành động làm sao nữa?

Sân-si nghiệp chướng không  
chừa  
Bo bo mà giữ tương đưa ích  
gì?

Và tại sao chú không lo tu mà cứ ham đọc truyện; kinh luật không học, giáo lý không xem, ngày nào cũng cứ lo ôm mấy quyển truyện Tàu mà nghiên ngẫm, chú bắt chước một vài tờ báo lạc hậu, mà cứ lo đọc

truyện Tàu đề viết kiếm hiệp, thần thoại, phong tình, dành cho đây trang trong, đề giết chết các bộ não thiếu nhi!

Nét mặt như vừa mới đánh lộn xong, Chúc-Hải đứng dậy phân trần:

— Bạch thầy! con xin sám-hối, nhưng thầy cho con được phép thưa.

— Vâng chú cứ tự do trình bày và việc gì trong quyền sách ấy mà bực tức sân nộ hung lắm vậy.

— Dạ thưa thầy chuyện ham chơi cờ tướng!

— Chuyện ấy làm sao mà chú tức?

— Dạ ông Triệu-khuôn-Dẫn rủ tiên trưởng Trần-Đoàn đánh cờ cứ mỗi ván là ba chục lạng bạc, đánh được mấy ván tiên trưởng Trần-Đoàn ăn hết, Triệu-khuôn-Dẫn tham tiền nên cứ ngồi ráng đánh mắc nợ, hy vọng là gỡ gạc được đề có số tiền lặn lưng, và khỏi bị mất mặt, nhưng mãi đến ván thứ tư cũng thua nốt, đành hổ thẹn đứng dậy định chạy song bị tiên trưởng Trần-Đoàn dùng phép; Triệu-khuôn-Dẫn không sao thoát khỏi. Tiên trưởng Trần-

Đoàn bảo, nếu Ngài đánh hơn tôi thì đóng bạc kia về ai? Bây giờ Ngài thua — Ngài định chạy ư? Mình là bậc trượng-phu làm vậy khó coi lắm. Triệu-khuôn-Dẫn bị Trần-Đoàn sửa lưng, mắc cỡ cúi gằm đờ mặt. Tiên-trưởng Trần-Đoàn thăm nghĩ, tuy hình tướng của Triệu-khuôn-Dẫn hiện tại có vẻ hơi ngông, song hẳn có chơn mạng Đế-Vương, dù mình là bậc tiên đi nữa, nhưng còn phải ở trên đất của Vua. Nếu ngày kia hẳn có ra làm Vua thì hẳn có quyền triệu hồi mình về. Thuận theo thì bỏ tu luyện, bằng nghịch tức là mình chống lệnh Thiên-Tử. Chi bằng nhân cơ hội thuận tiện ngàn năm một thừa, mình hẳn ký tên nhường cụm núi này cho mình để mình an phận tu dưỡng thì tiện hơn.

Đoạn Trần-Đoàn bảo Triệu-khuôn-Dẫn, nếu không có tiền thì Ngài ký tên nhường cụm núi này cho tôi, Triệu-khuôn-Dẫn đang bị kẹt vào thế bí, nghe Trần-Đoàn tiên trưởng mở lời thì lòng mừng khắp khởi như người sắp chết đuối vớ được phao nổi, nên khỏi cần suy nghĩ, ngại ngần gì nữa. Tiên-trưởng Trần-Đoàn chỉ tẩn đá lớn. Triệu-

khuôn-Dẫn đến cầm viên sỏi viết văn tự bán núi cho Trần-Đoàn và tưởng là việc làm khôi hài, nào ngờ khi viết xong thì Trần-Đoàn hóa phép làm cho những nét chữ kia sâu đậm.

Quả nhiên lời tiên đoán của Trần-Đoàn không sai, về sau Triệu-khuôn-Dẫn lên ngôi Hoàng đế, gọi chiếu chỉ mời Trần-Đoàn về phò tá cho triều-đình.

Trần-Đoàn nhận thấy mình không thể nào hợp tác với Triệu-Khuôn-Dẫn được, vì có một vài điều bất đồng và nếu về hợp tác với Triệu-Khuôn-Dẫn, thì không còn rảnh giờ tu-luyện; chỉ bằng ta tìm kế từ khước là hay hơn cả.

Sứ thần về tâu lại thì Triệu-Khuôn-Dẫn vỗ long-án hét: Cái ông tiên già ấy dám cả gan chống lại lệnh Thiên-Tử; dù có Tiên Phật gì cũng mặc, chứ ở đất của Vua thì Vua có quyền. Nói xong Triệu-Khuôn-Dẫn sắc chỉ tờ thứ nhì: quở Trần-Đoàn về tội ở đất Quốc-gia, mà không nhớ ơn quốc-gia, chống trái lệnh Thiên-Tử, ghép tội khi quân và cho tập nã về triều.

Sứ thần đến ra mắt tiên trưởng Trần-Đoàn lần nữa, đồng thời thiết bàn hương án đề đọc chiếu chỉ. Khi đọc xong sứ-thần định ninh là Trần-Đoàn sẽ cúi đầu quy phục; nào ngờ tiên trưởng Trần-Đoàn dặt sứ-thần chỉ tảng đá có chữ ký và bút tích MÀI-SƠN của Triệu-Khuôn-Dẫn. Sứ-thần chưng hửng ra về tâu lại tự sự.

Triệu-Khuôn-Dẫn tưởng ra oai đề trả oán năm xưa, nào ngờ lại bị thêm một phen đau khổ. Ôi! tai hại thay, chỉ vì ham chơi giấy lát mà chuốc lấy biết bao phiền phức.

Bạch thầy con đọc chuyện xưa con liên tưởng chuyện bây giờ là con giận lắm.

— Chuyện bây giờ là chuyện gì?

— Dạ cũng vì ham chơi và ham lợi, ham danh, tính sai nước cờ mà mất nửa nước Việt-Nam.

— Chuyện nào đâu?

— Thầy hỏi thử con, chứ thầy biết hơn con mà!

— Việc gì thầy đâu có hiểu của chú.

*Đông* midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY  
1560/BYT/DPDC

## CHUYỆN CỜ TƯỚNG

— Thầy không nhớ hay sao chó?

Như chuyện bản đồ Việt-Nam thầy xem kia; Chúc-Hải đưa tay chỉ vào bản đồ treo trên tường, thầy thấy mất nửa hình chữ S thấy có đau khổ không chó. Thực dân Pháp đã tự động chia nửa lòng đất mẹ Việt-Nam cho kẻ khác. Kẻ khác lại quên cả Tổ tiên Ông Bà, quên cả Quốc-gia dân-tộc, quên cả gia đình và huyết thống, chỉ biết chạy theo lý tưởng cuồng vọng của cá nhân họ, đảng phái họ để cho muôn triệu người vô tội khổ đau. Càng nhắc thêm càng tủi nhục, lại buồn tức một số người si mê của quốc-gia chỉ biết lợi dưỡng riêng mình, quên cả Sơn-hà Xã tắc, không nghĩ đến kẻ khác; ngày tối cứ lo cờ tranh bạc, lợi với danh, tranh cao tranh thấp, đánh nhau xôi thịt để phi da cho riêng mình, làm hại cho dân-tộc, thật buồn tức quá thầy ôi!

Nghe Chúc-Hải phân trần kể ra cũng hơi có lý, nhưng nếu tán đồng theo thì là cây gươm

giết chú về mặt tâm linh, nên phải rầy chú:

— Chú đừng nói dong dài mà phải bị phạt quỳ hương. Tu thì lo tu, lo nghiên cứu giáo lý, khi học cao chứng hiểu đạo rồi chú mới thấy sự nhiệm mầu. Tất cả đều vô thường, những việc Chúc-Hải vừa kể tuy có phương hại đến dân-tộc nhưng cái gì nó cũng đi vào với nguyên lý THANH TRỤ DI DIỆT. Tiên trưởng Trần-Đoàn, thực dân Pháp hay những kẻ nào cũng vậy: họ có thể sống được ngàn năm tận hưởng hay không? Hay họ chỉ gây thảm sầu cho kẻ khác để rồi họ chuốc lấy sự sầu thảm; Thần thức đi về với hư vô còn xác thịt giả tạm kia, thì bị vùi sâu dưới năm tấc đất. Những việc chú kể chỉ có lý về Pháp thể gian mà thôi. Vậy nên tôi mong chú đừng nên chấp chặt, phải xem nó là phương tiện, chú phải tìm học Pháp cứu cánh: hướng về với niềm An-lạc để cho tâm hồn mình được giải thoát thì mới có thể độ cho kẻ khác được. Trên đời

## CHUYỆN CỜ TƯỚNG

này cái gì nó cũng có công thức và định lý cả; nếu kẻ nào đi ngược với định lý, kẻ ấy đều là ngu giả chứ không phải học hay trí giả. Hễ chấp hình tướng thì bị kẹt với hình tướng chấp tâm linh thì trở ngại cho tâm linh; không chấp không giữ, ấy là thường còn, vô ngại, tự tại học và tu chứng đạo giải thoát vậy.

Kể từ nay tôi mong chú đừng đọc những sách báo vô bổ, mà hại cho tinh thần. Đời mặc pháp

hãy gắng tu, nghiên ngẫm giáo lý hướng về với niềm An-Lạc để tìm con đường giải thoát.

— Dạ bạch thầy, Cũng nhờ quyền truyền Phi-Long và câu chuyện cờ tướng, mà con được nghe lời vàng ngọc hôm nay. Thật là một vinh dự cho con hoặc cho ai đang hay đã trong thực nghiệm và sẽ không bao giờ dám đi trên con đường thực nghiệm thiếu ánh sáng Chơn-như. \*●



### \* Y (dài) và I (ngắn)

Một « kí giả » ở tờ báo họ, tên là Nguyễn-ngu-Í, chủ trương bỏ chữ Y, thay bằng chữ I. Một hôm một độc-giả đến tòa soạn báo ấy, hỏi ông:

— Tại sao ông bỏ chữ Y, thay vào chữ I?

Nguyễn-ngu-Í cười:

— Vấn đề giản-dị-hóa chính-tả Việt-ngữ.

— Ông phải coi chừng! Nếu ông viết tên cô Thanh Thúy thành ra Thanh Thúi, và Thâm Thúy Hằng thành Thâm Thúi Hằng, mấy cô ấy sẽ đến oánh ông chết da!

Nguyễn-ngu-Í cười:

— Tên các cô thúi mà các cô dùng thúi thì thôi chớ « SAI-RỬ-LỬ ».

 **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm.*  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1.360/B.Y.T./D.P.D.C.



## nhận diện

Từng làn khói thuốc bay ra  
Từng hơi thở nhẹ đi qua hồn này  
Vũng buồn còn đọng trên mây  
Mắt xanh trũng xuống thảng ngày mòn hao  
Thân chưa vương mảnh chiến bào  
Hồn chưa sáng một vì sao trên trời  
Quê hương mình đó chơi vơi  
Nước non mình đó trọn đời di hoang  
Tay ôm kỷ niệm vỏ vàng  
Tuổi xanh hoa mộng thời tàn từ đây  
Chiều rơi trên mặt hao gầy  
Bao nhiêu trắng nước gió mây hững hờ  
Nhật từng ảo vọng vào mơ  
Trăng đêm thao thức đợi giờ ra đi

SAGAN-LIEN  
(Đà Nẵng)

mình  
ơ!...

TẠI SAO CÓ TỤC

**XÂM**

**M**

**I**

**N**

**H**

?



**O** NG Tú và Bà Tú đi trên bến Bạch Đằng, một buổi chiều thứ Bảy. Trông thấy mấy người ngoại quốc từ trong một tiệm ăn đi ra, mặc sơ mi cụt tay để lộ trên cánh tay trần của họ những nét xăm hình người đàn bà Mỹ, một cô geisha Nhật, một cái neo tàu... bà Tú khẽ hỏi ông Tú :

— Minh ơi, mấy người đó thích xăm những hình vẽ trên da thật dễ chi vậy, Minh ?

— Tùy theo sở thích riêng của mỗi người, ông Tú đáp. Anh chàng xăm hình người đàn bà Mỹ, có lẽ vì đó là vợ của anh, hoặc vị-hôn-thê của anh, mà anh ta muốn tỏ tình yêu nhớ trung thành trong lúc viễn chinh. Cô gái geisha ngồi trên cánh tay của anh chàng thứ hai chắc là chàng đã gặp gỡ trong một đêm ân ái ở Tokyo hay một hải cảng nào đó của Nhật Bản, và đã để lại cho chàng nhiều kỷ niệm mê ly mà chàng muốn khắc trên da-thịt để nhớ hoài nhớ mãi... Còn người thứ ba xăm một chiếc neo, để tỏ rằng anh chỉ yêu chiếc tàu của anh mà thôi !

— Xăm như thế chắc đau lắm Minh nhỉ ?

— Phần nhiều thích xăm là những người đàn ông giang-hồ, những trai tứ chiến, những người lính, những thủy thủ, những anh thuyền chài, những chàng phiêu lưu nơi chân trời góc bể... Da thịt của họ chắc rắn, xăm như thế họ có biết đau đớn gì đâu ! Có nhiều kẻ còn xăm cả hai cánh tay, hoặc hai ống chân, hoặc đầy cả lưng, cả cổ, khắp cả thân mình nữa em ơi !

— Em thấy những kẻ xăm mình phần nhiều là những kẻ vũ phu, những tên lưu manh, đầu trộm đuôi cướp, bọn du côn du kẻ, chớ sao người văn minh, có học thức, cũng xăm mình nhỉ ?

— Đó là một thành kiến chung, nhưng không hẳn là đúng. Thời Thượng cổ, người Ai-cập là một giống người văn minh nhất thế giới. Thế mà 3000 năm trước Jésus Christ họ đã có tục xăm mình rồi. Không những chỉ những kẻ bình dân, những anh thuyền chài trên sông Nil, mà đến cả các người quý tộc cũng xăm mình. Cũng thời Thượng cổ, người Hy-Lạp, người La-Mã, người Chaldéens, người Samraritains, đều biết thuật xăm mình. Cho đến cả giống người Hébreux, đồng hương của Chúa Jésus Christ, cũng thích xăm mình. Ở Tây-phương người nước

## MINH OI !

Anh trước kia đã có tiếng là chuyên môn xăm mình. Khi quân La Mã sang chiếm nước Anh, bắt về hàng nghìn tù binh mà phần đông đều ở trần, Hàng đế Jules César hỏi tại sao họ không mặc quần áo thì họ trả lời là để phô bày những hình xăm đẹp đẽ trên da thịt của họ !

Có một chuyện gián điệp lý thú và hi hữu, mà nhà sử học La mã Hérodote (484-420 trước J.C.) có chép lại. Thành phố Suse có gởi qua Aristagoras ở Milet một kẻ nô lệ với lời căn dặn là khi đến nơi phải cạo trọc đầu ngay. Không ngờ khi Aristagoras bảo cạo trọc đầu kẻ nô lệ thì thấy lộ trên da đầu gùá nó một giòng chữ xăm bằng màu đỏ thục giục Aristagoras phải lập tức nổi loạn chống lại quân xâm lăng Ba Tư, và Suse sẽ kéo viện binh đến giúp !

Mấy người đầu tiên ở Tây phương theo đạo Thiên Chúa cũng thường xăm mình với những hình tượng trưng đề thờ Chúa Trời Cái tục đó đến ngày nay cũng hãy còn : nhiều người sùng đạo ở Espagne, Italie, Pháp, Anh, Đức, v.v... đi hành hương ở Thánh địa Jérusalem, thường thuê người ở đây xăm trên ngực họ một giòng chữ ghi ngày tháng hành hương của họ và hình Thánh giá Những người Ả Rập chuyên môn làm nghề xăm ở Jérusalem,



*Một thành công về nghệ thuật xăm của người Nhật : hể nhúc-nhích cái lưng thì hình người xăm trên cũng linh-dộng !*

gọi là « NAWAR ».

— Họ làm cách nào xăm được như thế, Minh nhỉ ?

— Bằng nhiều cách. Hoặc dùng lưỡi dao thật bén, rạch trên da theo hình đã vẽ sẵn trên da, hễ máu chảy đến đâu họ chùi sạch đến đấy, rồi khi thấm khô máu, họ bôi lên đường rạch đó một lớp màu bằng lọ nghe hoặc bằng Chocolat bột, hay một màu khác. Cũng có người xâm bằng mũi ghim, mũi tre nhọn, hoặc mề sành, mề chai, v.v... Hiện nay, xâm mình có nghệ thuật nhất, là người Nhật, công phu và tỉ mỉ nhất là người Miến Điện.

Năm 1870, tại Hội Chợ Quốc tế ở Paris, công chúng và các nhà bác học rất chú ý đến một người lạ nhất trên thế giới, gọi là « Người xâm mình của Miến Điện » tên thật của anh ta là **Georgias**, chính là người quê xứ **Albanie**, cao lớn, đẹp trai, điệu bộ phong nhã, và nói được nhiều thứ tiếng, nụ cười rất có duyên. Anh ta ở trường, chỉ mặc một slip, để trình bày cho công chúng ngắm nghía thân hình của anh được xăm bằng những hình xanh và đỏ, kín hết từ đầu đến chân, không hở một chỗ. Trông thân hình của anh, tưởng đâu anh quần một thứ lụa rục rỏ mỹ miều của Miến Điện, chứ không biết là anh trần truồng !

— Anh ta xâm những hình gì mà kín hết thân thể được như vậy, hả Minh ?

— Hình những con chim phượng hoàng, những người đàn bà khỏa thân cô gái Nhật mặc Kimono, cô gái Ấn độ mặc Sari, cô gái Tàu mặc quần và bó chân, cô gái

« Sống tự do hoặc chết »

Phi châu đề hở vú, và những con cá sấu, con rồng, con beo, con voi, con chim, con bướm, chiếc thuyền, ngọn núi, cây cau, cây dừa v.v... cộng tất cả 383 hình vẽ rất mỹ thuật, tượng trưng các nhân vật, phong cảnh Âu, Á, Mỹ, Úc. Phi, kín cả thân mình nở nang, lực lưỡng của anh từ đỉnh trán, mặt, tai, cổ, lưng, ngực, bụng xuống tận bàn chân, chỉ chừa móng tay, móng chân thôi. Theo lời **Georgias** kể chuyện, thì anh là 1 sinh viên thích đi phiêu lưu đây đó, qua đến Miến Điện rồi gặp chiến tranh giữa quân sĩ Miến và Ấn Độ. Anh bị quân Miến bắt, nghi anh là gián điệp. Họ bắt giam anh trong trại binh, và nơi đây anh gặp một người tù Miến Điện, chuyên về nghề xâm mình. Anh nhờ người bạn đồng lao đó xâm khắp thân thể anh để kỷ niệm cuộc phiêu lưu hồ hải của anh suốt bao nhiêu năm tháng. Viên chỉ huy quân đội Miến thấy anh vô tội, sau khi giam anh 10 ngày trả tự do cho anh, nhưng anh xin tình nguyện ở tù thêm 20 ngày nữa để xâm cho kín hết thân thể, rồi anh ra đi, chỉ đóng cái khố nhỏ, không cần mặc áo quần !

— Chuyện cũng buồn cười đấy nhỉ !

— Chuyện có thật chứ không phải bịa đặt đâu nhé ! Chúng có là ai không tin thì cứ tìm quyền tài liệu đây đủ về cuộc Hội chợ Quốc-Tế ở Paris năm 1870 thì rõ. Và, buồn cười hơn nữa, là sau cuộc Hội chợ ấy, có một số người Anh thích nghề xâm mình, về đua nhau mở ngay tại các khu phố sang trọng ở **London** những phòng xâm, được các giới bình dân cũng như quý phái hoan nghênh. Khách hàng đến xâm đông ra phéch ! Nhưng họ chỉ xâm những hình thanh nhã, và một vài cái trên cánh tay hay trên ngực mà thôi. Nhiều quý tộc phu nhân cũng thuê họ xâm trên cánh tay nón nà một cánh hoa hồng nhỏ nhỏ, một cái lư hoa *pensée* (Hoa tương tự), hoặc con chim bồ câu... Có mấy bà Công chúa trong Hoàng gia Anh cũng không bỏ qua cái « mốt » ấy.

— Hiện giờ cái « mốt » ấy còn không ? Nữ Hoàng Elizabeth II và Công chúa Margaret có xâm mình không ?

Ông Tú cười :

— Phong trào xâm mình ở Anh quốc chỉ thịnh hành từ năm 1870



đến 1890, kéo dài đến năm 1895. Qua đầu thế kỷ XX, còn số ít người ham chuộng, khách hàng thưa thớt, các « mỹ viện » đặc biệt ấy đành phải đóng cửa. Nhưng, ai cũng biết rằng Anh hoàng **Edouard VII** (1901-1919) đã xâm mình từ hồi còn là Thái tử, và hiện nay quân công **Philippe d'Edimbourg** chồng của nữ hoàng **Elisabeth II**, cũng bắt chước xâm hình một chiếc chiến hạm trên cánh tay trái của ông!

— Ở Pháp, có phong trào xâm mình không?

— Có từ thời **Cách mạng 1789** kia. Nhất là từ mấy hôm trước ngày Vua **Louis XVI** lên đoạn đầu đài, một vài sĩ quan trẻ tuổi và hăng hái theo cách mạng, muốn phô trương tư tưởng cộng hòa đang được thịnh hành, thuê người xâm trên cánh tay 3 chữ « **Mort au roi** » (Xử tử Vua) bằng 3 màu cờ cách mạng: Xanh, trắng, đỏ. Trong số những sĩ quan này có Thiếu tá **Bernadotte**... Nhưng sau đó ba chục năm, dưới

thời Hoàng đế **Napoléon Ier**, **Bernadotte** được Napoléon nâng lên chức Thống chế, và tốt phước được lên làm vua xứ **Suède** (Thụy Điển). (1818-1844) **Bernadotte** chính là chồng của **Désirée Clary**; vị hôn thê đầu tiên của Napoléon. Nhưng từ khi lên ngai vàng **Suède**, Vua **Bernadotte** không sợ gì hơn là sợ dân chúng thấy cánh tay trái của Ngài, vì 3 câu xâm: « **Xử tử vua** » của thời cách mạng Pháp hãy còn y nguyên trên cánh tay, chừa rủa cách gì cũng không phai mờ đi được!

Bà Tú cười sặc sụa:

— Câu chuyện lý thú quá. Mình há!

— Hiện nay, Vua đang trị vì trên ngai vàng xứ **Danemark**, (Đan Mạch), là **Frédéric IX**, (1947-...) không cần giấu giếm cánh tay trái của ông, như vua **Bernadotte**, mặc dầu trên cánh tay ấy ông có xâm một con **Rồng Vàng** và ở phía dưới là một cái neo tàu để kỷ niệm thời kỳ ông còn là một sĩ quan của Hải quân Đan Mạch.

Như em thấy đó, với một ông Vua cũng như với một chàng tướng cướp, sự xâm mình vẫn thịnh hành, chứng tỏ rằng loài người vẫn thích xâm mình từ Thượng cổ cho đến Kỷ nguyên hạt nhân và hỏa tiễn. Có khác là ngày nay cũng còn nhiều giống người dã man, như ở các cù lao **Úc châu**, **Indonésia**, hoặc ở các rừng rú Phi châu **Nam Mỹ**, những đàn chậm tiến ấy còn giữ tục xâm mình, xâm mặt, với những hình vẽ quái gở, kinh tởm, vì mê tín dị đoan. Hoặc để tránh xa ma quỷ, hung thần ở rừng núi thâm u, hoặc để khỏi các bệnh tật mà họ không có thuốc để trị.

Nhưng, trái lại, ở các dân tộc văn minh, sự xâm mình chỉ là một lối biểu dương tích cực nhất và rõ rệt nhất những tình cảm hoặc ý chí, quan niệm của riêng mình đối với đời sống cá nhân hay xã



Vua **Frédéric IX** của **Danemark** hiện nay, thích tắm biển, và phổ bày con **Rồng Vàng** và chiếc neo xâm trên cánh tay trái của Ngài

trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

**Đường midol**  
1360/BYT/DPDL

hội. Những người xăm mình hầu hết là những người có đôi chút bản lĩnh về một phương diện nào đó, ái tình, tôn giáo, chính trị, đạo đức, văn hóa, v.v..

Như ở Miến Điện, người đàn ông chứng tỏ tình yêu trung thành với vợ bằng một hình tam giác màu son xăm nơi giữa đôi mắt, hoặc trên môi. Người đàn bà Ấn Độ lại thích xăm một chấm tròn

màu đỏ cũng nơi giữa đôi mắt để tỏ rằng mình đã có người yêu, hoặc một chấm đen khi mình nguyện trung thành vĩnh viễn với người yêu đã mất.

Người đàn ông Âu Mỹ thích

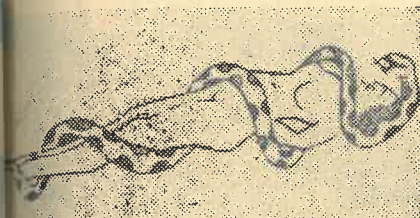
*Nghệ thuật xăm mình của người Nhật*



xăm nơi lưng hình một người Da đỏ cắm lông chim trên đầu ngụ ý : **« Sống tự do hoặc chết »**

Những kẻ đã bị ở tù được trả tự do, thường xăm hình mặt trời mọc sau một bức tường.

Những người đàn ông thường bị đàn bà phản bội, oán ghét phụ nữ, lại ưa xăm trên cánh tay hoặc trên ngực, hình một con rắn quấn một thiếu phụ lỏa thân, v.v..



— Mình ơi, ở Việt Nam em không thấy đàn bà xăm mình, không biết ở các nước khác thì sao ?

— Ở Nhật, ở Ấn Độ, ở các nước Âu Mỹ, đàn bà cũng có một số thích cái « mốt » đó. Như ở Pháp, bà *Youki Desnos*, vợ góa của cố Thi sĩ Robert Desnos, có nhờ Họa sĩ Nhật trú danh ở Paris, *Foujita*, xăm trên bắp đùi của bà hình một con *Sirène*, mình người đuôi cá, để tưởng nhớ luôn luôn đến người chồng thi sĩ rất

yêu quý của Bà. Các nhà Văn nghệ sĩ Pháp và ngoại quốc, ai muốn xem, bà sẵn sàng vén váy lên cho mà xem !

Bà Tú đập khế tay vào vai ông Tú và cười như nắc nẻ :



*Bà Youki Desnos*

— Chuyện thiệt thế, hả Minh ?  
Thương nhớ chồng thì xăm trên ngực, trên bụng, chớ ai lại xăm trên bắp đùi !

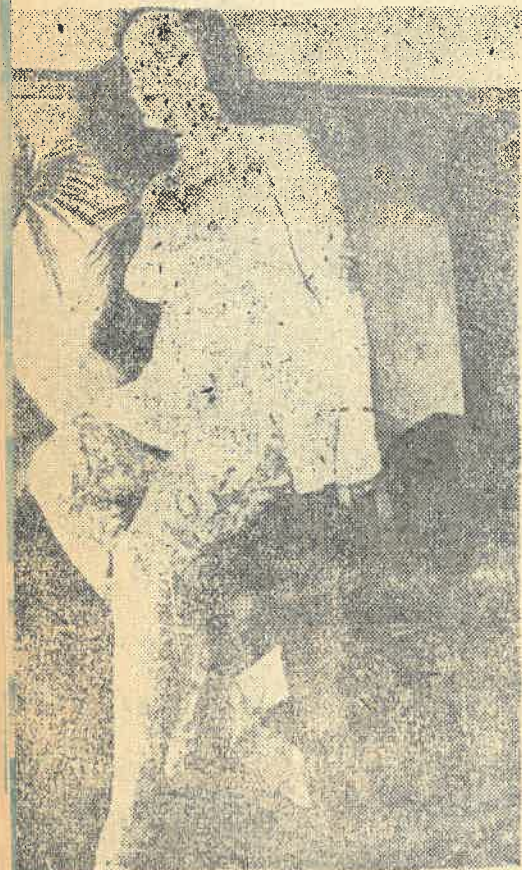
— Hầu hết những phụ nữ xăm mình đều muốn tượng trưng tình yêu trên da thịt, với những hình

*Một nữ tài tử của một gánh xiếc Mỹ: toàn thân đều xăm, như gấm, như hoa...*

trái tim bị mũi tên đâm xuyên qua, hoặc hai chữ cái của tên mình và tên người yêu ôm ấp vào nhau, hoặc cành hoa, hoặc hai con chim én, v.v...

Nhưng thường tình yêu của các bà các cô không bền, cho nên

*Và đây, Richardo, người xâm trừ danh nhất ở thế giới hiện đại, vừa mới chết hời năm ngoái. Toàn thân xăm kín hết chỉ chừa tai, mắt, mũi, miệng*



các hình yêu đương xâm trên da thịt cũng bị sửa đổi hoài. Giáo sư Parent-Duchâtelet ở Đại Học đường Paris, nghiên cứu về khoa tâm lý của các cô vũ nữ, có viết trong một tạp chí rằng ông thấy trên cánh tay ngà ngọc của một cô vũ nữ đẹp danh tiếng ở Paris, có 18 lần tên của những người yêu cũ của cô bị xóa đi và xâm lại bằng phương pháp khoa học của một Mỹ-viện tối tân.

— 18 tên ! Dữ hôn !

— Anh chưa nói cho em biết rằng cô Vũ nữ ấy mới có 24 mùa Xuân trên mái tóc thôi nhé !

Ông Tú tùm tùm cười quay lại hỏi đùa bà Tú :

— Chừng anh chết, em sẽ xâm mình như vợ của Thi sĩ Robert Desnos không ?

Bà Tú nguýt ông Tú một cái :

— Xí ! Bộ mình tưởng em cũng như con mẹ diên đó sao ?... Hình ảnh mình và tên của mình, em đã xâm trong trái tim của em rồi chớ bộ !

Và để cảm ơn ông Tú đã cho biết khá nhiều về câu chuyện xâm mình, bà Tú tặng ông Tú một nụ cười « hấp dẫn, rùng rợn, mê ly... »

★ ĐIỀU-HUYỀN



★ TUẦN TRĂNG MẶT

Ông nọ gặp một người bạn tại nhà ga xe lửa. Ông ta hỏi :

— Anh đi đâu vậy ?

Người bạn đáp :

— Tôi đi tuần trăng mặt ở Nha-Trang vừa về đây.

— Thế sao đi có một mình, chị nhà đâu ?

— Vợ tôi nó nói đã biết Nha Trang rồi. Vì thế tôi đi một mình, vì tôi chưa biết cảnh Nha Trang !



## Ai! ..

Đời u buồn như mưa chiều hạ  
Tình sử này tan vỡ chưa em?  
Ký ức mòn theo ngày tháng cũ  
Ai lau khô giòng lệ vương rèm?

Hồn xót xa theo lời thệ nguyện  
Công viên thành nghĩa trang tơ duyên  
Niềm tin yêu mang đầy nước mắt  
Chiêm ngưỡng xưa để giấc mơ hiền

Em có mơ màu xanh liêu trai?  
Đề niềm đau phủ kín vai gầy  
Nụ cười buồn dâng hương huyền ảo  
Ai nhớ ai.., và ai đọa đày?...

Đề tìm hoài vàng son tuổi ngọc  
Khi tuổi đời đầy chết đau thương  
Em có còn đam mê hiện hữu?  
Khi rơi vào vực thẳm yêu đương

Tôi xây đời bằng hồn thi nhân  
Niềm nhớ nhung ướp mộng thiên thần  
Hương tiếc thương đi vào diên cố  
Ôi mơ hoa chợt đến bao lần!

Ai sầu tình bên trời thu ca?  
Ai thăm khấn giòng lệ chan hòa?  
Ai tủi hờn đi hoang ngoài phố?  
Ai đi tìm giấc ngủ Nam Kha?

● YÊN-BĂNG

★ TÀN-PHONG



10 NĂM SỐNG CHUNG...

PICASSO  
và  
FRANÇOISE GILOT

**M**ỘT « best seller », sách bán chạy nhất, ở Mỹ trong năm nay là quyển « *Sống với Picasso* ». Tác giả là **Françoise Gilot** đã sống chung trong 10 năm với nhà họa sĩ trứ danh. Quyển sách đó cũng vừa được xuất bản ở Pháp.

Françoise Gilot là một cô gái yêu tài nghệ của Picasso. Cô còn trẻ tuổi hơn Picasso nhiều. Nay cô kể lại tất cả những gì cô biết về Picasso trong thời gian 10 năm cô sống chung với ông ở Vallauris, như vợ chồng. Theo những tài liệu sống động, vô cùng hấp dẫn ấy, chúng tôi xin trích ra vài đoạn lý thú nhất, đề bạn đọc *Phở Thông* thấy cuộc sống thực tế của một nghệ sĩ độc đáo của thời đại được rất đông người khâm phục mà cũng bị rất nhiều người công kích, chê bai... Dưới đây là lời của Françoise Gilot:

● **Món quà của nhà văn Mỹ HEMINGWAY tặng PICASSO**

Thời kỳ nước Pháp vừa được quân đội Đồng Minh giải phóng, Hemingway có tham dự vào đoàn quân Mỹ đầu tiên rầm rộ kéo về Paris. Lúc bấy giờ Pablo Picasso ẩn trú tại nhà người mẹ của bà

gác công Maya, còn Maya thì vẫn ở giữ nhà cho Picasso, đường Grands Augustins, trong lúc Picasso không có ở đây. Mặc dầu trong thời chiến tranh Maya thường thấy các bạn quen của Picasso, hoặc các người khâm phục họa sĩ, mỗi lần đến thăm ông trong lúc ông vắng nhà, đều có gởi lại bà một món quà để biếu họa sĩ. Đã nhiều lần, những người bạn Nam Mỹ đem đến biếu ông những đồ hộp, bơ, sữa, trái cây, lúc bấy giờ ở Paris rất hiếm. Thường thường Picasso chia cho bà gác công Maya một phần các thực phẩm quý giá ấy. Bà mừng lắm.

Hôm Hemingway lần đầu tiên tìm đến nhà Picasso. Maya bảo Picasso đi vắng, nhà văn hào Mỹ hỏi bà:

— Tôi có thể viết mấy chữ thăm Picasso nhờ chị trao lại ông ấy, được không?

Bà gác công liền hỏi:

— Vậy chớ ông không có món quà gì gởi lại để biếu ông Picasso sao?

Hemingway trả lời:

— Ồ, quà hả?... Ờ nhỉ, thú thật với chị rằng tôi không có nghĩ đến vụ đó, nhưng cũng là một ý kiến hay...

Hemingway liền chạy ra chiếc xe Jeep của ông đậu ngay trước công. Ông bưng vào một thùng

**PICASSO**

lưu đạn, đặt trong phòng bà gác công, và lấy bút ghi trên mặt thùng: « *Pour Picasso, de la part d'Hemingway* » (Ặng Picasso, do Hemingway).

Bà gác công Maya mừng rỡ, tưởng đâu là một thùng đồ hộp của Mỹ, nhưng sau khi người khách đi rồi, bà đọc kỹ lại những chữ in trên bốn mặt thùng, dẫn « *cần thận!* » « *mở cẩn thận!* » « *lưu đạn* » và những con dấu của quân đội Mỹ, bà hồi hoàng chạy ra ngoài đường..., báo với Quân Cảnh.

Một lúc sau, xe nhà binh đến chỗ thùng lưu đạn đi, bà gác công mới dám trở về nhà!

Không ngờ món quà khôi hài của nhà Văn hào Hemingway tặng Picasso làm quảng cáo mạnh nhất cho Họa sĩ đối với các binh lính Đồng-minh đang vào đóng ở Paris. Trong những tuần lễ giải phóng thủ đô Pháp, binh sĩ Mỹ kéo nhau đến viếng phòng họa của Picasso đông nghẹt. Nhiều chàng vừa ở mặt trận về, cũng cố đến thăm Picasso để biết mặt ông nhưng họ còn mệt quá, nằm lăn ra ngủ đại trên nền nhà.

Những người khách khác đến thăm và ngắm các bức họa của Picasso, phải bước ngang qua

minh họ, chứ không còn lối đi. Có lần tôi đếm tất cả hai chục người lính Mỹ nằm ngủ say sưa rải rác trong gian phòng. Mỗi lúc đầu, thì phần đông họ là những văn nghệ sĩ, trí thức đủ hạng, rồi sau là những khách du lịch từ khắp nơi đến.

Thành thử, dần dần Picasso không những chỉ là một đại họa sĩ, mà còn trở thành ra một nhân vật của thời sự. Tôi nhớ một hôm tôi đạp xe máy qua công viên Clu-chy và ngừng lại trước một nhà-dù bán báo. Tôi vừa ngược mắt lên thì thấy Picasso nhìn tôi trên bia một tạp chí, như *Match*, hay *Life*, con chim bồ câu cụng của ông đậu trên đầu ông. Tôi nhận chân ngay rằng Picasso là một nhân vật công cộng. Nhưng, đối với tôi, đó là một bề ngoài che đậy con người thật của ông, con người nguyên vẹn, của ông và không thể nào ai hiểu nổi. Khi tôi thấy bức ảnh của ông với con chim bồ câu kia, con chim mau rợ mà ngoài ông ra không ai có thể rờ tay vào được, và nó bay đi nếu có người nào khác đến gần, điều đó hình như là đề mời thế giới tham dự vào cái gì đáng lẽ phải được giữ bí mật. Nghĩ như thế



Trên bãi biển, Picasso đùa nghịch che dù cho Françoise GILLOT để cho nhiếp ảnh viên Mỹ Robert Capra chụp hình...

## PICASSO

trong một phút tôi thấy chóng mặt. Bỗng dưng tôi hiểu Picasso được công hiến cho công chúng như thế nào.

### ● Con sóc trong bức vẽ của Braque.

Picasso mỉm cười, nói với tôi :

— Hồi đó, chiều nào tôi cũng đến thăm Braque (1) nơi phòng vẽ của hắn, hoặc là hắn đến tôi. Hai đứa tôi đã quyết định phải thảo luận với nhau về công việc đã làm xong trong ngày. Bức tranh nào mà hai đứa đều hoàn toàn tấn thành mới được coi là bức tranh đã hoàn thành. Tôi nhớ một buổi chiều Braque đang vẽ một *nature morte* to lớn, hình bầu dục, với một gói thuốc hút, một ống điếu và vài cái chậu theo kiểu *cubisme*. Tôi nhìn bức họa, bước lui vài bước để ngắm kỹ rõ bảo :

— Này, bồ ơi! Tởn lắm! Tôi thấy trong bức họa của bồ có một con sóc.

Braque trả lời tôi :

— Vô lý.

— Vô lý thật, nhưng mà, tao ói thật cho mày biết : tao thấy một con sóc. Bức tranh lùa này không thanh để cho người xem

một ảo tượng về thị giác. Bởi vì người xem tranh cần phải nhận thấy rõ rệt một vật gì, bỏ muốn người ta thấy một gói thuốc hút, một ống điếu và vài vật khác cần thiết. Nhưng tui lạy bồ, bồ phải rút con sóc đó đi !

Braque bước lui vài bước, ngắm kỹ bức tranh lùa và cũng nhìn thấy có con sóc. Bởi vì cái lối nhìn đó thường hay bị lầy. Thế rồi suốt mấy ngày liền tiếp, Braque sửa đi sửa lại mãi bức vẽ để làm sao cho đừng lộ ra hình con sóc nữa. Hắn đổi các nét vẽ, đổi màu sắc, đổi cả khung cảnh, nhưng làm gì thì làm, con sóc vẫn trở lại hoài.

Cuối cùng, sau tám hay mười ngày vẽ đi vẽ lại bức tranh, Braque đã xóa được ảo tượng và bức vẽ đã trở thành lại một gói thuốc hút, một ống điếu, một bộ bài cào, và nhất là một bức tranh *cubiste*.

Hồi đó, những họa phẩm của chúng tôi giống như một nơi thí nghiệm để nghiên cứu, và không hề có tham vọng, hay tự cao cá nhân.

(Còn nữa)

(1) Một họa sĩ trừu tượng, bạn thân của Picasso.

## ● THANH MINH

Tên Tân-Phong của tôi ký trong tạp chí Phổ Thông đã 8 năm nay, không hề ký trong báo nào khác. Vậy nếu có ai ký "Tân Phong" trong báo khác, đó không phải là Tân Phong của Phổ Thông. Lời phân minh này để trả lời một số bạn đọc đã viết thư hỏi tòa soạn

# HOÀNG THỊ LỘC HÀ

\* NGỌC-HÂN

**T**UẤN bước chân ra khỏi nhà trọ với một câu nói trong lòng: ngày hôm nay hoàn toàn của Hà. Và hôm nay tức là 24-12, ngày áp sinh nhật Chúa cứu thế.

Đã chín giờ rồi mà vẫn còn gầy gầy lạnh, thời tiết mùa sinh nhật có khác. Tuấn kéo cao cổ áo, thong thả bước theo lớp người xuôi ngược vỉa hè. Chàng đến một hàng hoa đường Nguyễn Huệ, cẩn thận chọn từng cành hoa « lay-ơn » trắng muốt. Nàng niu ôm bó hoa vào lòng, chàng đưa mắt tìm một chiếc taxi. Nhìn thiên hạ tấp nập trên đường phố với đôi mắt bình thần, Tuấn đi dọc theo lề đường, đến cuối đường rồi mà chàng vẫn chưa tìm được một chiếc xe trống nào. Chàng vẫn thản nhiên ôm bó hoa đi miết. Nhiều cô gái đi qua mặt Tuấn, thấy chàng trong dáng điệu này khẽ bấm nhau cười khúc khích. Tuấn vẫn không chú ý và vẫn với về mặt bình thần, chàng nhắm hướng ngoại ô đô thành dẫn bước. « Thiên hạ nhìn tôi dữ quá, Hà có thấy không? Chắc họ cho là tôi mang hoa đến nhà một cô gái nào và trồng cây si ở đó. Nhưng mặc kệ họ chứ. Làm sao họ biết được là tôi đến với Hà. Có thể tôi trồng cây si... » Tuấn cau mày, cố xóa nhòa ý tưởng tiếp nối. Đầu chàng cúi thấp hơn và thoáng trong một giây, về mặt bình thần của Tuấn được nét buồn man mác.

## HOÀNG THỊ LỘC HÀ

Năm ngày lễ, thiên hạ quá nhiều kẻ xô dịch, cho nên Tuấn cố đi bộ lặn, và đến khi chàng tới đích vẫn chẳng vấy được một chiếc xích lô hay taxi nào cả. Nơi Tuấn đến là một khu đất u tịch, mạn Tân sơn nhút. Những ngọn dương cao vút, từng chập lại từng chập reo lên những tiếng vi vu làm cho khu đất này được thêm vẻ yên tĩnh thanh thoát. Tuấn đã bắt đầu rẽ vào lối mòn, giữa hai hàng dương. Có một vài người đàn bà đi ngược lại phía chàng, trong bộ tang phục, đầu họ cúi thấp. Bỗng nhiên Tuấn thấy lòng mình nôn nao một cách khác thường, và chàng bước nhanh hơn.

« Khu thứ ba, mộ số 12 » Tuấn lầm bầm, chàng sáng mắt lên khi trông thấy một dãy mộ trắng toát những thập tự giá. Tuấn đến bàn ngôi mộ thứ mười hai, khép bằng đá mài, màu đá trắng gợn mấy nét gân xanh đối với Tuấn sao đáng yêu lạ. Chàng khẽ cúi người xuống, đặt bó lay-ơn trước đầu mộ. Mấy tia nắng xuyên qua cành lá dương chiếu thẳng xuống mộ chỉ làm cho mấy chữ khắc trên đó ánh lên một màu vàng lấp lánh: « Nơi đây an giấc nghìn thu, Sœur Gabrielle Hoàng thị Lộc Hà. 16-6-1960. »

Tuấn yên lặng một khắc, nét mặt chàng bỗng trở nên mơ màng. « Tôi đến thăm Hà đây, chắc Hà vui lòng, không khe khắt với tôi như hồi đó nữa, phải không Hà, phải không ma sœur Gabrielle? Ma Sœur có nghe lời tôi nói đó không? Suốt một năm mới có một ngày này, tôi dành trọn cho Ma Sœur đó. Tôi sẽ đi lễ khuya đêm nay để nghĩ đến ma sœur, để nghĩ đến Hà. Mai mai Hà vẫn còn trong lòng tôi, cho nên tôi sẽ cầu cho Hà được bình an trong ơn Mẹ lòng trinh, trong ơn Chúa hài đồng ».

Những cành lá dương đong đưa theo từng cơn gió nhẹ làm mấy chiếc bóng nắng lung linh trên vai áo Tuấn. Chàng đưa

midol

trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm.  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

13A0/BY1/DPDC

mất tìm một gốc cây gần mộ Lộc-Hà nứt, và chăm chăm bước về phía đó. Tuấn móc trong túi ra một tấm nylon được xếp nhàu và một quyển sách. Thỉnh thoảng Tuấn ngước nhìn về phía chàng viếng, với đôi mắt trĩu mếu. Nói là đọc sách, chứ thật ra chàng chỉ mở sách cho có chừng vậy thôi, đã bảo hôm nay chàng dành trọn cho người dưới mộ kia mà. Tuấn lấy thuốc ra châm hút từng hơi khói òa là bay lên và lan rộng ra. Tuấn chép miệng: « linh hồn Hà có giống như vậy không nhỉ? » Chàng ngả mình dựa vào thân cây, gió hiu hiu hoảng qua mặt khiến Tuấn thấy chịu hơn lúc nào hết.

Đã ba, bốn năm rồi, từ ngày người nữ tu trẻ đẹp ấy mất, nhiều việc đã thay đổi, nhưng vết thương hằn sâu trong lòng Tuấn vẫn chưa được xóa mờ. Chàng vẫn sống cô độc với đồng lương giáo sư trung học ở một tỉnh lẻ, và mỗi năm cứ vào ngày này chàng lại xin đi phép về quê đến đây, đến đây sống với hình bóng của Lộc-Hà, của sœur Gabrielle.

Bốn năm về trước, Tuấn là một sinh viên sư phạm ban văn chương, sắp ra trường. Chàng sống nhờ sự bảo bọc của một người bà mà chàng ít khi được gặp mặt. Theo lời bà di của Tuấn thì chàng mồ côi từ thuở mới lọt lòng, cha mẹ chàng mất trong lúc chiến tranh, chàng cũng không còn một người bà con nào ngoài bà cả. Qua khỏi thời thơ ấu, lúc suy nghĩ đến với trí óc của chàng, Tuấn đã khổ tâm nhiều với tờ giấy khai sinh chỉ mang tên họ người mẹ đỡ đầu, tức là bà di ấy. Nhiều lần gạn hỏi bà về cha mẹ của mình, Tuấn đều nhận được một câu trả lời không hơn không kém, với vẻ mặt buồn bực đến lạnh lùng của mẹ nuôi: « chết hết rồi thì biết tên tuổi mà làm gì ». Tuấn buồn

âm thầm cho số phận coi cút của mình. Có một điều là chàng sống rất đầy đủ về vật chất. Bà mẹ nuôi không hề để Tuấn thiếu thốn một thứ gì. Suốt mấy năm ở trong trường nhà dòng, bà lo cho chàng thật chu tất từ tiền ăn học cho đến tiền sách vở. Quanh năm suốt tháng, sống trong sự chăm lo, săn sóc của các cha, Tuấn nhiều khi thấy thêm tình thương của một người đàn bà, một người mẹ. Hồi Tuấn học năm thứ hai, có lần chàng đã phát khóc lên khi thấy các bạn được cha mẹ đến đón về

ăn Tết. Tuấn ngồi bất động trên băng ghế đá trong sân trường, nhìn lũ bạn lần lượt tháo thân nhân ra cổng. Lần ấy Tuấn đã khóc nức nở trên vai cha François. Những lời an ủi vỗ về của vị tu sĩ cũng không làm Tuấn hết buồn được. Và chàng đã ở trong trường như vậy suốt liên tiếp bao nhiêu năm; chờ tới khi hết chương trình ban Trung học. Cũng theo ý các cha, Tuấn nộp đơn xin thi vào đại học Sư phạm và chàng đã đỗ được hạng sáu trong số hơn trăm thí sinh.

Sự thành công trong việc học cũng đã an ủi Tuấn được phần nào với cảnh sống thiếu thốn quá nhiều tình thương. Chàng biên thư xin với bà di cho chàng được trợ học nốt chương trình sư phạm, và bà đã vui vẻ chấp thuận lời xin của Tuấn.



**Midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/B.Y.T./D.P.D.C.



① Là một thanh niên tuổi hai mươi, nhưng Tuấn sống thật trầm lặng. Có lẽ đó là do ảnh hưởng của sự cô độc trong suốt quãng đời niên thiếu. Chàng không theo Công giáo nhưng đã quen với nếp sống trong trường, mỗi chúa nhật Tuấn đều đi xem lễ rất siêng năng, và Tuấn đã tìm được sự thoải mái cho tâm hồn mỗi khi ngẩng nhìn tên tượng đức mẹ đồng trinh.

Đầu niên học thứ ba, chàng đã gặp và yêu một thiếu nữ. Nàng rất dịu dàng, khả ái. Tên nàng là Lệ Thu. Đối với Lệ Thu, không những Tuấn đã yêu nàng say đắm, chàng còn dồn tất cả tình thương vào nàng, bởi vì ngoài mấy cha dạy chàng học, Tuấn thực không có một người nào để mà thương mà mến. Bà dì của chàng ở Biao, thỉnh thoảng họa hoằn lắm mới xuống thăm chàng rồi lại đi ngay, và lúc nào cũng với vẻ mặc nghiêm nghị lạnh lùng. Thực tình mà nói, Tuấn không sao trừu mến được người đàn bà ấy, dù chàng gọi bà ta bằng dì và được bà cấp dưỡng.

Tuấn yêu Lệ Thu vô cùng, ngược lại người con gái này cũng trao cho chàng một tấm chân tình. Gia đình Lệ Thu là một gia đình hay còn chịu nhiều ảnh hưởng của những tục lệ cũ. Ba má nàng rất bằng lòng Tuấn, nhưng ông bà bảo với con gái là đề dờ xét lại gia đình Tuấn rồi sẽ quyết định. Được biết dì chàng ở Biao, mẹ Lệ Thu đi ngay lên đó. Sau lần viếng thăm ấy, Lệ Thu tìm gặp Tuấn và khóc với chàng rất nhiều.

— Má không bằng lòng cuộc tình duyên của chúng ta.

Tuấn đã sững sốt trước câu nói của người yêu.

— Tại sao vậy Thu? Có gì làm mẹ em quyết định một cách khắt khe như thế?

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BY.T/DRDC.

— Không, anh sẽ tìm người, anh sẽ van xin người và sẽ thề trước mặt người là đem hạnh phúc đến cho em.

Trước vẻ đau khổ đến bực dọc của Tuấn, Lệ Thu vẫn im lặng, nước mắt vẫn chảy dài trên má.

Tuấn lay vai người yêu hỏi dồn dập:

— Thu, sao không nói gì hết vậy? Em nghĩ sao? Em có biết là không em, đời anh sẽ ra sao không?

Rồi chàng thấp giọng:

— Anh cô độc lắm, anh chỉ có mình em để thương yêu thôi Thu ạ. Tại sao gia đình em lại cố tình chia rẽ chúng mình?

Tuấn như không còn tự chủ được, chàng hét lên:

— Anh sẽ tìm gặp ba em, má em. Các người vẫn mến anh lắm kia mà. Cả em nữa, em cũng đã yêu anh nhiều lắm mà. Lệ Thu đau khổ lắc đầu, nàng nói trong tiếng nức nở nghẹn ngào:

— Không, vô ích lắm Tuấn ạ. Anh vẫn biết gia đình em mà. Bà nội và cả ba má em đều rất nệ cổ và các người đã nói là không thể gả em cho một đứa con hoang.

Tuấn bàng hoàng buông người yêu ra, chàng không ngờ sự thật lại phũ phàng như vậy. Chàng nhìn Thu trừng trừng, nhưng không trông thấy gì cả. Thấy Tuấn trong dáng điệu đó, Lệ Thu cuống quýt, nàng hấp tấp bảo:

— Tuấn ơi, em van anh. Em phải nói thực vì em không muốn anh gặp ba má. Chừng đó lại bề bàng cho anh hơn. Mẹ em đã dọa hỏi kỹ càng và người biết rõ cả lai lịch anh...

— Thôi đừng nói nữa — Tuấn nói như hét — đi đi. Trời ơi, con hoang, con hoang!

Vậy là chàng mất Lệ Thu. Hai tháng sau nàng lấy chồng.

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BY.T/DRDC.

Chồng nàng là một viên sĩ quan. Tuấn âm thầm khóc cho số kiếp không may của mình. Từ đó, chàng buồn rầu, bỏ cả học hành. Chàng có ý định đi Blao gặp bà dì để hỏi cặn kẽ về nguồn gốc của mình, vì thực ra chính chàng, chàng cũng không biết rõ về mình nữa. Dù sao ba tiếng « đứa con hoang » thốt ra từ cửa miệng của Lệ Thu cũng làm chàng chua xót không ít. Chàng mất người yêu một cách hết sức cay đắng. Bỗng một hôm, chàng được điện tín của bà dì bảo về Blao gấp có chuyện cần. Về đến nhà bà dì, ngôi nhà Tuấn đã sống hồi còn bé tí xíu, không đủ gọi ở lòng Tuấn một sự vui tươi nào. Chàng thật ngạc nhiên khi tới nơi, không hề chàng kịp vào nhà, bà dì đã dắt tay đưa Tuấn ra cổng lên xe đi Đà Lạt.

— Con đừng hỏi gì cả, rồi con sẽ hiểu hết mọi việc. Và Tuấn thấy nhiều lần bà rơm rớm nước mắt. Vì kính trọng bà dì, người thân duy nhất của chàng, Tuấn đành im lặng.

Tới Đà Lạt, nơi hai dì cháu đến là một biệt thự xây cất trên một ngọn đồi. Vào cổng, Tuấn trông thấy người ra kẻ vào, ai nấy đều giữ một vẻ âu lo trên gương mặt. Chàng lại ngạc nhiên xiết bao khi thấy một người đàn ông đứng tuổi bước ra mỉm cười với mình, và chia tay ra bắt :

— Cậu Tuấn đây hả ?

Tuấn chỉ cúi đầu lí nhí mấy tiếng không rõ rệt.

Người đàn ông bỗng nhiên như buồn bã bảo tiếp :

— Cậu vào trong đi, mẹ đang chờ đấy.

Tuấn sững sốt, đang bước chàng bỗng đứng lại nhìn bà dì với đôi mắt ngạc nhiên. Không hề cho chàng kịp suy nghĩ thêm, bà dì kéo tay Tuấn đi thẳng vào trong. Bao nhiêu ý nghĩ lộn xộn trong đầu khiến Tuấn không buồn chú ý đến lối bày biện sang

**Điung**

**midol**

1350/BYT/DRDC

tri các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

trong phòng nhà. Vào phòng trong, chàng thấy trên chiếc giường Hồng Kông khám xà cừ, một người đàn bà — không, một xác người thì đúng hơn — gương mặt xanh xao, đang nằm thiu thiu thiếp. Tuấn bỗng có cái cảm giác nôn nao, như chàng vừa tìm thấy một vật gì thân yêu đã đánh mất từ lâu lắm. Chân chàng lộ như chôn chặt xuống sàn nhà. Bỗng người đàn bà chớp mắt và từ từ mở ra, lúc trông thấy bà dì và Tuấn, bà phều phào quơ hơi thở mệt nhọc :

— Con, Tuấn.

Tiếng bà dì bảo Tuấn :

— Tới với mẹ con đi, Tuấn.

Tuấn bước đến như một cái máy trong khi đôi dòng lệ lăn dài trên má người ốm.

— Tha lỗi cho mẹ đã bỏ con, nghe Tuấn.

— Mẹ của con, mẹ của con đây sao ? Tuấn nghe như có gì chặn ở cổ và chàng nghẹn ngào không nói thêm được lời nào. Tại sao mẹ lại bỏ rơi con cho tới bây giờ, mẹ có biết là con thiếu thốn tình thương đến bực nào không ?

Người đàn ông ban nãy đã vào phòng và đứng cạnh bên giường bệnh. Mẹ Tuấn quay sang ông :

— Mình, tha lỗi... cho tôi.

— Mình đừng nói vậy, tôi sẽ xem Tuấn như con tôi, con của chúng ta.

Nụ cười héo hắt nở trên môi mẹ Tuấn, bà lại đưa mắt nhìn về bà dì :

— Cảm ơn chị, Bích Ngọc, em giao Tuấn cho chị đi. Bà dì chỉ nắm tay người ốm và rưng rưng nước mắt chứ không nói gì.

Chợt mẹ Tuấn nức lên, và đôi mắt bà bỗng nhắm xuôi xuống. Người đàn ông cúi xuống cống quít lay gọi :

— Mình ! Mình !

Bà dì Tuấn gục đầu nức nở. Riêng chàng, chàng lặng người

đi. Chao ơi, giây phút hội ngộ giữa mẹ con chàng là thế đó ư? Hai mươi mấy năm trời, kể từ ngày lọt lòng, giờ mới gặp được người đã cứu mạng mình, nhưng đồng thời cũng đề chứng kiến giờ phút lìa đời của bà. Có gì chua xót, uất nghẹn dâng lên trong ông. Tuấn thấy đôi mắt mình ráo hoảnh và chàng vụt bước nhanh ra khỏi phòng như đề trốn chạy sự thực phũ-phàng đó, mặc tiếng kêu sáng sủa của người cha dượng và bà dì.

— Tuấn, Tuấn!

— Tuấn, đi đâu vậy?

Đạt buổi chiều mờ sương, Tuấn đi lang thang trong cảnh mờ sương đó. Không biết Tuấn đã khóc hay những giọt sương làm ướt đầm mặt chàng.

Buổi sáng, đưa mẹ chàng ra phần mộ, Tuấn được bà dì kể cho nghe chuyện của chàng. Thì ra Tuấn là kết quả sự lầm lạc của mẹ Tuấn. Người đàn ông phỉnh phờ bà tạo ra chàng đã chẳng may gặp tai nạn xe hơi, chết mất xác. Bà giao Tuấn lại cho người bạn thân là Bích Ngọc tức bà dì hiện giờ nuôi hộ, để làm lại cuộc đời với người đàn ông mà Tuấn đã gặp. Bao năm qua, bí mật của đời mình, bà vẫn giữ kín với ông chồng. Cho tới khi biết mình không thể sống được, bà đã thú thật xin gặp con. Đau đớn thay, gặp con chưa thỏa tình mẫu tử, bà đã vội theo gót tử thần đi về bên kia thế giới. Vậy là Tuấn không còn một ai cật ruột trên cõi đời này nữa. Chưa bao giờ chàng nghe sự cô độc xâu xé tâm hồn mình như sáng hôm ấy. Bà dì mà chàng đinh ninh có cùng một huyết thống với chàng cũng chỉ là người xa lạ. Tuấn âm thầm bỏ đi, đi để xóa mờ những bóng hình phũ phàng đau thương, mặc dù dì Bích Ngọc hết sức lo lắng săn sóc cho cháu.

Tuấn tìm chỗ dạy tự, sống nhàn nhã cái đau đớn tận tâm hồn đó.

Tuấn bị khủng hoảng tinh thần một cách trầm trọng. Hai chuyện liên tiếp xảy ra gây nhiều đau khổ cho Tuấn; mất Lệ Thu, Tuấn đã coi như mình mất hết một nửa linh hồn, giờ lại hiểu rõ lai lịch mình, Tuấn như chỉ sống bằng cái xác. Và chiều hôm ấy, người

ta chờ Tuấn đến bệnh viện, chàng mê man suốt một đêm, lúc tỉnh dậy, cái mà chàng thấy đầu tiên là đôi mắt của bà Gabrielle; đôi mắt to tròn dịu dàng ấy đã sáng lên vẻ mừng rỡ khi trông thấy Tuấn cứu mình.

— Tôi là sœur Gabrielle, ông cần gì xin cứ bảo, tôi sẽ giúp ông.

— Cám ơn ma sœur. Sao tôi lại phải nằm đây?

— Ông bị mệt suốt mười mấy tiếng đồng hồ, bác sĩ dạy ông phải tĩnh dưỡng một thời gian.

Tuấn nghĩ ngay đến sự sống của chàng hiện tại, tiền nong đâu để chàng nằm dưỡng bệnh như thế này. Tuấn quên mất người nữ tu trẻ đẹp đang đứng bên giường, chàng ngồi bật dậy:

— Không, không thể nằm mãi như vậy được.

Tuấn chới vói trong câu nói và lại ngã vật xuống.

Bà phước Gabrielle hốt hoảng lay gọi:

— Ông Tuấn, sao vậy?

— Ô, xin lỗi ma sœur, không sao hết. Tôi chỉ hơi văng đầu một chút thôi.

— Ông dùng một chút sữa nhé.

Người nữ tu nhẹ nhàng quay ra. Tuấn nghe rõ tiếng sột soạt của xâu chuỗi chạm nhau bên áo bà. Lát sau bà trở lại với cốc sữa trên tay.

Thế là Tuấn đành cầu cứu với dì Bích Ngọc để được nằm tĩnh dưỡng. Người chàng xanh xao, đôi mắt thâm quầng mệt nhọc. Tuấn vướng phải chứng đau tim trầm trọng. Chàng có thể chết bất kỳ lúc nào. Những ngày trong bệnh viện mới buồn tẻ làm sao nếu không có bà Gabrielle. Tuấn đã quen thuộc với bóng dáng bà. Một đôi khi, Tuấn lại cố tình làm sai đi công việc hàng ngày để được bà Gabrielle nhắc nhở:

— Ông Tuấn, mặc áo ấm đi chứ.

— Ô, sao lại không nghĩ trưa cho chóng khỏe, ông Tuấn?

— Thôi, ngủ đi nhé, đưa sách cho tôi. Thế này thì mai khỏe làm sao được.

Hình như có một cái gì thay đổi trong cõi lòng Tuấn. Cái linh hồn đau đớn của chàng như được xoa dịu đi phần nào. Đôi con mắt dịu dàng của bà phước Gabrielle hơn một lần làm Tuấn xao động tâm thần.

Và một hôm, Tuấn bỗng bàng hoàng nhận ra rằng chàng cần sự có mặt của soeur Gabrielle như cần hơi thở, như cần tình yêu của Lê Thu dạo nào. Khởi u tình ấy chắc chắn sẽ cho Tuấn nhiều đau khổ, biết vậy mà chàng vẫn lao mình vào.

Hơn một tháng nằm bệnh viện, đáng đắp dịu dàng của người nữ tu sĩ trẻ đẹp ấy đã quyện vào tâm hồn chàng. Hỡi ôi, chàng đành chỉ ngâm thâm hai câu thơ :

*« Lòng ta chôn một khởi tình  
Tình trong giây phút mà thành thiên thu »*

Soeur Gabrielle ! Soeur Gabrielle ! phải chăng, trời chỉ dành cho chàng những mối tình tuyệt vọng.

Một buổi chiều, trên băng ghế đá trong sân bệnh viện, Tuấn đang úp mặt vào lòng bàn tay, chàng cảm giác như có người đang nhìn mình, Tuấn ngẩng lên, bà Gabrielle đang đứng trong couloir nhìn ra phía chàng với đôi mắt — ô đôi mắt mới sâu thẳm làm sao. Tự nhiên Tuấn như thấy mắt bà có ngăn lệ, dù chỗ bà ngồi cách xa nơi bà đang đứng. Chàng đứng dậy thì bà đã quay lưng bước đi. Đáng đi hấp tấp vội vàng như trốn chạy. Tuấn khờ thờ dài, chàng trở vào phòng và lầm bầm :

— Hôm nay bà ấy không nhắc mình mặc áo len.

Vào phòng, chàng đưa mắt nhìn lên bàn, bình thủy nước sôi và chai nước lọc đầy đã được đề ngay ngắn tự bao giờ. Bỗng Tuấn bàng hoàng nhìn cuốn carnet mở ra có dẫn cây Bic mà ban nãy chàng quên gấp lại. Tuấn tiến nhanh lại, đọc lại mấy dòng chữ chàng đã ghi.

« Minh thật hoàn toàn cô độc trên đời này.

Soeur Gabrielle — tình tuyệt vọng, nhưng mỗi ngày chỉ xin được nhìn thấy nàng một lần thôi, mình cũng thấy được an ủi, thấy lòng ấm áp ».

Tuấn thẩn thờ cầm quyển carnet gấp lại, chàng thở dài :  
— Vậy là mình phải đi rồi, mình phải xa... nơi đây rồi.

Tuấn ngồi xuống, và tự nhiên trong một phút chàng trở về đơn ấy gục đầu lên bàn, nước mắt rung rung.

Sáng hôm sau, trời hãy còn sớm, Tuấn đã nghe lao xao ngoài couloir, chàng nhìn ra thì thấy mấy người lao công đứng lẫn với mấy bệnh nhân, đang nói chuyện vui vẻ với một nữ tu sĩ, nhưng người đó không phải là soeur Gabrielle.

— Trước mẹ soeur làm ở trại nào ạ ? — tiếng mấy người trẻ títt hỏi chuyện.

— À, tôi ở bên khu ngoại khoa.

— Sao, Soeur Gabrielle không trông ở bên này nữa vậy ?  
Ma soeur ?

— Soeur Gabrielle tới tháng cấm phòng.

Trong này, Tuấn bỗng buột miệng :

— Không, không phải vậy !

Chàng vẫn nhớ rõ, soeur Gabrielle bảo còn hai tháng nữa mới đến lượt bà cấm phòng.

Tuấn xin giấy rời bệnh viện và chàng cố chôn xuống đáy lòng khởi tuyệt tình kia.

Chàng làm việc thật nhiều, học ráo riết để thi ra trường, đồng thời cũng dễ quên đi mối hận lòng.

Ba tháng sau, đang đi ngoài đường, một bàn tay nắm lấy vai chàng một cách thân mật. Tuấn giật mình quay lại, người đàn ông tươi cười :

— Ông có nhớ tôi không ?

— Nhớ chứ — Tuấn đáp — ông nằm bệnh viện, kể phòng tôi ấy mà.

— À, bà Soeur Gabrielle tìm ông đấy. Hôm đó bà có hỏi tôi nhưng ai biết ông ở đâu mà kiếm.

Tuấn bỗng thấy hồi hộp. Từ già « người bạn nhà thương », Tuấn thuê xe đến ngay bệnh viện. Cảnh cũ làm chàng thấy nao nao trong lòng. Bóng dáng mấy cô y tá đi đi lại lại gợi trong lòng Tuấn một hình bóng quen thuộc. Chàng vào gặp soeur Catherine.

Tuấn bàng hoàng nghe soeur kể giọng người nữ tu xúc động hẳn đi.

— Lạy Chúa, đây là ý muốn cuối cùng của người đã chết, Con tin rằng Chúa rộng lượng.

Và bà quay qua Tuấn :

— Suốt những giờ phút hấp hối, Hà luôn nhắc đến ông, nàng cầu mong ông sớm tìm thấy niềm tin yêu trong cuộc đời.

Ngừng một giây, bà tiếp :

— Hà muốn ông hiểu nàng, dấu sao thì nàng cũng đã tự xem mình có tội với đấng thiêng liêng mà nàng thờ phượng. Ông hãy cầu nguyện cho Hà.

Và bà Catherine trao cho Tuấn một cuốn thánh kinh có tên của soeur Gabrielle, Hoàng thị Lộc Hà.

Tuấn lật vô trong, ở trang đầu có giòng chữ :

« Xin Chúa luôn ban phúc lành cho người mà con hằng cầu xin nơi ngài ».

Ôm quyển kinh trong tay, Tuấn tìm tới mộ người chàng đã yêu trong tuyệt vọng.

« Bây giờ Hà đã nằm yên dưới đó rồi. Trước kia, chiếc áo dòng của Hà đã ngăn cách chúng ta, giờ đây lớp đất này, nắm mồ này sẽ chia cắt chúng ta mãi mãi Hà ơi »

Và từ đó, Tuấn không hề ý đến một người con gái nào cả. Chàng sống cô độc, năm năm chàng lặn lội tìm về thăm mộ người yêu, người yêu của một mối tình tuyệt vọng. Chàng năm đọc sách bên mộ người nữ tu sĩ suốt một ngày 24-12. tối lại, chàng một mình đi lễ nhà thờ, mừng Chúa giáng sinh, nghĩ đến Lộc Hà trong tiếng chuông ngân nga lúc nửa khuya, đề rồi hôm sau chàng lại trở về tỉnh lý tiếp tục cuộc đời dạy học.

Không biết bao giờ, Tuấn mới tìm thấy mùa Xuân trong cuộc đời.

Hoàng hôn xuống dần, làm sẫm mấy ngôi mộ. Tuấn đứng lên gấp sách lại « Tôi đi lễ đây Hà » và chàng nhìn thật lâu lần cuối cùng và tấm mộ bia, mấy chữ : nơi đây yên giấc người thu Soeur Gabrielle, Hoàng thị Lộc Hà, phản chiếu ánh nắng quái chiều hôm lấp lánh.

Tuấn lăm lăm bước ra công nghĩa trang.

# trí thức

trí ngữ — sĩ phu sĩ phiến

\* Hiên-Vi

Chủ nhiệm. . . nhãi con

**B** ẦY giờ thì hẳn đang vắt vẻo ngồi ghé chủ nhiệm, chủ nhiệm một tờ báo văn học mới hách chữ Hẳn chủ nhiệm thật khác hẳn hẳn... quảng cáo viên ngày xưa.

Ngày xưa, hồi tôi còn phụ trách một tờ nguyệt san, hẳn vẫn tách cặp đến gần xếp chỗ quảng cáo để ăn huê hồng. Qua một vài lần, hẳn đưa tôi một vở kịch, nhờ đăng. Kịch rất hay. Hẳn bảo chính hẳn là tác giả.

Sau đó, hẳn đưa tôi một bài thơ, nhờ đăng. Thơ rất... dở. Tôi chê, hẳn lại đưa ra một vở kịch nữa. Kịch rất hay !

Thế rồi, hẳn cứ đưa thơ, tôi lại chê, hẳn lại đưa kịch, tôi lại đăng. Kịch hay, thơ dở, thơ dở, kịch hay, đánh đời hoài !

Có điều, ngồi nói chuyện với hẳn, thì tôi đã biết chắc rằng hẳn không tài nào viết nổi những vở kịch kia. Bởi vì lời lẽ của hẳn đã tỏ ra hẳn chỉ có được bao nhiêu độ hiểu biết như thơ của hẳn. Thơ rằng :

## TRÍ THỨC, TRÍ NGỘ

Tôi học trong lòng mẹ  
Lên mười 1939 - 1945  
Hai mươi 1954  
Con tàu di cư

Đại loại, thơ của hân « trí thức » như vậy.

Nhưng tôi vẫn thắc mắc không hiểu hân đã đào sâu ra những vẻ kịch kia ?

Đúng cái, hân là chủ nhiệm, chủ nhiệm một tờ báo văn học nói hách chứ ! Tuy vậy, cái sự hân là chủ nhiệm vẫn chưa làm tôi ngạc nhiên bằng bấy giờ tôi đã biết ai là tác giả của những vở kịch kia, kẻ đứng tên với hân chức thư ký tòa soạn.

Hỏi ra mới biết : Nhà viết kịch đó, thuở sinh viên cần tiền hơn cần danh, cho nên đã cho hân mượn... bút hiệu để hân được lấy lệ thì mới chịu khó cất công đi bán bài họ.

Tôi trộm nghĩ, tự cô chí kim, sinh như mới chỉ xảy ra những sự đạo văn, mạo danh, chứ chưa từng có ai đi vay bút hiệu bao giờ. Phải thế không hở các cụ ?

Tuy vậy, tôi lại trộm nghĩ một

lần nữa, hân vay bút hiệu cũng được, hân nhẩy từ chức quản cáo viên lên chức chủ nhiệm, như một cái « bond » nào đó, cũng được. Bởi vì trong mỗi người Việt Nam đều có sẵn một ông chủ nhiệm !

Nhưng cái mà tôi thấy hân khâm nhất là hân cứ định ninh mành trí thức từ thuở còn ở bụi tre đồng ốc cơ chứ lý ! Sao lạ vậy ?

Thưa rằng, như đã thưa rồi, hân là chủ nhiệm một tờ báo văn học, hân mua bài của những bác sĩ, luật sư, học giả, và những nhà văn, nhà thơ ketch xù, cho nên hân cũng yên trí mình trí thức đờ đờ con nòng nọc đi rồi !

Cứ cho là cũng được đi. Nhưng khôn nổi hân lại tưởng nhầm bị mất trí thức, cũng phải làm làm lừ lừ như chó ăn vụng bột. Bởi vậy, ai chẳng buồn nôn vì một thằng i-tò-rit mà vào ra cái điều ta đây.

### Cụ cụ ách

Anh ta cũng cười ruồi, nghĩ ghế chủ nhiệm. Trước khi anh ta

## TRÍ THỨC, TRÍ NGỘ

đi lính Tây, đóng quan ách, thì anh ta đã làm đến chức « xếp ti bô ». Anh ta đang đóng quan ách, quan ách nhà bếp, thì bỗng mây gặp hội. Quân đội viễn chinh Pháp « sờ ne coong nô rô voa » đất nước này, lúc giao thời, nhờ mấy cái danh sách ma, rằng những kẻ đã chết rồi mà vẫn xách gà mèn lãnh khấu phần như thường khiến cho anh ta được hốt bạc các!

Ôm mớ bạc các về đất « Tây Cống », anh ta phao tin ta đây trúng độc đắc, và tậu nhà in, và xin treo... soong chảo từ quan... ách.

Thế là anh ta trở thành ông giám đốc một nhà xuất bản. Được lắm chứ ! Ai nói gì đâu !

Nhưng cái « bựa » của anh ta là « phú quý sinh lễ nghĩa », xin ra báo, lại một thứ báo văn mấy veo, đứng tên chủ nhiệm, và mượn một thằng ăn cháo đá bát làm thư ký tòa soạn !

Nó, cho đến cuối thời kỳ dân ta « đầu dao bài » với bộ ba Diệm Nhu Xuân, thì người ta vẫn thấy nó vác « tác phẩm » với một « sứ

mạng văn nghệ » ... ăn cắp, đi đến các Bộ của nhà Ngô, đề xia mua giúp.

Nhà Ngô vừa đỡ, nhân tiện đang làm thư ký tòa soạn cho « cụ cụ ách » nó bèn « phịa » lên giấy tùm lum lên rằng bà con ơi tôi sĩ phu, tôi cách mạng từ khuya rồi !

Cũng được. Nhưng chẳng thấy ai lật con rây ăn cắp của nó ra, nó được đà, chửi tuốt luốt !

Tôi muốn nó nhớ lại một cái sự đời này : « Sứ mạng văn nghệ » của nó chỉ là một thứ học đòi theo một cuốn sách Tây, nhưng học đòi không xong, đành phải nhờ thầy giáo của nó chữa lại hết, từng chữ, từng dấu phẩy một.

Nếu nó còn cái xóa, không chịu thật nút cái mồm lại, tôi sẽ khui... hồ sơ... thâu cày của nó ra cho đòi thêm « nực » chơi !

Tiền đây, tôi xin có đôi lời nhắn gửi ông thầy giáo Pháp văn kia, từ nay, xin đừng làm hồng học trò như vậy nữa ! Bởi vì, hậu quả nhơn tiền đây, nó đang thao

 **midol** 1360/BYT/DPDC  
trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CƠ BẢN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

 **midol** 1360/BYT/DPDC  
trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CƠ BẢN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

túng trước mắt ông chủ nhiệm...  
gật l

**Cụ Giáo già học thiệt**

Té ra, đất nước này lắm « sĩ »  
thật! Có một sĩ « sĩ », thì y như  
răng lại trí thức đầy mình rồi! Chỉ  
vì xú ta có... núi Châu Thới, có  
sưởi Lồ Ô...

Như một cụ giáo già, một nhà  
« học thiệt » có lần, trong báo  
« Sanh hoạt » đặc san của  
TTHL/ACL, trại « Nhân Trí  
Dũng », khoá 12, ở trang 11  
« ngài » đã luận về giới trí thức  
rằng :

Cõ nhân nói : « Sơn bất tạt  
cao, hữu Tiên tặc danh. Thủy  
bất tạt thâm, hữu long tặc  
linh. » chính đây là phong  
cảnh trại « Nhân Trí Dũng ».

Nút ấy (thưa, nút Chà Thới)  
đủ nuôi đức « Nhân » của ta, ta  
hãy out ! Suối ấy (thưa, suối Lồ  
Ô) cho ta hình ảnh đạo lý lưu hành  
ngày đêm không nghỉ, ta hãy  
thích ! Nước « Trí », non « Nhân »,  
đầy đủ, hàng ngày chiêm ngưỡng  
ngắm trông hít giới trí thức (tự  
kiểm duyệt hai chữ đề... phòng  
xa), làm sao quên được lý tưởng  
« Nhân Trí Dũng » ?

Nhà cháu cũng xin nói chữ Tây  
... bởi một tí đề đánh dấu chấm  
cho những giọng này, đề kết  
toán về mấy nhà trí thức...  
« bực » rằng :

L'homme d'aujourd'hui dit :  
Les montagnes ne sont pas plus  
hautes, les rivières ne sont pas  
plus profondes, l'homme, menteur  
et la femme fait tout le monde!



**\* TƯ TƯỞNG ĐẸP**

Có một cách xua nịnh rất khéo léo, là cố nghệ thuật nịnh  
nghịch lại đời lẫn đời với người mình muốn thọ ơn.

(André Maurois)

**Một cái  
tang cho  
Văn-nghệ  
Anh, và  
quốc-tế :**

**William Somerset MAUGHAM**  
đã từ trần,  
hưởng thọ 91 tuổi

Maugham (bên phải) cũng sinh năm  
1874 như Churchill (trái)  
Đôi bạn già chụp ảnh chung tại Côte d'Azur (Pháp), 1960



Ai đã đọc các tác phẩm của SOMERSET MAUGHAM (Anh-ngữ, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng) đều yêu văn của MAUGHAM, một lối văn giản dị, tế nhị, rất duyên dáng, và vô cùng hấp dẫn.

Các tác phẩm hay nhất của MAUGHAM: *Catalina, Servitude humaine, vacances de Noël. La passe dangereuse, L'Envouté, Le sortilège malais, Le fugitif. Amours Singulières v.v...*

Sinh năm 1874, tại Paris, ở đây 10 năm, học trung học ở Anh, đại học ở Đức (Heidelberg), trở về tiếp tục học Y-khoa ở London, và bắt đầu viết văn. Sau 1914-18, ông ở luôn bên Pháp, bỏ y khoa và chuyên về Văn-nghe. Ông mất ngày 16-12-1965 tại Côte d'Azur (Pháp).

Trong *Phở-Thông số Xuân*, chúng tôi sẽ trích dịch 1 chương rất cảm động trong tiểu thuyết *Catalina* của nhà Văn hào Anh.

TÂN PHONG

Kỷ niệm Sinh-nhật  
100 năm, của  
**Rudyard Kipling**  
Văn-sĩ, Thi-sĩ Anh

30 - 12 - 1865  
30 - 12 - 1965

Một bài thơ  
của Kipling

★

If I have given you delight  
By aught that I have done,  
Let me lie quiet in that night  
Which shall be yours anon  
And for the little, little span  
The dead are borne in mind,  
Seek not to question other than  
The books I leave behind...

(The Appeal)

(Nếu tôi đã cho anh thích thú  
Bởi những gì tôi đã làm thành  
Thì hãy để đêm nay cho tôi ngủ  
Rồi đêm nay sẽ là đêm của anh.  
Và khi người chết sống lại trong trí nhớ  
Thời gian một chút, một chút thôi  
Thì anh hãy tìm hỏi dù xa muôn thủa  
Những sách tôi còn để lại sau tôi)

★ **DIỆU HUYỀN**

(trích dịch trong tập thơ  
«Tiếng Gọi» của Kipling)



# PHỔ THÔNG

## VÒNG QUANH

### THẾ-GIỚI

\* Tin - Khanh

#### \* Chết theo chồng vì dí mộ chồng

Rudolf Valentino, ngôi sao màn bạc trứ danh thế giới trước đây 40 năm, chẳng may bị đau ruột dư và khi đem đi giải phẫu tại Nữ Ước thì đã quá muộn. Anh qua đời ngày 24-8-1926, vừa đing 32 tuổi.

Từ năm ấy trở đi, năm mộ anh lúc nào cũng đầy cả hoa của các cô nàng ái mộ anh khắp thế giới... Và năm 1931, một cô đã đến tận đây tự vạ trên nấm mồ yêu quý...

#### ● Vụ án ly kỳ lạ đời

Tháng 8 vừa qua, tòa án Chicago đã xử cô Veronica Skwiercznski được phép ly dị

chồng. Về tội anh chồng này gần hết chỗ nói. Hai vợ chồng thuê một căn phòng ở lầu ba. Mỗi lần anh ta đi đâu về, để chiếc mô tô nổ điếc cả tại đây mãi lên cho đến phòng ngủ. Đã thế lại buộc vợ phải cho anh đặt chiếc mô tô ở dưới giường ngủ của hai vợ chồng.

Cô vợ đã xin ly dị vì lý do chịu không nổi tiếng máy nổ và mùi xăng xông nghẹt cả đêm, bên lỗ mũi cô, và ngay cả trong những giờ phút mê ly nhất.

#### ● Ngày kỷ niệm-Chó sói

Nhân ngày kỷ niệm thứ 2718 ngày thành lập Đế quốc La Mã năm nay, bầy chó sói bị cấm chường trong điện Capitol được suất ăn gấp đôi ngày thường... để kỷ niệm con chó

## PHỔ THÔNG VÒNG QUANH

sói cái xưa kia đã nuôi sống Remy và Romulus, hai vị đã tạo lập ra Đế quốc La Mã.

#### Đô thị lớn nhất thế giới.

Jean Rigaux, một nhà văn trào phúng kể chuyện : Tôi có gặp 1 sĩ quan Đức trong thế chiến vừa qua ở Dortmund. Sau vài câu tán gẫu, hẳn nói :

— Không ông ạ. Đô thị lớn nhất thế giới không phải là Luân Đôn hay Đông Kinh, cũng chẳng phải Ba Lê hay Chicago mà là Stalingrad.

— Sao thế ?

— Vì năm 1942, tôi có mặt ở đó... Ông nghĩ xem, đi từ nhà bưu điện đến nhà ga mà chúng tôi phải đi 6 tháng đấy.

#### Cái « không » có hữu của người Nga

Tại một phiên họp ở trụ sở Liên hiệp Quốc, vị đại diện Hoa kỳ dùng mọi cách bắt ông đại biểu Nga lên tiếng, nhưng già kia, cầm văn hoàn câm.

Vị đại diện Hoa kỳ mới nói thêm :

— Ít nhất, ông có nhìn nhân rắng lúc nào tôi đưa ra đề nghị gì ông cũng đáp không cả không ?

Viết đại biểu Nga đáp tự nhiên :

— Không.

#### ● Nỗ nguyên tử không hại đến thời tiết

Ông David A Davies (Anh quốc) Chủ tọa trong khóa Đại hội về khí hậu học do tổ chức khí tượng học thế giới triệu tập ngày 19-8-65 vừa qua tại Stockholm đã tuyên bố như sau :

“ Các cuộc nổ thí nghiệm và hạch tâm không có ảnh hưởng gì đến thời tiết cả. Những nhận xét buộc tội cho những vụ nổ này đều sai lầm. ” Ông giải thích thêm :

“ Những người tin sức mạnh nguyên tử có ảnh hưởng đến « trời đất » là chưa hiểu gì sức mạnh phi phạm của trời đất. Một ví dụ : Muốn gây một trận bão nhỏ thôi, ít nhất cũng phải cho nổ liên tiếp 2 trái bom nguyên tử mỗi phút, và cho nổ mãi cho đến khi gió nổi lên.

**GLUCOCÉ**  
TÉVÉTÉ

**KEO SINH TỐ**

**CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ỨC**  
**NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRỮ AU-ĐỨC



★ Trần-Quán-Kiệt

(tiếp theo PT 163)

**T**RIỆU U ngây ngất như người say một giấc mộng huyền. Bàn tay mềm, ngón nhỏ, vuốt ve vào tận tâm hồn Triệu. Bỗng nhiên bàn tay đó rút lại, và giọng nói ấm dịu bốc lên :

— Nga có một việc muốn nhờ anh.

— Việc gì. Triệu hỏi.

Nga ngần ngại cúi đầu im lặng một lát.

Triệu lấy làm lạ :

— Có việc gì buồn phiền lắm ư ?

Nga lắc đầu :

— Em đang tìm cách thoát khỏi tên bầu của em. Anh có / giúp hay không ?

Triệu ngạc nhiên chồm lên hỏi :

— Việc ấy nào khó gì ?

— Thật khó anh ạ ! Thiên hạ đã biết mặt em cả rồi. Hầu hết là dân ăn chơi. Họ ghìem em lắm, anh ơi ! Nàng nói với một giọng thật tha thiết, khiến Triệu hơi tự tin. Triệu nghĩ thầm về Huyền Nga :

— Có thể nàng bắt bí gì về mình đây, sao giọng nói của nàng có vẻ không thành thật như thế ?

Lúc đó Huyền Nga xích lại gần, chàng hỏi :

— Này anh nghĩ gì thế, không giúp được em ư ?

— Anh nghĩ không biết giúp thế nào được. Vì có thấy sự gì ràng buộc đến em đâu.

Huyền Nga nói :

— Anh chưa hiểu bên trong của cái vũ trường đó.

— Thế nào ?

— Có tốt đẹp gì ?

— Thì đã hẳn rồi. Bọn đi ăn chơi có phải là bọn tốt đâu. Trong lúc chiến tranh và khốn khổ thế này.

Nga gạt đi :

— Anh cũng chẳng hều nổi.

Triệu tựa lưng vào gần nàng. Nga im lặng một lúc. Trăng này thật sáng. Sông dài và gió lạnh ; Nga chợt nói :

— Này anh, có khi nào anh thấy một sự cô đơn khủng khiếp chẳng ?

Triệu đùa :

— Cô đơn gì ?

Nga nói :

— Em đã chịu hết nổi cái không khí ấy.

Triệu ôm nàng vào lòng hỏi :

— Thế này có cô đơn nữa không ?

Nga nhìn chàng lặng thinh.

Triệu hôn nàng :

— Thế nào hỏi người đáng yêu ?

Nga vùng dậy :

— Tôi biết ông đã chai cả tâm hồn.

Triệu lắc đầu :

— Tâm hồn tôi vẫn như thường. Đi lính xong, đánh trận nhiều. Nhìn thấy cái chết quá lắm nên xem như mơ, thứ định mệnh hữu lý của trời. Vì thế mà sự cảm thông với cái khổ thường nó ít hơn, dễ cảm thông vì đau đớn với những cái ách khốn nạn kia.

— Em có thể hiểu lời anh. Nhưng loài người không là một khối tâm hồn chung.

Triệu hỏi :

— Thế nào. Anh không hiểu. Anh không thích việc tìm hiểu  
tỷ mỉ về tâm lý của người đàn bà.

Nga đáp :

— Nhưng ít ra với em.

— Vâng. Triệu gật đầu.

— Thật sự sở dĩ em đi dễ dàng với anh đêm nay vì lẽ đó.

— Vì lẽ đó em nhờ anh ư ?

Nga nói ngay :

— Một là thế và hai nữa.

Triệu hỏi :

— Một là lợi dụng ư.

Nga tức giận xô Triệu ra. Định ngồi dậy, Triệu ghì chặt nàng  
vào lòng. Nga cưỡng lại. Nhưng sao lại sức của người đàn ông khỏe  
Nàng đành khuất phục trong tay Triệu trên cổ ướt sưng. Áo nàng  
thấm lạnh. Triệu ghì và hôn nàng, những nụ hôn như sao rụng lên  
môi, lên má, lên trán.

Nga kêu thét :

— Đề em nói, buông em ra, buông em ra chứ !

Bỗng dưng có hai bóng người đi tới. Khuya quá, họ đi âm thầm  
như bóng ma.

Nga lo sợ :

— Buông ra anh, họ kia.

Triệu hỏi :

— Họ là ai.

Nga không đáp nhưng lăm lét nhìn hai bóng người đi chập chờn  
ở lề đường bên kia.

— Này buông ra đề họ thấy.

Nga nói thế rồi chống tay ngồi dậy.

— Sao thế em ?

— Em sợ quen.

— Sợ khách quen biết đi với anh ư ?

Nga chối khéo :

— Đâu có. Sợ nguy hiểm.

Triệu ngờ xây lưng ra bờ sông Nhìn lại. Hai cái bóng vẫn  
thập thò gần đó.

— Này anh, em lo quá.

— Hãy cho anh biết có chuyện gì chứ.

Bản tính đề phòng của Triệu là như thế. Chớ thất, Triệu đã  
xong lướt trận mạc nhiều, chàng quen trận giữa ngàn người, bây giờ  
có hai tên đó, sức chàng đủ chống cự. Và chàng lại có khẩu Colt.  
Nghĩ vậy Triệu vẫn bình tĩnh ngồi bên Nga.

Dáng Nga lùi sau Triệu như nhờ bóng của chàng che khuất đi  
dùm. Hai tên nọ có vẻ khả nghi lắm.

Nga nói bên tai Triệu :

— Này anh, em xem chúng là tay đàn em lão chủ của  
em đây. Chúng nó hung hăng lắm, đã mấy lần em bị chúng ra tay vây  
hãm không thoát được.

Triệu hỏi :

— Vì sao mà chúng theo ta mãi vậy ?

— Lão chủ sai dò xét đó.

Triệu bực tức nói lớn :

— Lão có quyền gì mà ghê thế.

— Thế lực và tiền bạc.

— Em đã bán cả thân phận em cho hắn ư ?

— Không.

Triệu lấy làm khó chịu :

— Nhưng phải trị hắn một trận cho hắn biết mình làm bậy chứ ?

— Ai mà trị nổi. Bọn chúng thù oán cả đời. Lại ai có thì giờ  
đâu mà phò g chúng, chán lắm.

Triệu nói :

— Đề anh nghĩ ra một cách.

— Này em, ráng về mà nghĩ ra cái yếu điểm của lão nghe chưa.

Nga ngây thơ, thật thà hỏi :

— Yếu điểm là sao ?

— Hoặc là gái, hoặc là bị vợ chèn hống, hoặc là vấn đề thuế  
má... làm ăn vùn vùn..

— Đề làm gì ? Nga hỏi.

Triệu nhìn nàng. Bỗng Nga lại kêu lên :

— Kia anh, chúng lại tới gần ta đó.

(còn tiếp)

Công - Ty Bảo - Hiểm

## « LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chính :  
30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông  
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon  
Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liên chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

## Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893  
31-33 Đường Lãn-Ông CHỢ LỚN

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-biên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm-ào

## NGUỒN VUI — SỨC KHỎE của mọi người và trong mọi gia - đình



**KHƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU,  
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH SỎNG LÂU YÊU BUI**

**Cần Đến kinh kỳ,** Bần hàn đã đượi, hay là đang  
hành kinh mà đau bụng, uống :  
**Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt  
Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon  
K.N. BYT. số 1 - 9-5-3

**Phong Ngứa,** Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó  
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà  
hết. uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**  
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.  
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 - 9-5-63)



**POLYVIT C<sub>a</sub>**  
TÉVÉTÉ

**DÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ  
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHÂM MỌC RĂNG  
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ AU-DUCÉ

## Bệnh Kiết

**Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ**  
dùng **Kim Xiên-Sơn** hiệu «**con Ve**» mau hết.

### ● AI BỊ BỆNH HO :

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống  
thuốc ho **Chỉ Khái Hoài** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm  
bổ phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-  
văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

**Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia**  
**Giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà**

**3 LÔ ĐỘC - ĐẮC**

**1.000.000 \$**

**BÁN GIÁ CHÍNH THỨC :**

**9\$60 :** CHO NGƯỜI BÁN LẺ  
**10\$ :** CHO NGƯỜI TIÊU THỤ  
**TẠI :** TỔNG NHA NGÂN-KHỐ  
TỔNG NHA THUẾ-VỤ  
SỞ XỔ SỐ KIẾN-THIỆT

**Thuốc bổ huyết** điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HÔI - XUÂN - TỐ** DI-AN-HÒA

Trị : **Kinh nguyệt bất điều**, tháng trời tháng  
sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dây dưa hoặc mới có hay đau  
bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, giây chằng yếu, bạch đới hạ  
khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị  
tiểu sản. Quý-Bà dùng Phụ-Nữ : **HÔI-XUÂN-TỐ** để  
mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa hay ỉ, có tháng  
đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C  
bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc ; DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thánh-Tôn Saigon

K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65

TINH THẦN SUY KÉM. ĐÀN ÔNG CỨNG NHƯ ĐÀN BÀ  
ĐÃ CÓ SẢN THUỐC BÒ THẬN

**SÂM - NHUNG ĐƯỢC TINH**  
**HIỆU ÔNG - GIÀ**

TRỮ BÀN KHẮP NƠI

**VIỄN - ĐÔNG ĐƯỢC HÀNG**

115, Đường Phùng-Hung — CHOLON

KNBYT số 674 ngày 17-1-64.

**KINH-LÝ VĂN - PHÒNG**

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon  
Điện-thoại 23. 187



**Phạm-văn-Lạng**

Giám-Định Trắc-dạ-sư  
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Số K. D. 2.670 ngày 24-12-65  
Giấy phép số 292 CDVITINH ngày 9-10-1961  
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ  
In tại NHÀ SỬU LÂM AN THỊ QUÁN  
231-237, Phạm-Nội-Lộ — Saigon